

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM



DỰ THẢO
KỸ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Hậu Giang, năm 2023

Hậu Giang, ngày 18 tháng 8 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO KHOA HỌC

“Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam trong giai đoạn hiện nay”

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 45/KH-CDLMN ngày 18/8/2023
của Trường Cao đẳng Luật miền Nam)

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
07h30-08h00	Đón đại biểu	Lễ tân
08h00-08h05	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, giới thiệu chủ trì, thư ký Hội thảo	Thầy Lãm
08h05-08h15	Phát biểu khai mạc Hội thảo và Báo cáo đề dẫn hội thảo	Thầy Nguyễn Duy Quốc - Phó Hiệu trưởng
08h15-09h30	Trình bày các tham luận (10 tham luận do Chủ trì chỉ định)	Các tác giả
09h30-10h00	Giải lao	
10h00-10h20	Thảo luận	Tất cả đại biểu
10h20-10h30	Phát biểu kết luận và bế mạc Hội thảo	Thầy Nguyễn Duy Quốc - Phó Hiệu trưởng
10h30-10h35	Chụp ảnh lưu niệm	Tất cả đại biểu
10h45	Mời cơm thân mật.	

MỤC LỤC

Stt	Tên tham luận/ tác giả	Trang
1	BÁO CÁO ĐỀ DẪN	1
2	Tham luận số 1. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC CHUNG <i>ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân</i> <i>Giảng viên - Khoa Đào tạo cơ bản</i>	4
3	Tham luận số 2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN CƠ SỞ <i>ThS. Nguyễn Thị Kim Hoa -</i> <i>Phó Trưởng khoa - Khoa Đào tạo cơ sở</i>	10
4	Tham luận số 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC CƠ SỞ <i>ThS. Nguyễn Thị Ngọc Giàu</i> <i>Phó Giám đốc - Trung tâm Tư vấn pháp luật</i>	18
5	Tham luận số 4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN HỌC NGHIỆP VỤ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM <i>ThS. Lê Văn Lý,</i> <i>Giảng viên - Phòng Tổ chức - Hành chính - Thư viện</i>	22
6	Tham luận số 5. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO THỰC HÀNH NGHỀ CHUYÊN NGÀNH LUẬT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM <i>ThS. Nguyễn Thị Na</i> <i>Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học</i>	31
7	Tham luận số 6. PHÁT HUY HIỆU QUẢ MÔ HÌNH “PHIÊN TÒA GIÁ ĐỊNH” VÀO TRONG GIẢNG DẠY THỰC HÀNH LUẬT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM <i>ThS. Trịnh Thị Muội -</i> <i>Giảng viên - Khoa Đào tạo cơ sở</i>	38

8	<p>Tham luận số 7. ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP ĐỐI VỚI MÔN HỌC NGHIỆP VỤ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM</p> <p style="text-align: right;"><i>Trần Lãm</i> <i>Giảng viên Phòng TC-HC-TV</i></p>	45
9	<p>Tham luận số 8. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO KỸ NĂNG SỐ CHO HỌC SINH, SINH VIÊN ĐANG HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY</p> <p style="text-align: right;"><i>Thạc sỹ Trần Thanh Xuyên,</i> <i>Giảng viên - Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang</i></p>	54
10	<p>Tham luận số 9. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC TUYỂN SINH NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP</p> <p style="text-align: right;"><i>Nguyễn Thị Mỹ Tiên</i> <i>Chuyên viên - Phòng ĐT&CTHSSV</i></p>	65
11	<p>Tham luận số 10. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP TẠI CÁC ĐƠN VỊ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO - GÓC NHÌN TỪ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ ĐÀO TẠO</p> <p style="text-align: right;"><i>ThS. Thái Quốc Phong</i> <i>Trưởng phòng - Phòng ĐT&CTHSSV</i></p>	76
12	<p>Tham luận số 11. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHUYÊN NGÀNH PHÁP LUẬT</p> <p style="text-align: right;"><i>ThS. Trần Thị Ty</i> <i>Giảng viên - Phòng ĐT&CTHSSV</i></p>	82
13	<p>Tham luận số 12. THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO</p> <p style="text-align: right;"><i>ThS. Trần Thị Ty</i> <i>Giảng viên - Phòng ĐT&CTHSSV</i></p>	89
14	<p>Tham luận số 13. ĐÀO TẠO SINH VIÊN LUẬT - CUNG CẤP NGUỒN NHÂN LỰC PHÁP LÝ CHO CÔNG CUỘC XÂY</p>	96

	DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC <i>Luật sư: Trần Văn Độ - Trưởng VPLS Trần Độ</i>	
15	Tham luận số 14. BÀN VỀ “NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO - GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN” <i>Sinh viên Lớp CD Dịch vụ pháp lý Khóa 1</i>	103

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC
“GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY”

Kính thưa Quý vị đại biểu, Thầy/ cô giáo, các em học sinh, sinh viên thân mến!

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề cốt lõi trong hoạt động đào tạo của các cơ sở giáo dục. Bởi lẽ chất lượng đào tạo là tấm gương phản chiếu tính hiệu quả, tính đúng đắn, tính phù hợp của chương trình đào tạo đối với nhu cầu xã hội. Và chất lượng đào tạo của mỗi ngành nghề phản ánh sự phù hợp của phương pháp đào tạo, kỹ năng truyền đạt, hướng dẫn tay nghề của đội ngũ giảng viên. Trong đó, chất lượng đào tạo pháp luật hiện nay càng được chú trọng để đáp ứng yêu cầu hoàn thiện Nhà nước Việt Nam Pháp quyền Xã hội chủ nghĩa.

1. Sự cần thiết nâng cao chất lượng đào tạo pháp luật tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam hiện nay

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta thời gian qua, hệ thống pháp luật ngày được ban hành đầy đủ, bao quát các mặt khác nhau của đời sống xã hội. Và yêu cầu của Nhà nước Pháp quyền Xã hội chủ nghĩa đó là, tất cả các hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức đều phải tôn trọng, tuân thủ pháp luật tuyệt đối, tôn trọng quyền công dân, quyền con người. Đối với các tầng lớp Nhân dân cũng không ngoại lệ, đó là tuân thủ, chấp hành pháp luật một cách nghiêm minh trong các hoạt động kinh tế, đời sống chính trị, sinh hoạt cuộc sống ngày và chỉ được làm những gì mà pháp luật không cấm.

Với yêu cầu đó, đòi hỏi cần phải có đội ngũ cán bộ, công chức am hiểu pháp luật và vận dụng pháp luật trong thực tế đúng, phù hợp, phục vụ tốt hơn quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; cần phải có đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật năng động, có kiến thức pháp luật góp phần nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật để không vi phạm pháp luật, xây dựng đời sống văn minh, công bằng, dân chủ, tiến bộ và giàu đẹp. Bên cạnh đó, chủ trương thực hiện xã hội hóa hoạt động công chứng, xã hội cần lượng công chứng viên nhất định. Và nguồn nhân lực ngành tư

pháp như luật sư, thừa phát lại¹... Đồng thời, đào tạo nguồn nhân lực pháp luật có chất lượng đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Bên cạnh đó, “việc kiểm soát chất lượng đào tạo nói chung, chất lượng đào tạo luật đặc thù nói riêng là hết sức cần thiết, bởi hàng năm nếu cứ hàng trăm nghìn sinh viên ra trường, cơ chế tuyển dụng chưa minh bạch thì đến lúc nào đó nguồn nhân lực pháp luật sẽ yếu kém”². Vì lẽ đó, chất lượng đào tạo luật phải được cơ sở đào tạo, các cấp, các ngành chú trọng và nâng cao hơn nữa. Đặc biệt quan tâm, triển khai thực hiện phát biểu của ông Trương Hòa Bình - Chánh án Tòa án nhân dân tại Phiên họp thứ 12 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương (ngày 29/4/2021) “cần giải pháp căn cơ hơn, có quy định chặt chẽ hơn để chất lượng đào tạo luật đầu ra tốt hơn, quan tâm viện trợ không hoàn lại của một số quốc gia trong đào tạo về luật thì mới mong tiệm cận chất lượng quốc tế. Ngoài ra, cần đánh giá toàn diện các cơ sở đào tạo luật, khẳng định cam kết rằng Nhà nước không “buông tay” trong đào tạo luật, không để tình trạng các cơ sở đào tạo luật “trăm hoa đua nở” như hiện nay...”.

Hơn hết là Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

2. Mục tiêu của Hội thảo khoa học “Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Luật miền Nam trong giai đoạn hiện nay”

Chất lượng đào tạo phản ánh chất lượng sản phẩm được đào tạo từ sự kết hợp hữu cơ theo quy trình từ các yếu tố chương trình đào tạo, giảng viên, phương pháp đào tạo, cơ sở vật chất..., để nâng cao chất lượng đào tạo các chuyên ngành pháp luật trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới, Nhà trường cần quan tâm xây dựng

¹ Thông qua Quyết định số 1155/QĐ-TTg ngày 30/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tiếp tục xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”.

² Phát biểu của ông Lê Thành Long - Bộ trưởng Bộ Tư pháp tại Phiên họp thứ 12 của Ban Chỉ đạo (BCĐ) Cải cách tư pháp Trung ương 29/4/2021 - <http://hocvientuphap.edu.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-hoc-vien.aspx?ItemID=2042>

các giải pháp căn cơ, phù hợp. Do vậy, Ban tổ chức Hội thảo mong muốn, đây là thực sự là diễn đàn khoa học cho nhà quản lý, giảng viên, chuyên gia, học sinh, sinh viên thảo luận, trao đổi đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam.

Một số vấn đề, đề xuất đại biểu quan tâm đến một số nội dung trọng tâm sau đây:

- 1) *Tài liệu, chương trình, giáo trình phục vụ giảng dạy, giảng viên và phương pháp giảng dạy (các môn học chung, các môn học cơ sở các môn học nghiệp vụ).*
- 2) *Công tác tuyển sinh, liên kết tuyển sinh.*
- 3) *Công tác quản lý đào tạo và liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên ngành pháp luật.*
- 4) *Công tác học sinh, sinh viên.*
- 5) *Công tác kiểm định chất lượng giáo dục.*
- 4) *Về người học - chất liệu làm nên chất lượng đào tạo.*
- 5) *Về cơ sở, vật chất*
- 6) *Nâng cao chất lượng đào tạo - Góc nhìn từ đơn vị sử dụng lao động.*
- 7) *Nâng cao chất lượng đào tạo - Góc nhìn từ đơn vị quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp*
- 8) *Các điều kiện kinh tế, xã hội khác.*

Hy vọng rằng, với những ý kiến góp ý quý báu từ nhà khoa học, từ các giảng viên, từ quý đại biểu sẽ giúp Nhà trường cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045

Cuối cùng, kính chúc quý đại biểu, các giảng viên, chuyên gia lời chúc mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt. Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào./.

Tham luận số 1

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC CHUNG

*ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân –
Giảng viên - Khoa Đào tạo cơ bản*

I. Đặt vấn đề

Trường Cao đẳng Luật miền Nam được thành lập theo Quyết định 863/ QĐ-BLĐ-TB-XH ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh- Xã hội về việc thành lập Cao đẳng Luật miền Nam, tiền thân là Trường Trung cấp Luật Vị Thanh trước đây. Từ khi thành lập đến nay, trường luôn quan tâm đến chất lượng giảng dạy các môn học để đạt được đúng mục tiêu của trường: đào tạo thế hệ học sinh, sinh viên có kiến thức chuyên môn, thực tiễn vững vàng, có đầy đủ trí lực để đáp ứng được nhu cầu việc làm trong xã hội.

Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực của thị trường lao động trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, kinh tế tri thức, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế dịch chuyển nhân lực trên thị trường lao động quốc tế, đòi hỏi nhà trường cần tìm ra nhiều giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo góp phần đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu của các ngành, địa phương và đơn vị sử dụng lao động.

II. Thực trạng

Trường Cao đẳng Luật miền Nam được Bộ Tư pháp đầu tư kinh phí xây dựng trụ sở khá khang trang cơ sở vật chất khá khang trang. Trong quá trình hoạt động, trường nhận được nhiều quan tâm giúp đỡ của lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ, lãnh đạo tỉnh, các cơ quan ngành. Với sự chỉ đạo sâu sát của Ban Giám hiệu trường cùng với đội ngũ giảng viên trẻ nhiệt tình năng động, luôn dành sự quan tâm sâu sắc đến học sinh, sinh viên, trường đã đạt được một số thành tựu đáng kể từ khi thành lập đến nay. Về cơ cấu tổ chức có 9 đơn vị thuộc trường gồm 4 phòng, 3 khoa và 2 trung tâm. Khoa Đào tạo cơ bản với nhiệm vụ xây dựng phương án triển khai thực hiện tốt chương trình đào tạo của Trường theo từng trình độ đào tạo thuộc

Khoa quản lý. Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun, tín chỉ có liên quan và phù hợp với chuyên môn của Khoa bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học, mô-đun, tín chỉ của chương trình. Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo theo định hướng phát triển của Nhà trường đối với trình độ đào tạo của Trường. Xác định nhiệm vụ và tầm quan trọng của Khoa trong quá trình đào tạo. Đội ngũ giảng viên của Khoa luôn chú trọng tự học, nâng cao trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn và học tập kinh nghiệm thực tiễn phục vụ tốt công tác giảng dạy của Khoa.

Hiện tại Khoa quản lý và tổ chức giảng dạy các môn học chung có 6 môn học: Giáo dục chính trị; Pháp luật; Tin học; Ngoại ngữ; Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh trong chương trình đào tạo ở trình độ trung cấp pháp luật, và thêm môn Kỹ năng giao tiếp trong chương trình đào tạo cao đẳng dịch vụ pháp lý và quản lý hành chính công. Chương trình 6 môn học chung đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng và ban hành theo các Thông tư sau: Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh; Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị; Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật; Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất; Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học; Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Trong quá trình tổ chức giảng dạy, Khoa Đào tạo cơ bản vẫn gặp một số khó khăn như sau:

- Một là, về đội ngũ giảng viên giảng dạy: hiện tại, số lượng giảng viên cơ hữu chưa đảm nhận giảng dạy được hết các môn chỉ có giảng viên cơ hữu giảng dạy môn Tiếng anh và Tin học còn lại các môn các học phần chung phải thỉnh giảng giảng viên, giảng viên cơ hữu của trường chưa nhiều nên đa phần đều phải thỉnh giảng giảng viên, việc kiểm tra đánh giá và quản lý quá trình giảng dạy cũng gặp khó khăn phần nào ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy.

- Hai là, về chương trình, tài liệu học tập:

Hiện nay nhà trường vẫn chưa có giáo trình cho môn chung như: môn Tin học, Chính trị, Kỹ năng giao tiếp, Giáo dục Quốc phòng an ninh nên gây khó khăn cho giáo viên cũng như học sinh, sinh viên trong quá trình giảng dạy. Đa phần giảng viên xây dựng chương trình chi tiết và tham khảo giáo trình từ các trường khác.

Chương trình môn học pháp luật dùng cho đào tạo trình độ cao đẳng bao gồm những kiến thức cơ bản về các vấn đề: Nhà nước và pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa; một số ngành luật cơ bản. Qua đó chúng ta thấy rằng lượng kiến thức pháp luật cần dạy và học rất nhiều trong khi đó số tiết quy định là 30 tiết. Nội dung chương trình còn dàn trải, nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn. Do trường đào tạo chuyên ngành luật bị trùng lặp nội dung trong chương trình giảng dạy môn pháp luật..

- Ba là, cơ sở vật chất của nhà trường:

Hiện tại trường có nhà tập đa năng phục vụ tốt giảng dạy Môn Giáo dục Quốc phòng an ninh và Giáo dục Thể chất tuy nhiên dụng cụ giảng dạy cho vẫn còn thiếu, nên cơ hội luyện tập của mỗi học viên không nhiều.

Đối với môn Tin học, cần có phòng thực hành Tin học giúp người học có khả năng luyện tập thực hành trong quá trình học tập. Tuy nhiên hiện tại phòng máy Tin học của nhà trường đang xuống cấp, số lượng máy tính chưa đảm bảo phục vụ được quá trình giảng dạy thực hành đối với môn học này.

- Bốn là, về cách thức tổ chức lớp học: Các môn học chung theo kế hoạch học tập của Trường thường sắp xếp học theo hình thức tập trung “cuốn chiếu”, học sinh, sinh viên phải học cả ngày vào các ngày cuối tuần đặc biệt là môn Giáo dục Quốc phòng an ninh, Giáo dục Thể chất. Mục tiêu môn Giáo dục Thể chất là rèn luyện thể chất thể lực cho học sinh, sinh đòi hỏi có cả quá trình rèn luyện tuy nhiên lại học tập trung cả ngày các ngày cuối tuần không đạt được mục tiêu giúp rèn luyện thể lực cho học sinh, sinh viên, trái lại còn tạo sự mệt mỏi cho người học nữa. Đối với môn Anh văn, Tin học và Chính trị cũng vậy, việc truyền đạt kiến

thức liên tục trong vài tuần chỉ là hình thức dồn nén kiến thức, chỉ để tạo cảm giác chán nản và không đọng lại được nhiều kiến thức cho học sinh, sinh viên.

Đối với các lớp trung cấp luật, bên cạnh đối tượng tuyển sinh là học sinh tốt nghiệp trường trung học cơ sở thì đối tượng tuyển sinh chủ yếu là những người công tác ở địa phương, ở các ấp, xã. Đặc điểm chung của những người này là đa số là người lớn tuổi, họ chưa trải qua việc tiếp xúc Tiếng Anh, Tin học khi còn ở bậc trung học cơ sở, do đó việc học Tiếng Anh, Tin học đối với những người này vô cùng khó khăn. Bên cạnh đó, có sự chênh lệch về độ tuổi ở các lớp, sĩ số mỗi lớp học khá đông, nên cơ hội cho các học sinh, sinh viên rèn luyện kỹ năng nói Tiếng Anh cũng như luyện tập thực hành trên máy tính còn ít. Mặt khác, một số học sinh, sinh viên không có động cơ học tập, không có mục tiêu, kế hoạch cụ thể, dành nhiều thời gian để lướt Facebook, Zalo hay các trang mạng xã hội khác. Vì vậy, giảng viên gặp nhiều khó khăn trong công tác giảng dạy, truyền đạt kiến thức.

III. Giải pháp

Từ thực trạng trong việc giảng dạy những môn chung trên, bản thân có đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, về đội ngũ giảng viên, giảng viên cơ hữu nhà trường cần chủ động, tích cực hơn trong tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, tham gia các lớp tập huấn phương pháp giảng dạy tích cực, tập huấn soạn tập bài giảng điện tử để giảng viên có thể áp dụng linh hoạt trong bài giảng của mình. Phòng, khoa chuyên môn cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động thao giảng, dự giờ đối với giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng của nhà trường.

Hai là, về chương trình, tài liệu học tập: nhà trường nên tăng cường công tác soạn và ban hành giáo trình các môn học như: Tin học, Chính trị, Giáo dục quốc phòng, Kỹ năng giao tiếp để thuận tiện cho giảng viên cũng như học sinh, sinh viên trong giảng dạy. Ngoài ra thư viện trường nên trang bị thêm các tài liệu tham khảo các môn học như Tin học, Anh văn, Kỹ năng giao tiếp cho học sinh, sinh viên tham khảo của trường. Ngoài ra, giảng viên cần đẩy mạnh hoạt động tự học đối với các

môn học tăng cường ứng dụng CNTT trong việc giao các nhiệm vụ, bài tập về nhà để làm tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu của học sinh sinh viên.

Ba là, về cơ sở vật chất, nhà trường nên quan tâm đầu tư về trang bị dụng cụ, phương tiện giảng dạy đảm bảo phục vụ tốt cho giảng dạy các môn chung, đặc biệt trang bị đầy đủ dụng cụ cần thiết cho môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất. Hoàn thiện phòng thực hành tin học đảm bảo phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy môn Tin học cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh sinh viên trong quá trình thực hành các kỹ năng Tin học ngoài các giờ học trên lớp. Ngoài ra, nên bố trí 1 phòng học thông minh và các phần mềm trong giảng dạy để phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học, trang bị đầy đủ máy cassette phục vụ giảng dạy môn học Tiếng Anh tại lớp.

Bốn là, về tổ chức lớp học, nên xem xét bố trí xen kẽ các môn học với nhau, hạn chế sắp xếp theo hình thức “cuốn chiếu”, đặc biệt là môn Tiếng Anh, Tin học, Giáo dục thể chất để không tạo áp lực và mệt mỏi và dồn nén kiến thức cho học sinh, sinh viên. Đặc biệt nên tổ chức giảng dạy các ngày trong tuần các lớp đào tạo chính quy xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với thời gian đào tạo.

Năm là, Khoa chuyên môn cần tích cực hơn trong các đề xuất đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Đổi mới phương pháp dạy học là khâu đột phá nâng cao chất lượng dạy học các môn chung. Đội ngũ giảng viên cần triển khai nhiều giải pháp đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học, với quan điểm “lấy người học là trung tâm”. Cần đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá HSSV, sử dụng nhiều biện pháp, hình thức để tác động đến nhận thức của HSSV hình thành nhân cách, con người mới biết nhận thức về mục tiêu ý nghĩa của môn chung. Giảng viên giảng dạy cần tránh nhồi nhét kiến thức, lý thuyết chung chung; xóa bỏ hình thức đọc thoại, truyền thụ kiến thức theo kiểu kinh viện, áp đặt. Thay vào đó là tăng cường sử dụng phương pháp đối thoại, gợi mở vấn đề để lôi cuốn sinh viên cùng tư duy, có thể phản biện chính nội dung đang nghiên cứu. Phát huy có hiệu quả những phương pháp như đối thoại, nêu vấn đề, thảo luận nhóm... có thể thực hiện thông tin hai chiều, giải đáp kịp thời những vấn đề người học quan tâm và đặt ra các tình huống “có vấn đề” cuốn hút họ cùng tham gia giải

quyết trong quá trình nhận thức. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần hỗ trợ, xây dựng động cơ học tập đúng đắn cho học sinh sinh viên trong suốt quá trình học các môn chung.

Sáu là, nên áp dụng đa dạng, linh hoạt nhiều hình thức kiểm tra đánh giá, thi kết thúc môn học không chỉ các môn chung mà còn ở các môn học khác. Không nên chỉ áp dụng một hình thức là kiểm tra, hoặc thi bằng hình thức tự luận mà nên áp dụng đánh giá học sinh bằng nhiều hình thức khác nhau. Có thể thi bằng hình thức vấn đáp, hay thực hành giải quyết tình huống. Các hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau đòi hỏi học sinh, sinh viên có kiến thức thật vững vàng, đồng thời còn rèn luyện kỹ năng nói trước công chúng và sự tự tin cho học sinh, sinh viên.

Trên đây là thực trạng và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn chung. Mong rằng với những giải pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy các môn chung của trường trong thời gian tới./.

Tham luận số 2**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY
CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN CƠ SỞ**

*ThS. Nguyễn Thị Kim Hoa -
Phó Trưởng khoa Khoa Đào tạo cơ sở*

Trong bối cảnh sự phát triển của đất nước ngày càng diễn ra mạnh mẽ và sâu rộng, đã và đang đặt ra những yêu cầu riêng biệt về nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề, từng vị trí việc làm nhất định, đặc biệt trong lĩnh vực pháp lý. Trong đó hoạt động giáo dục nghề nghiệp được đặc biệt quan tâm, bởi lẽ sự chi phối trực tiếp đến phần lớn nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu tuyển dụng hiện nay. Vì lẽ đó, Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014³ đã xác định hoạt động giáo dục nghề nghiệp phải đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực thực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế, bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động.

Từ những vấn đề trên, năm 2016 đánh dấu bước phát triển mới và quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp khi Chính phủ quyết định thống nhất giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp⁴. Từ đây, các công cụ và phương tiện quản lý hoạt động giáo dục nghề nghiệp có sự điều chỉnh nhất định, trong đó hình thức tổ chức chương trình đào tạo là vấn đề quan trọng cần được định hướng ban đầu nhằm tạo sự phù hợp và tương thích nhất định với quá trình đào tạo nghề nghiệp hiện nay. Như vậy, giáo dục nghề nghiệp là một trong những chìa khóa mở cửa vào tương lai, góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương. Coi trọng và đầu tư cho giáo dục nói chung, giáo dục nghề nghiệp nói riêng là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển nguồn lực con người, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

³ Luật Giáo dục nghề nghiệp có hiệu lực ngày 01/7/2015.

⁴ Mục 14, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 03/9/2016 của Chính phủ.

Cũng nhằm hướng đến mục tiêu ấy cho địa phương và khu vực, chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng và Trung cấp Luật của Trường Cao đẳng Luật miền Nam được thiết kế để đào tạo người học trở thành cán bộ pháp luật có thể làm tốt công việc tại bộ phận pháp chế, văn phòng, các Ban của HĐND các cấp, văn phòng UBND các cấp; công tác tư pháp - hộ tịch cấp xã, cấp huyện; chuyên viên các phòng chức năng thuộc Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp; thư ký thi hành án dân sự; các tổ chức chính trị - xã hội; nhân viên trợ giúp pháp lý tại các Văn phòng luật sư, Văn phòng công chứng, doanh nghiệp,... Là người lao động có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; là những người có tác phong công nghiệp, có sức khỏe và khả năng ổn định việc làm hoặc có khả năng thích ứng với cuộc sống; tôn trọng các qui định tại nơi làm việc, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có đủ sức khỏe để làm việc đáp ứng yêu cầu phát triển của bản thân và của nền kinh tế - xã hội.

Ngoài những kiến thức chung, chương trình đào tạo Cao đẳng, Trung cấp Luật còn cung cấp những kiến thức lý luận và thực tiễn về một số môn học như: (1) Lý luận Nhà nước và Pháp luật; (2) Luật Hiến pháp; (3) Luật Hành chính; (4) Pháp luật về phòng chống tham nhũng; (5) Luật Hình sự; (6) Luật Tố tụng hình sự; (7) Luật Hôn nhân và Gia đình; (8) Luật Thương mại; (9) Luật Tài chính; (10) Luật Dân sự; (11) Luật Tố tụng dân sự; (12) Luật Đất đai; (13) Luật Lao động; (14) Luật An sinh xã hội. Tùy vào hình thức đào tạo mà chương trình đào tạo các học phần cơ sở được sắp xếp, cân đối cho phù hợp với tính đặc thù của mỗi ngành nghề theo từng nhóm đối tượng người học. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo Cao đẳng, Trung cấp Luật nói chung, hay cụ thể là các học phần cơ sở nói riêng là hướng đến người học có khả năng đảm nhận và tự tin thực hiện tốt nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực pháp luật trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị hay doanh nghiệp; đồng thời có khả năng tự học, chủ động nghiên cứu, có ý chí vươn lên trong học tập nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể:

- Một là, ngoài việc hiểu luật nội dung và luật hình thức về pháp luật hình sự, hành chính, dân sự, thương mại, các thủ tục tố tụng,... để có thể tham mưu, tư vấn, vận dụng vào thực tiễn đời sống xã hội và tuyên truyền, vận động các chủ thể khác hiểu và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật liên quan thì vấn đề hiểu biết

được kiến thức, kỹ năng tác nghiệp chuyên môn trong chuyên ngành đối với các chức danh của cơ quan tư pháp địa phương và chính quyền cơ sở là một trong những nền tảng quan trọng. Bên cạnh đó, (i) Nâng cao sự hiểu biết và lý giải một cách khoa học các hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, các cơ quan tư pháp và cơ quan của chính quyền cơ sở; phân tích được một cách lô-gic, khoa học và giải quyết đúng quy định của pháp luật các vụ việc cụ thể liên quan đến công việc được giao; (ii) Có khả năng tham gia phổ biến pháp luật cho các đối tượng quản lý, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn nhằm nâng cao sự hiểu biết và chấp hành tốt quy định của pháp luật có liên quan; (4) Khắc phục được những hạn chế trong cách xử lý công việc, thậm chí là những sai lầm, khiếm khuyết trong áp dụng pháp luật thực định.

- Hai là, về phẩm chất đạo đức, thái độ nghề nghiệp: (i) Rèn luyện tác phong công nghiệp, thái độ nghề nghiệp nghiêm túc, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt cho cán bộ làm công tác pháp luật trong tương lai; (ii) Hướng đến đào tạo ra những con người có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có lối sống lành mạnh, có trách nhiệm đối với công việc, gia đình và xã hội.

Qua từng năm học, chất lượng giảng dạy tuy được nâng lên, nhưng vẫn cần thiết có những góc nhìn đổi mới để nâng cao hơn nữa về chất lượng đào tạo của Trường để linh động đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội đương đại. Việc nâng cao chất lượng giảng dạy hiện nay đang là đòi hỏi bức thiết đòi hỏi cần có sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và sự chủ động nỗ lực của mỗi giảng viên tăng cường đầu tư cho công tác giảng dạy. Đặc biệt cần có những giải pháp mang tính định hướng nhằm phát huy những mặt tích cực, khắc phục những thiếu sót trong thời gian qua để đẩy mạnh thực hiện mục tiêu chung của nhiệm vụ chính trị trong công tác đào tạo của Trường. Một số đề xuất giải pháp thực hiện như sau:

1. Về đội ngũ giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở

Trường hiện có:

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường: Đảm bảo 11/14 học phần cơ sở (100% đội ngũ giảng viên đều có trình độ Thạc sĩ và được bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp).

- Đội ngũ giảng viên kiêm chức của Trường: Đảm nhận 03/14 học phần cơ sở. Là những công chức có học vị, đang giữ chức vụ, có kinh nghiệm giảng dạy và thâm niên công tác tại các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn trong và ngoài tỉnh nên tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV vừa học vừa tiếp cận với thực tiễn thực hiện pháp luật (như: Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự; Thẩm phán Tòa án nhân dân, Luật sư...).

Trong giáo dục nghề nghiệp thì việc giảng dạy không chỉ đơn thuần là giảng dạy lý thuyết mà luôn luôn đòi hỏi phải theo hướng thực hành nghề, do vậy việc giảng dạy các học phần cơ sở cũng vậy, cũng đòi hỏi các hoạt động mang tính ứng dụng thực hành nghề, có lý luận và có thực tiễn áp dụng, xử lý tình huống và có sự ghép nối với những kiến thức từ các học phần cơ bản, đồng thời gợi mở đến các học phần nghiệp vụ sẽ đi sâu hơn về trình tự thủ tục của một số mặt công tác pháp lý có liên quan ở từng vị trí việc làm.

Do vậy, yêu cầu đặt ra là đội ngũ giảng dạy các học phần cơ sở phải có tính chủ động về kiến thức thực tiễn và vững vàng về chuyên môn để truyền đạt, để dẫn dắt và định hướng HSSV; khơi gợi cho HSSV khả năng tìm tòi, chủ động nghiên cứu để phát triển năng lực tư duy của bản thân. Ngoài cơ chế chính sách, khuyến khích của Nhà trường thì riêng mỗi nhà giáo cần có sự chuẩn bị và nỗ lực riêng của bản thân. Trong mỗi “hành trình” thì yếu tố con người luôn giữ vai trò then chốt quyết định sự thắng lợi của tập thể đơn vị.

2. Tăng cường công tác đưa giáo viên đi thực tế học tập kinh nghiệm

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thì: nhà giáo có 04 tuần để “*thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn*” (theo điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH). Như vậy có thể thấy, một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được xác định đó là hoạt động nghiên cứu thực tế để bổ

sung kiến thức thực tiễn vào bài giảng. Tuy nhiên để hoạt động này phát huy, đặc biệt đối với nhà giáo giảng dạy các học phần cơ sở thì đề xuất:

Một là, việc đưa giáo viên đi thực tế phải đúng cơ quan, đơn vị thực hiện các chức năng nghề nghiệp phù hợp với chương trình giảng dạy của từng môn học, và cần thiết phải có thời hạn nhất định để học tập kinh nghiệm theo từng lĩnh vực. Trong điều kiện có thể thì có thể kết hợp nhà giáo của Trường đi thực tế tại cơ quan, đơn vị với các nhiệm vụ chính trị khác của Trường.

Hai là, mở rộng thêm hoạt động đi thực tế của giáo viên là việc đăng ký công tác nghiệp vụ tại các cơ quan, đơn vị có liên quan, theo đó ngoài thời gian đi thực tế thì xem xét tạo điều kiện cho giáo viên đi công tác nghiệp vụ định kỳ với nơi đăng ký thực tế. Để quá trình thực hiện được nhịp nhàng thì nên chăng cần đưa nội dung tạo điều kiện cho nhà giáo đi thực tế học tập kinh nghiệm, tham gia tác nghiệp chuyên môn, phối hợp tư vấn pháp lý cho người có nhu cầu vào các Chương trình phối hợp giữa Trường với các cơ quan, đơn vị hữu quan, để qua đây có thể tạo cơ sở bước đầu cho đội ngũ giảng viên cơ hữu có thể nâng cao khả năng hiểu biết, tìm hiểu tình huống thực tiễn thi hành pháp luật để củng cố bài giảng, làm đa dạng và sâu sắc hơn về nội dung truyền đạt kiến thức của nhà giáo đối với HSSV.

Ba là, công tác quản lý nhà giáo đi thực tế cần có tính đa chiều. Điều này được thể hiện ở vai trò và trách nhiệm của từng đơn vị, cụ thể: (i) Nhà giáo đi thực tế nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được phân công trong thời gian đi thực tế, có báo cáo kết quả đạt được được thủ trưởng đơn vị thực tế xác nhận cho các Khoa, Phòng có liên quan; ý thức kỷ luật trong thời gian thực tế, tác nghiệp tại cơ sở; bổ sung và hoàn thiện bài giảng với những kết quả đạt được từ thực tế; (ii) Khoa chuyên môn kiểm tra tiến độ và đánh giá hiệu quả đi thực tế, rà soát tính mới của bài giảng sau khi đi thực tế và khả năng ứng dụng các kiến thức thực tiễn trong hoạt động giảng dạy; (iii) Phòng Tổ chức - Hành chính và Thư viện phối hợp với Khoa chuyên môn theo dõi và báo cáo kết quả đạt được trong quá trình nhà giáo tham gia thực tế.

3. Đào tạo theo định hướng “thực hành nghề”, “cầm tay chỉ việc”

Trong thị trường lao động cũng như việc “cạnh tranh” trong công tác đào tạo thì vấn đề yếu tố “chất lượng” luôn là yếu tố đặt ra hàng đầu. Do vậy, làm sao để có

chất lượng đầu ra luôn là một “bài toán” cần được giải đáp toàn diện, và đối với giảng dạy các học phần chuyên môn nghiệp vụ luôn giữ vai trò định hướng “thực hành nghề” cho học viên. Nội hàm của “thực hành nghề” được đánh giá ở nhiều góc độ, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, khả năng xử lý tình huống,... Trước những yêu cầu đòi hỏi quá trình đào tạo theo hướng “thực hành nghề” thì trước tiên cần thay đổi phương pháp giảng dạy cũng như đánh giá học viên. Có thể thấy:

Một là, sự vào cuộc của nhà giáo giảng dạy đối với những tiết học thực hành của HSSV; cần có những báo cáo tổng hợp nhìn nhận lại quá trình thực hành, thảo luận của người học, để đánh giá những gì mà người học đang cần, đang quan tâm hay những gì mà người học đang thiếu, đang yếu hoặc những kỹ năng cần phải được bổ trợ thêm. Bởi lẽ, mục tiêu của Chương trình đào tạo là hướng đến “thực hành nghề” cho người học; muốn vậy thì “cầm tay chỉ việc” là cần thiết để trang bị cho HSSV. Từ đây cho thấy cần thiết đặc biệt chú trọng tổ chức xử lý tình huống mẫu bằng hồ sơ mẫu với những tình huống cụ thể, nhà giáo định hướng cho HSSV trong quá trình nghiên cứu, vận dụng quy phạm pháp luật để xử lý từng vụ việc cụ thể; để học viên đóng vai và xử lý tình huống (thông qua phiên tòa giả định) như được học lý thuyết và “thực hành nghề” với việc đóng vai để dễ dàng nhận thức sâu sắc hơn về chương trình của ngành học.

Hai là, tổ chức các buổi tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề trong lĩnh vực của học phần cơ sở như: hành chính, dân sự, hình sự, lao động, an sinh xã hội, hôn nhân gia đình, đất đai,... Thông qua những buổi sinh hoạt này sẽ là cơ hội để người học có thể củng cố kiến thức, có dịp trao đổi và trình bày được những hiểu biết của bản thân; hơn hết là rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước đám đông, khả năng nói, khả năng diễn đạt, khả năng phản biện của sinh viên Luật....

Ba là, trong quá trình giảng dạy, nhà giáo cần thiết phải có sự cân nhắc đối với từng đối tượng người học để có phương pháp tổ chức lớp học phù hợp. Bởi lẽ, đối tượng người học trong một lớp học có thể khác nhau (người đang công tác tại cơ quan, đơn vị; hoặc người học là học sinh vừa tốt nghiệp THCS/THPT) nên điểm xuất phát của mỗi nhóm HSSV là khác nhau, nên khả năng khác nhau và mong muốn những nội dung “cần” được cung cấp có thể khác nhau. Chính vì lẽ đó qua từng tiết dạy, nhà giáo cần phân nhóm đối tượng để có phương pháp phù

hợp, để dẫn dắt, kết nối lớp học đạt được điểm chung của mục tiêu môn học; tuy nhiên cơ bản vẫn theo trên tinh thần “cầm tay chỉ việc” để người học có thể dễ dàng cô đọng, hệ thống nội dung cốt lõi của bài học.

Bốn là, thay đổi phương pháp đánh giá mang tính “thực hành nghề” thông qua hình thức hình thức vấn - đáp trực tiếp ở một số môn học nhằm đánh giá khả năng lập luận, xử lý tình huống, khả năng giao tiếp để đánh giá toàn diện và kịp thời có giải pháp khắc phục để chuẩn đầu ra đạt yêu cầu, đồng thời qua đó định hướng và xây dựng “hình mẫu” của nhân viên pháp lý cho người học sau khi ra Trường, gieo hoài bão, ước mơ và ý chí phấn đấu cho học viên.

4. Chất lượng giảng dạy học phần cơ sở có mối quan hệ mật thiết với các học phần chung và kết nối với các học phần chuyên môn nghiệp vụ

Trong chương trình tổng thể đào tạo Cao đẳng, Trung cấp Luật thì giữa các học phần chung - học phần cơ sở - học phần chuyên môn nghiệp vụ đều có mối quan hệ với nhau, không tách rời nhau trong quá trình giảng dạy liên tục mang tính tuần tự: (i) Việc giảng dạy các học phần cơ sở là việc tiếp nối của các học phần chung, đồng thời gợi mở, chuyên tiếp đến các học phần chuyên môn nghiệp vụ; hay có thể thấy, (ii) việc giảng dạy các học phần chuyên môn nghiệp vụ (là các học phần cuối của kế hoạch đào tạo) là tiếp nối mang tính liên tục của các học phần cơ sở, với nền tảng là các học phần chung trước đó. Tất cả đều tạo nên những “mắc xích” quan trọng, không thể tách rời trong kế hoạch đào tạo của mỗi lớp. Do vậy, để giảng dạy tốt các học phần cơ sở thì nhà giáo giảng dạy cũng cần thiết kết hợp một số vấn đề thuộc về các học phần chung.

Chẳng hạn như môn Kỹ năng giao tiếp trong Chương trình đào tạo Cao đẳng (Pháp luật Quản lý hành chính công, Dịch vụ pháp lý) thì có thể thấy: Kỹ năng giao tiếp cũng là một công cụ đặc biệt quan trọng và mang tính xuyên suốt để thể hiện khả năng ứng xử, giao tiếp, xử lý tình huống khéo léo trong thi hành công vụ. Trong thị trường lao động khắt khe ngày nay, đòi hỏi mỗi HSSV phải biết hoàn thiện bản thân mình, nhanh nhạy và tinh tế trong phỏng vấn tìm việc, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ,...

Đẩy mạnh nâng cao chất lượng đào tạo đối với các học phần cơ sở nói riêng và các học phần theo Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp Luật nói chung có chất lượng để khẳng định thương hiệu của Trường trong hệ thống giáo dục, đào tạo và thị trường lao động. Muốn vậy thì cần thiết phải cải tiến mạnh mẽ giải pháp đào tạo theo hướng “cầm tay chỉ việc” kết hợp với rèn luyện các kỹ năng căn bản cho người học nhằm mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được ngay yêu cầu công việc bằng kiến thức và kỹ năng mềm được học. Xuất phát từ thực tiễn giảng dạy và học tập các học phần cơ sở của Trường, những giải pháp đặt ra nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy cần thiết có sự tác động và vào cuộc của tất cả các đơn vị có liên quan, mà nhất là sự đầu tư có trách nhiệm của chính đội ngũ giảng viên, trên tinh thần: *Người học là trung tâm - Nhà giáo là nòng cốt* trong xuyên suốt các hoạt động đào tạo của Trường; huy động sự tham gia của từng bộ phận trong Nhà trường cùng thực hiện tốt dịch vụ cho người học, có những đổi mới căn bản nhằm đạt mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo thực hành nghề cho HSSV đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay./.

Tham luận số 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC CƠ SỞ

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Phó Giám đốc - Trung tâm Tư vấn pháp luật

Kính thưa chủ tọa,

Kính thưa đại biểu tham dự Hội thảo !

“Đào tạo - Chất lượng đào tạo” là vấn đề luôn được các trường đặc biệt quan tâm vì nó được xác định là yếu tố mang tính quyết định đến “Thương hiệu - Chất lượng của nhà trường” trong bối cảnh cạnh tranh giữa rất nhiều cơ sở đào tạo hiện nay.

Về phía Trường Cao đẳng Luật miền Nam, nội dung này được cụ thể như sau: Trường đã 04 lần ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp luật: 2011, 2016, 2018, 2021 theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Đối với trình độ cao đẳng, căn cứ quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thì Trường ban hành chương trình đào tạo của 02 ngành trình độ cao đẳng (1) Pháp luật quản lý hành chính công; (2) Dịch vụ pháp lý. Các chương trình đào tạo đều đảm bảo đúng quy định về cơ cấu, số tiết, về thời lượng, nội dung,... đảm bảo đào tạo cung cấp kiến thức cho sinh viên theo hướng đào tạo nghề nghiệp.

Bên cạnh các môn học thuộc khối kiến thức chung và nghiệp vụ thì các môn học thuộc kiến thức cơ sở đóng vai trò “then chốt” trong chương trình đào của Nhà trường. Đối với chương trình đào tạo được thiết kế thành các môn học: Môn học cơ bản, môn học cơ sở và môn học nghiệp vụ. Trong đó, môn học cơ sở: Chương trình Trung cấp⁵: 08 môn với khoảng 20 tín chỉ/ 420 giờ. Bao gồm các môn học (Luật

⁵ Quyết định số 25/QĐ-CĐLMN ngày 04/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp pháp luật.

Hiến pháp và Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hành chính, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Thương mại,...); Chương trình Cao đẳng (Pháp luật quản lý hành chính công⁶/ Dịch vụ pháp lý⁷) tính đến thời điểm hiện tại thì Chương trình đào tạo của Nhà trường đã đưa vào đào tạo hơn 02 năm. Việc đầu tư trí tuệ, công sức vào việc tham mưu ban hành chương trình rất công phu và tốn thời gian với mục tiêu để bắt kịp xu hướng phát triển và kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung của Nhà trường. Trong đó, cụ thể từng bước nâng cao chất lượng đào tạo các môn học nói riêng trong chương trình đào tạo. Cá nhân tôi đánh giá rất cao về việc tổ chức Hội thảo hôm nay về sự cần thiết và phù hợp với bối cảnh hiện nay của Nhà trường.

Kính thưa Chủ tọa, thưa quý đại biểu tham dự Hội thảo!

Là một giảng viên được Ban Giám hiệu phân công giảng dạy môn Luật Hôn nhân và gia đình (môn cơ sở) ở bậc đào tạo Trung cấp và Cao đẳng. Qua việc giảng dạy thực tế các lớp tại trường và các đơn vị liên kết cá nhân nhận thấy để nâng cao chất lượng đào tạo nói chung của nhà trường và chất lượng đào tạo các môn học cơ sở cần khắc phục một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, thiếu tài liệu, giáo trình nghiên cứu. Trên thực tế, ngoài bài giảng của giảng viên, các văn bản có liên quan đến môn học, một số môn trong chương trình đào tạo (Trung cấp - Cao đẳng) chưa có giáo trình tham khảo. Đặc biệt, tại các đơn vị liên kết phối hợp mở lớp tại các tỉnh phần lớn chưa tiếp cận được tài liệu để tham khảo.

Thứ hai, người học chưa thật sự chủ động trong việc tham gia học tập tại lớp (lớp chỉ đảm bảo số lượng khi giảng viên thông báo kiểm tra thường xuyên, định kỳ môn học). Ý thức tự học còn hạn chế trong học sinh - sinh viên các lớp. Bên cạnh đó, việc áp lực về công tác tuyển sinh - đào tạo phần nào cũng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nói chung của Nhà trường trong đó có các môn học cơ sở.

⁶ Quyết định số 24/QĐ-CĐLMN ngày 04/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng pháp luật về quản lý hành chính công.

⁷ Quyết định số 26/QĐ-CĐLMN ngày 04/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng Dịch vụ pháp lý.

Thứ ba, đặc thù hiện nay của Nhà trường đa phần các lớp được bố trí vào các ngày cuối tuần (Thứ bảy, chủ nhật), đối tượng tham gia là cán bộ bán chuyên trách tại cơ sở nên thời gian vừa phục vụ công tác tại địa phương vừa tham gia học tập phần nào ảnh hưởng đến việc tiếp thu bài giảng và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Kính thưa Chủ tọa, thưa quý đại biểu tham dự !

Xuất phát từ thực trạng nêu trên với mong muốn góp phần tìm ra giải pháp từng bước nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường trong thời gian tới nhất là các môn học cơ sở. Cá nhân tôi xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, tài liệu, giáo trình tham khảo, thiết bị phục vụ giảng dạy tại các đơn vị liên kết cần được bố trí đảm bảo cho hoạt động dạy và học (Nhà trường tặng bộ sách, giáo trình gửi lại đơn vị liên kết/lớp học; Đơn vị phối hợp bố trí cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy được tốt hơn).

Thứ hai, đảm bảo số giờ giảng dạy theo chương trình đào tạo. Đảm bảo người học được cung cấp đủ lượng kiến thức - thời gian theo chương trình.

Thứ ba, đề tăng tính thực tiễn cho hoạt động dạy - học. Đề nghị xem xét, tạo điều kiện cử giảng viên đi thực tế hàng năm “bắt buộc” giúp cho hoạt động giảng dạy gắn liền với thực tiễn.

Thứ tư, giảng viên “truyền cảm hứng” cho học sinh - sinh viên khơi gợi niềm đam mê và tự tìm tòi, nghiên cứu. Kết hợp thay đổi cách thức đánh giá (thi vấn đáp, xử lý tình huống...).

Thứ năm, tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm chuyên đề chuyên sâu về lĩnh vực thuộc khoa quản lý. Giúp giảng viên có điều kiện tiếp cận “đa chiều” về một lĩnh vực mà mình được phân công giảng dạy. Qua đó, giảng viên cập nhật, bổ sung kết quả của Hội thảo vào bài giảng làm phong phú hơn cho tiết giảng thu hút người nghe từng bước góp phần nâng cao chất lượng của môn giảng - chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Cuối lời, xin kính chúc quý đại biểu, thầy, cô giáo lời chúc mạnh khỏe, chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng kính chào !

Tham luận số 4

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN HỌC NGHIỆP VỤ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM

*ThS. Lê Văn Lý,
Giảng viên - Phòng Tổ chức - Hành chính - Thư viện*

1. Đặt vấn đề

Trường Cao đẳng Luật miền Nam được thành lập theo Quyết định số 863/QĐ-LĐTBXH ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung cấp Luật Vị Thanh (*được thành lập theo Quyết định số 2222/QĐ-BTP ngày 19/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp*), là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Tư pháp với chức năng chính là đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp về lĩnh vực pháp luật; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề; nghiên cứu khoa học pháp lý. Hiện nay, Trường Cao đẳng Luật miền Nam được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) cấp phép tuyển sinh và đào tạo ở 03 mã ngành/ngành với quy mô tuyển sinh 310 học sinh, sinh viên/năm (*gồm: 210 chỉ tiêu Trung cấp Pháp luật; 50 chỉ tiêu Cao đẳng Dịch vụ pháp lý và 50 chỉ tiêu Cao đẳng Pháp luật về Quản lý hành chính công*).

Khác với các chương trình đào tạo luật ở bậc cử nhân trở lên, các chương trình đào tạo luật ở bậc trung cấp, cao đẳng ngoài việc cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, nền tảng về pháp luật tương ứng với trình độ được đào tạo để có thể tiếp tục tham gia học ở cấp trình độ cao hơn thì việc hình thành các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu của các vị trí việc làm xã hội có nhu cầu là điều rất quan trọng. Hiện nay, Trường Cao đẳng Luật miền Nam đã ban hành các chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng các ngành/ngành được cấp phép⁸ với các hình thức đào tạo (*chính quy, vừa làm vừa học*) và đối

⁸ Trường hiện có 06 chương trình đào tạo được ban hành và sửa đổi theo các Quyết định: Quyết định số 172/QĐ-CĐLMN ngày 30/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam phê duyệt chương trình đào tạo Trung cấp Pháp luật, Cao đẳng Dịch vụ pháp lý và Cao đẳng Pháp luật về Quản lý hành chính công sửa đổi, bổ sung năm 2022; Quyết định số

tượng tuyển sinh đa dạng, với các môn học trong các chương trình đào tạo được tổ chức thành 03 nhóm gồm: môn học chung, môn học cơ sở và môn học nghiệp vụ⁹. Việc hình thành các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên được chú trọng qua các nội dung thực hành trong các nhóm môn học nêu trên, trong đó các môn học nghiệp vụ có vai trò quan trọng nhất.

Cùng với công tác tuyển sinh, việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo các ngành/ngành về pháp luật được cấp phép luôn được Nhà trường đặt lên hàng đầu. Để nâng cao chất lượng đào tạo đòi hỏi Nhà trường phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp. Với việc các chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng về pháp luật tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam được tổ chức thành các môn học thì chất lượng giảng dạy các môn học trong chương trình được xác định là yếu tố

176/QĐ-CĐLMN ngày 10/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng Dịch vụ pháp lý và Cao đẳng Pháp luật về Quản lý hành chính công.

⁹ Cơ cấu các môn học theo nhóm các môn học trong các chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Luật miền Nam cụ thể như sau:

(1) Trung cấp Pháp luật (dành cho người tốt nghiệp THCS): bao gồm 6 môn học chung (255 giờ), 8 môn học cơ sở (420 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (540 giờ. Trong đó, 6 môn học nghiệp vụ bắt buộc và chọn 180/360 giờ, tương đương 02/04 môn học nghiệp vụ tự chọn). Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 270 giờ.

(2) Trung cấp Pháp luật (dành cho người tốt nghiệp THPT): bao gồm 6 môn học chung (255 giờ), 8 môn học cơ sở (300 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (540 giờ. Trong đó, 6 môn học nghiệp vụ bắt buộc và chọn 180/360 giờ, tương đương 02/04 môn học nghiệp vụ tự chọn). Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 90 giờ.

(3) Cao đẳng Dịch vụ pháp lý: bao gồm 07 môn học chung (480 giờ), 14 môn học cơ sở (570 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (630 giờ. Trong đó, 03 môn học nghiệp vụ bắt buộc và chọn 450/750 tín chỉ, tương đương 06/09 môn học nghiệp vụ tự chọn). Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 270 giờ.

(4) Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công: bao gồm 07 môn học chung (480 giờ), 14 môn học cơ sở (705 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (375 giờ. Trong đó, 03 môn học nghiệp vụ bắt buộc và chọn 225/525 tín chỉ, tương đương 06/09 môn học nghiệp vụ tự chọn). Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 270 giờ.

(5) Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công (hệ liên thông): bao gồm 07 môn học chung (225 giờ), 10 môn học cơ sở (445 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (255 giờ. Trong đó, 02 môn học nghiệp vụ bắt buộc) và chọn 135 tín chỉ, tương đương 03/06 môn học cơ sở, môn học nghiệp vụ tự chọn. Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 90 giờ.

(6) Cao đẳng Dịch vụ pháp lý (hệ liên thông): bao gồm 07 môn học chung (225 giờ), 11 môn học cơ sở (410 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (255 giờ. Trong đó, 03 môn học nghiệp vụ bắt buộc) và chọn 135 tín chỉ, tương đương 03/06 môn học cơ sở, môn học nghiệp vụ tự chọn. Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 90 giờ.

cốt lõi quyết định chất lượng đào tạo, góp phần giúp người học đạt được các mục tiêu của chương trình đào tạo như về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Bên cạnh các môn học chung và các môn học cơ sở thì các môn học nghiệp vụ (*chiếm hơn 1/3 khối lượng học tập toàn khóa*) có vị trí, vai trò quan trọng để người học đạt được các mục tiêu đã xác định trong chương trình đào tạo. Nếu như các môn học chung và các môn học cơ sở hướng đến cung cấp các kiến thức bắt buộc, kiến thức lý luận, nền tảng về pháp luật thì các môn học nghiệp vụ lại hướng đến cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp gắn với các định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên đã xác định thông qua các chương trình đào tạo. Qua các môn học nghiệp vụ giúp cho các em có sự trải nghiệm qua các tình huống, các công việc thực tế, từ đó hiểu được cách thức luật áp dụng trong thực tế, chủ động rèn luyện các kỹ năng thực hành nghề nghiệp tạo dựng nên nền tảng cho nghề nghiệp trong tương lai. Do vậy, việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học nghiệp vụ là nhiệm vụ tất yếu đối với đội ngũ giảng viên giảng viên và học sinh, sinh viên khi học tập các môn học này, nó cũng có vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Luật miền Nam, góp phần trong việc giải quyết việc làm cho người học, đồng thời cũng là hành động thiết thực triển khai Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả đánh giá lại thực trạng tổ chức giảng dạy các môn học nghiệp vụ trong các chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng về pháp luật tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam để có một số đề xuất, kiến nghị liên quan nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo các môn học nghiệp vụ nói riêng, các chương trình đào tạo của Nhà trường nói chung.

2. Đánh giá chung về thực trạng giảng dạy các môn học nghiệp vụ tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam

Tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam, việc tham mưu, giúp việc cho Ban Giám hiệu tổ chức giảng dạy ở mỗi nhóm môn học được thực hiện ở từng khoa

chuyên môn riêng biệt trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao. Riêng Khoa Đào tạo nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học tổ chức giảng dạy các môn học nghiệp vụ trong các chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng về pháp luật hiện có tại Nhà trường.

Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập đối với các môn học nghiệp vụ do Khoa Đào tạo nghiệp vụ hiện nay cơ bản được thực hiện nghiêm túc theo đúng Quy chế đào tạo và chương trình đào tạo đã ban hành, đảm bảo tính thường xuyên, liên tục, kịp thời của chương trình. Các giảng viên tham gia giảng dạy các môn học nghiệp vụ hầu hết đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ nghiệp vụ sư phạm, có kinh nghiệm công tác phù hợp, năng lực giảng dạy cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ và tâm huyết với công tác giảng dạy. Có sự ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất trong hoạt động giảng dạy các môn học nghiệp vụ, đặc biệt là các phòng học máy tính, phòng thực hành xét xử,...Ngoài ra, một số giảng viên thỉnh giảng là Trưởng Văn phòng Luật sư, Trưởng Văn phòng công chứng, Văn phòng Thừa phát lại,...khi tham gia giảng dạy và hướng dẫn trong quá trình học tập các môn học nghiệp vụ thời gian qua cũng hết sức tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên được tiếp cận các hồ sơ thực tế tại cơ quan, đơn vị mình và tuyển dụng học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp vào làm việc, từ đó mở rộng cơ hội việc làm cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, việc tổ chức giảng dạy các môn học nghiệp vụ thời gian qua do các yếu tố chủ quan, lẫn khách quan, theo tác giả có một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân như sau:

Thứ nhất, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các môn học nghiệp vụ chủ yếu thông qua hợp đồng thỉnh giảng. Trường hiện chỉ có 05/15 giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy ở một số môn học nghiệp vụ trong chương trình trung cấp, cao đẳng và phần lớn là viên chức quản lý, viên chức các phòng chuyên môn có đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy nên việc tham gia giảng dạy của các nhà giáo này chủ yếu là nhằm nắm được nội dung, chương trình đào tạo và quá trình học tập của học sinh, sinh viên để nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo, do

vậy định mức giờ giảng trên năm ít. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, hoạt động đào tạo của trường luôn có sự tham gia đông đảo của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. Tính đến thời điểm hiện nay, số lượng giảng viên thỉnh giảng thường xuyên tham gia giảng dạy các môn học nghiệp vụ có khoảng hơn 15 người và hầu hết là các Thẩm phán, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Luật sư, Công chứng viên, Đấu giá viên, Thừa phát lại, giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức,...có nhiều năm kinh nghiệm và đang công tác tại các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo và tổ chức hành nghề luật. Việc mời giảng người có kinh nghiệm thực tế liên quan đến các môn học giảng dạy không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp các kiến thức gắn với môn học cụ thể, mà còn giúp học sinh, sinh viên có cơ hội tiếp cận với thực tiễn thông qua các hoạt động thực hành luật, từ đó giúp các em có thể quan sát, học hỏi kinh nghiệm thực tế thông qua việc xử lý các vấn đề pháp lý, các vụ việc cụ thể qua đó rèn luyện các kiến thức và kỹ năng đã học. Tuy nhiên, việc mời các giảng viên tham gia giảng dạy các môn học nói chung, các môn học nghiệp vụ nói riêng cũng có một số khó khăn, hạn chế xuất phát từ điều kiện kinh phí, chưa chủ động được kế hoạch tổ chức giảng dạy, vấn đề về kiểm soát nội dung, phương pháp giảng dạy,...và phải mất nhiều thời gian để chấm và trả điểm thi kết thúc các môn học do giảng viên thỉnh giảng thường ở xa, bận lịch công tác và một số nguyên nhân khác.

Thứ hai, việc tổ chức giảng dạy chưa được giám sát, quản lý chặt chẽ về mặt nội dung và thời lượng giảng dạy. Các môn học nghiệp vụ phần lớn do giảng viên thỉnh giảng kiêm nhiệm nên nội dung giảng dạy thường phụ thuộc nhiều vào vốn hiểu biết, kiến thức, kinh nghiệm của mỗi giảng viên được mời, mà chưa thực sự bám sát vào chương trình chi tiết của từng môn học. Ngoài ra, Trường cũng chưa xây dựng được một cách có hệ thống, đầy đủ các giáo trình, tập bài giảng đối với các môn học nghiệp vụ có trong các chương trình đào tạo nên việc tổ chức giảng dạy các môn học này cũng gặp nhiều khó khăn. Điều này có thể dẫn đến sự tùy tiện của giảng viên trong giảng dạy, cần sự đôn đốc, quản lý hơn nữa của khoa chuyên môn. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng một số giảng viên tự ý rút ngắn thời lượng giảng dạy trên lớp.

Thứ ba, một bộ phận học sinh, sinh viên năng lực học tập còn kém, chưa chủ động tham gia học tập, rèn luyện. Chất lượng giảng dạy các môn học nói riêng, chất lượng đào tạo nói chung còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác, trong đó có chất lượng người học. Điều này trước hết thể hiện thông qua chất lượng đầu vào còn thấp, các lớp Trung cấp Luật với đối tượng theo học phần lớn học sinh thuộc đối tượng tốt nghiệp THCS, riêng với các lớp cao đẳng thì đối tượng người học là học sinh đã học tốt nghiệp THPT trở lên với một bộ phận không nhỏ là các em chưa đủ điều kiện theo học đại học chính quy ở các trường đại học. Bên cạnh các sinh viên có sự chủ động, tích cực tham gia học tập, vẫn còn một bộ phận học sinh, sinh viên còn lười tham gia học tập với các biểu hiện như vắng học thường xuyên, chưa chủ động nghiên cứu, cập nhật bài giảng và tham gia thảo luận, làm bài tập trên lớp, bài tập về nhà. Một bộ phận học sinh các lớp Trung cấp Luật là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khóm, khu vực, khu phố vừa học, vừa thực hiện công tác nên chưa thể sắp xếp tham gia đầy đủ các nội dung học tập trên lớp. Các điều nêu trên đây có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu của học sinh, sinh viên, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy các môn học nghiệp vụ nói riêng, chất lượng đào tạo nói chung.

Thứ tư, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy các môn học nghiệp vụ, đặc biệt là các lớp tổ chức học tập ngoài trường còn nhiều hạn chế. Trường Cao đẳng Luật miền Nam hiện có cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng được yêu cầu giảng dạy bao gồm hệ thống các khu giảng đường với 14 phòng học, 03 Hội trường lớn nhỏ, 02 phòng thực hành máy tính, 01 phòng thực hành xét xử phục vụ học tập các môn học về tố tụng, Thư viện,...và được trang bị đầy đủ các phương tiện hỗ trợ như loa, micro, ti vi (máy chiếu),...cùng với các dịch vụ hỗ trợ người học. Tuy nhiên, đối với các lớp tổ chức học tập ngoài trường, việc tổ chức giảng dạy các môn học, nhất là các môn học nghiệp vụ còn nhiều khó khăn, ở một số lớp việc tổ chức giảng dạy đôi khi được tiến hành trong điều kiện thiếu thốn về cơ sở vật chất, gây khó khăn trong việc tổ chức giảng dạy, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giảng dạy.

Thứ năm, việc sinh hoạt chuyên môn, sơ kết, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm đối với giảng viên tham gia giảng dạy các môn học nghiệp vụ chưa được thực hiện thường xuyên.

3. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học nghiệp vụ tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam

Nhằm khắc phục các khó khăn, hạn chế và nguyên nhân đã chỉ ra và để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng về pháp luật tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam nói chung, các môn học nghiệp vụ nói riêng, tác giả xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng, có chuyên môn giỏi, năng lực sư phạm tốt, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn và tinh thông về kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu tham gia giảng dạy các môn học tại Nhà trường. Thời gian tới, Trường Cao đẳng Luật miền Nam cần báo cáo xin Bộ Tư pháp có cơ chế tuyển dụng, thu hút giảng viên là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác thực tế tại các cơ quan tư pháp về công tác tại Trường. Đồng thời, Trường cũng cần tạo điều kiện thuận lợi cho các giảng viên cơ hữu hiện có tiếp tục nghiên cứu, giảng dạy các môn học thứ hai là các môn học nghiệp vụ. Đặc thù giảng dạy các môn học nghiệp vụ ngoài kiến thức pháp luật thì phải là người am hiểu thực tiễn gắn với môn học tham gia giảng dạy thì phải giảng mới có sức thuyết phục, do đó Trường cũng phải tăng cường kết nối và tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên tham gia thực hiện các hoạt động thực tiễn như: tham gia xây dựng, thẩm định, góp ý các văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường đi thực tế tại các cơ quan, đơn vị liên quan đến môn học giảng dạy; tham gia tích cực vào các hoạt động tư vấn pháp luật; tham gia làm Hội thẩm nhân dân tại Tòa án nhân dân các cấp,... Việc xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu có thể đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy một số môn học nghiệp vụ sẽ giúp Trường chủ động hơn kế hoạch giảng dạy, sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có, duy trì được chất lượng đào tạo đồng đều và là yêu cầu cần thiết trước bối cảnh trường đang dần tiến tới tự chủ về tài chính và trong điều kiện kinh phí còn nhiều hạn chế như hiện nay.

Hai là, tăng cường quản lý, kiểm tra, đánh giá của Nhà trường đối với việc dạy và học các môn học nghiệp vụ của giảng viên và học sinh, sinh viên. Khoa chuyên môn cần theo dõi, đánh giá việc thực hiện giờ giảng của giảng viên, yêu cầu giảng viên cung cấp giáo án, tập bài giảng của môn học tham gia giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo đã ban hành và thực hiện nghiêm lịch giảng theo kế hoạch đào tạo và lịch giảng cụ thể đã ban hành làm cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh lý hợp đồng giảng dạy. Đối với giảng viên cơ hữu cần có sự nhắc nhở, chấn chỉnh để đảm bảo chất lượng đào tạo.

Ba là, khoa chuyên môn cần chủ động trong việc sơ kết, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng. Từ đó lựa chọn các giảng viên có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn tham gia giảng dạy, ưu tiên các giảng viên là người có kinh nghiệm thực tế liên quan đến môn học nghiệp vụ được mời tham gia giảng dạy, có năng lực giảng dạy tốt, có tác phong, phẩm chất đạo đức chuẩn mực của nhà giáo, trình Ban Giám hiệu xem xét, phê duyệt, làm căn cứ mời tham gia giảng dạy. Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán giải quyết chế độ, quyền lợi của giảng viên thỉnh giảng theo quy định; quản lý, lưu giữ chặt chẽ hồ sơ thỉnh giảng theo quy định.

Bốn là, nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thay đổi thái độ học tập của học sinh và sinh viên. Thái độ học tập không đúng là nguyên nhân mà học sinh, sinh viên chưa chủ động tham gia các hoạt động học tập, không hoàn thành các nhiệm vụ giảng viên giao; không chủ động nghiên cứu, tìm hiểu thêm khi về nhà. Do vậy, muốn nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn học nghiệp vụ thì giảng viên cần giúp học sinh, sinh viên có động cơ, mục đích học tập đúng đắn, làm cho họ nhận thức được tầm quan trọng, ý nghĩa, giá trị mà môn học mang lại, để có quyết tâm học tập. Muốn vậy, giảng viên tham gia giảng dạy các môn học nghiệp vụ cần chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp, kết hợp các phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại để bài giảng trở nên phong phú và sinh động (*như thuyết trình, thảo luận tình huống, đặt và giải quyết vấn đề, đóng vai,...*).

Tóm lại, các môn học nghiệp vụ có vị trí, vai trò quan trọng trong việc góp phần giúp người học đạt được các mục tiêu của chương trình đào tạo như về kiến

thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, trong đó có các kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp gắn với các định hướng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên đã xác định thông qua các chương trình đào tạo. Để nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học nói chung, các môn học nghiệp vụ nói riêng tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam cần áp dụng đồng bộ các giải pháp đã xác định nêu trên, cụ thể là phải: (i) xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng, có chuyên môn giỏi, năng lực sư phạm tốt, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn và tinh thông về kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu tham gia giảng dạy; (ii) tăng cường quản lý, kiểm tra, đánh giá của Nhà trường đối với việc dạy và học các môn học nghiệp vụ của giảng viên và học sinh, sinh viên; (iii) khoa chuyên môn cần chủ động trong việc sơ kết, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng; và (iv) nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thay đổi thái độ học tập của học sinh và sinh viên./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Đinh Thị Thu Hương (2017). “*Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy học phần pháp luật đại cương tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hưng*”, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt.

2. ThS. Nguyễn Lương Bằng (2018). “*Tăng cường thực hành và khả năng tự nghiên cứu của sinh viên trong đào tạo luật*”, <
<http://caodangluatmientrung.edu.vn/vi/news/Nghien-cuu-trao-doi/Tang-cuong-thuc-hanh-va-kha-nang-tu-nghien-cuu-cua-sinh-vien-trong-dao-tao-Luat-955.html>> [Truy cập ngày 25/9/2023].

Tham luận số 5

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO THỰC HÀNH NGHỀ CHUYÊN NGÀNH LUẬT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM

ThS. Nguyễn Thị Na
Giảng viên Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

Nâng cao chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố cốt lõi quyết định sự tồn tại của một cơ sở giáo dục đào tạo, đặc biệt là trong giai đoạn các trường dần chuyển sang cơ chế tự chủ tài chính. Theo xu hướng chung hiện nay, các nhà tuyển dụng cần tuyển những người “sẵn sàng làm việc” để không phải đào tạo lại. Như vậy, có thể thấy, đào tạo nghề chuyên ngành luật bậc trung cấp, cao đẳng (Pháp luật, Dịch vụ pháp lý, Quản lý hành chính công) vẫn có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai khi chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng thực hành nghề hơn là khối lượng kiến thức hàn lâm. Trong phạm vi bài viết, dưới góc nhìn của một giảng viên công tác tại Trường, tác giả trình bày một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo thực hành nghề chuyên ngành luật tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam, cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần tinh gọn nội dung đi thực tập và làm báo cáo thực tập hết môn trong chương trình đào tạo các môn học nghiệp vụ để giảm tải bớt áp lực cho học sinh, sinh viên (HSSV). Thay vào đó, có thể cho phép HSSV lựa chọn 50% khối lượng môn kỹ năng nghề gắn liền với định hướng việc làm của mình để người học có sự say mê, tâm huyết và đạt hiệu quả hơn trong quá trình đi thực tập nghề.

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-CĐLMN ngày 30/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam phê duyệt Chương trình đào tạo Trung cấp Pháp luật, Cao đẳng pháp luật về Quản lý hành chính công và Cao đẳng Dịch vụ pháp lý sửa đổi, bổ sung năm 2022 thì: Chương trình đào tạo trung cấp ngành Pháp luật có 08 môn nghiệp vụ¹⁰, trong đó có 360 giờ/720 giờ dành cho thực tập

¹⁰ Bắt buộc 06 môn; Tự chọn 02 môn.

và làm báo cáo hết môn; Chương trình đào tạo cao đẳng Pháp luật về Quản lý hành chính công có 06 môn nghiệp vụ¹¹, có 268 giờ/375 giờ dành cho thực tập và làm báo cáo thực tập hết môn; Chương trình đào tạo cao đẳng ngành Dịch vụ pháp lý có 09 môn nghiệp vụ¹², trong đó dành 442 giờ/600 giờ thực tập và làm báo cáo hết môn. Bên cạnh đó, HSSV phải trải qua kỳ thi kết thúc mỗi môn nghiệp vụ và cuối khóa học, HSSV tiếp tục đi thực tập để làm báo cáo thực tập tốt nghiệp. Xét về mặt lý thuyết, quy định này đảm bảo giúp cho người học có sự trải nghiệm, va chạm với công việc thực tế, giúp các bạn rèn luyện thêm nhiều kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Tuy nhiên, về mặt thực tiễn, việc HSSV đến cơ sở thực tập cũng chưa mang lại hiệu quả cao như mong đợi. Điều đó xuất phát từ nhiều lý do: Các cơ quan, đơn vị ngại giao hồ sơ cho thực tập sinh mới, hoặc thiếu người hướng dẫn cho thực tập sinh nên đa phần chỉ cung cấp số liệu để các bạn làm báo cáo thực tập theo yêu cầu, ngoài ra, hiệu quả thực tập cũng phụ thuộc rất lớn vào mối quan hệ giữa Nhà trường với cơ quan, đơn vị cộng tác... Điều này dẫn đến việc thực tập nhiều nhưng các bạn chưa được tiếp cận với hồ sơ, vụ việc thực tế, việc thực tập mất nhiều thời gian nhưng HSSV vẫn chưa định hình rõ nét về “thực hành nghề” sau quá trình đi thực tập. Thậm chí, việc làm báo cáo hết môn, báo cáo thực tập tốt nghiệp còn mang tính hình thức, sao chép từ nhiều nguồn, chưa thể hiện rõ được những kiến thức, kỹ năng thực tiễn mà HSSV thu nhận được từ quá trình thực tập.

Đề xuất trên vẫn đảm bảo quy định về tỷ lệ học phần lý thuyết và thực hành, thực tập, thí nghiệm tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể là Trung cấp: Lý thuyết chiếm 25% - 45%; thực hành chiếm 55% - 75%; Cao đẳng: Lý thuyết chiếm 30% - 50%; thực hành chiếm 50% - 70%. Hơn nữa, việc tinh gọn nội dung này không có nghĩa là bỏ qua kỹ năng thực hành nghề của các môn nghiệp vụ HSSV không đi thực tập, mà việc nâng cao kỹ năng nghề cho người học được thực hiện qua các hoạt động thực tập tại Trường như:

¹¹ Bắt buộc 03 môn; Tự chọn 03 môn.

¹² Bắt buộc 03 môn; Tự chọn 06 môn.

giải quyết các vụ việc, tình huống pháp luật tại Trung tâm Tư vấn pháp luật, thông qua các hoạt động giảng dạy kết hợp mô hình thực hành nghề luật như: phiên tòa giả định, phòng tiếp công dân,...

Thứ hai, cần phân tích chính xác, khách quan về thực trạng đào tạo hiện nay để thấy rõ bức tranh về công tác giáo dục, đào tạo của Nhà trường. Từ đó, có đánh giá những mặt tích cực, hạn chế và đề xuất các giải pháp phù hợp, mang tính bền vững và lâu dài.

Một là, xây dựng phương châm đào tạo phù hợp theo hướng phân luồng nhóm đối tượng người học đảm bảo cân bằng giữa hai yếu tố: bảo đảm chất lượng đào tạo và bảo đảm “giữ chân” người học. Thực tế hiện nay, người học trung cấp, cao đẳng luật của Trường phân thành 02 nhóm chính với mục đích học tập khác nhau: (i) Nhóm học sinh đã tốt nghiệp THCS, THPT có nhu cầu học để xin việc làm, có cơ hội học liên thông lên đại học (hệ chính quy); (ii) Nhóm người đã có việc làm (đa phần là người lớn tuổi, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố) có nhu cầu học để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của công việc hiện tại, có mức lương tốt hơn, tăng cơ hội phát triển, nôm na là hình thức học vừa làm vừa học.

Thực tiễn cho thấy, về mục tiêu, thái độ, tâm lý và khả năng tiếp cận trong quá trình học tập của 02 nhóm đối tượng người học này rất khác biệt, điều đó cũng cần sự đánh giá và lựa chọn phương án đào tạo cho phù hợp với từng nhóm để nâng cao hiệu quả đào tạo của Trường. Cụ thể: Ở lứa tuổi nhóm người học trẻ, đặc biệt là THCS, đa phần các bạn chưa chín chắn trong suy nghĩ, nhận thức và định hướng nghề nghiệp. Do đó, khi vào học không ít trường hợp lười học, thụ động, lơ đãng không chú ý bài, không nghiêm túc trong học tập. Ở nhóm HSSV là người lớn tuổi: Đa phần về trình độ, khả năng tiếp cận các kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập gặp nhiều hạn chế hơn so với các bạn trẻ. Tuy nhiên, ưu thế hơn ở kinh nghiệm thực tiễn, sự chín chắn trong suy nghĩ và thái độ học tập.

Mặc dù vậy, cũng có tình trạng chung là HSSV hiện nay có tâm lý ỷ lại vào thầy cô, Nhà trường mà thiếu sự chủ động, chưa có ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân trong học tập. Đơn cử như: nghỉ học không xin phép; hoặc viện

nhiều lý do để vắng học, vắng kiểm tra, sau đó liên hệ giáo viên để xin bổ sung bài nhưng không thực hiện theo yêu cầu của giáo viên; xin dời lịch thi, thậm chí có trường hợp viện lý do như hư xe, trễ phà để nhờ bạn khác làm bài thi giúp,... Cũng có trường hợp, HSSV bày tỏ suy nghĩ: Trường đang cần người học nên thầy cô không nên cho HSSV rớt, các bạn bị rớt sẽ chán học, bỏ học... Nhận thấy rằng, việc cần người học, cần chỉ tiêu tuyển sinh mỗi năm là rất cần thiết, là nhiệm vụ chính trị của tập thể Nhà trường nhưng nếu lơ là công tác giáo dục, việc nể nan sẽ dẫn đến hình thành thói quen chây ì, ỷ lại trong tâm lý người học, lâu dài sẽ để lại một hệ quả không mong muốn, đặc biệt là đối với nhóm đối tượng HSSV là các bạn trẻ vì đây chính là những “sản phẩm” khẳng định thương hiệu, chất lượng đào tạo của Trường trong xã hội. Do đó, đối với nhóm này, cần tạo lập môi trường giáo dục thân thiện nhưng phải đảm bảo sự nghiêm khắc nhất định, đặc biệt quan tâm đến tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, tăng cường giáo dục cho HSSV phát huy tính tích cực, tự giác, xây dựng động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn để từ đó nâng cao ý thức và chất lượng học tập. Đối với nhóm thứ hai có thể linh hoạt, tạo điều kiện trong công tác đào tạo và quản lý người học.

Hai là, tăng cường công tác kết nối, giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp, công bố và cam kết tỷ lệ đầu ra để xây dựng thương hiệu, thu hút người học. Hiện nay, có thể thấy nhiều trường trung cấp, cao đẳng nghề đưa ra các cam kết đầu ra cho HSSV ngay từ công tác tuyển sinh đầu vào. Sự đảm bảo người học có việc làm ngay sau khi ra trường phụ thuộc vào năng lực của người học và cả công tác kết nối, giới thiệu việc làm cho HSSV của Trường. Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập, xã hội luôn cần những người “sẵn sàng làm việc” sau khi ra trường mà không phải đào tạo lại, muốn vậy thì việc đào tạo tay nghề cho HSSV phải thực sự chất lượng, gắn liền với nhu cầu của doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị. Chính vì vậy, Nhà trường cần tăng cường, đẩy mạnh hợp tác các bên để tìm “đặt hàng” HSSV. Theo đó:

(i) Nhà trường cần có đánh giá tình hình có việc làm của HSSV sát với thực tế, chú trọng tiêu chí có việc làm đúng với ngành nghề đào tạo. Quan tâm khai thác theo 02 nhóm HSSV sau khi ra trường: nhóm HSSV chưa có việc làm trước khi học tại trường và nhóm HSSV đã có việc làm trước khi học tại trường. Việc

thu thập và đánh giá tình hình HSSV ra trường có việc làm ưu tiên theo thứ tự: Có việc làm theo đúng ngành nghề đào tạo (cụ thể là công việc gì, mức thu nhập...); Có việc làm không đúng ngành, nghề đào tạo (cụ thể là công việc gì, mức thu nhập...). Đồng thời, có thể khảo sát mức độ hài lòng, các vấn đề chưa hài lòng của cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động là HSSV của Trường. Trên cơ sở sở đó, có thể đánh giá khái quát hiệu quả công tác đào tạo của Trường, xác định được nhóm ngành nào, khối đơn vị sử dụng lao động nào là tiềm năng. Từ đó, có thể đề ra các giải pháp thiết thực, trọng tâm và phù hợp trong hoạch định chiến lược tuyển sinh cho các năm sau và có hướng thay đổi, khắc phục các hạn chế trong hoạt động đào tạo người học theo nhu cầu của thị trường lao động.

(ii) Tăng cường công tác phối hợp cử HSSV đến các cơ quan, đơn vị để thực tập với chỉ tiêu cụ thể hàng năm. Vấn đề kết nối với các doanh nghiệp, văn phòng luật sư, công chứng, các UBND cấp xã,... thông qua chương trình ký kết phối hợp toàn diện giữa Trường và các đơn vị tiềm năng sẽ giúp tăng cường hiệu quả trong việc thực hành nghề cho HSSV. Qua đây, cũng là cơ hội giúp HSSV có ngay công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mình khi được nhận làm nhân viên chính thức tại đơn vị. Do vậy, cần đánh giá định kỳ về kết quả trong công tác phối hợp này để làm nền tảng giúp tăng kết nối đầu ra cho người học.

Thứ hai, tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giảng viên giảng dạy kỹ năng nghề, có kế hoạch, chương trình cho giảng viên đi thực tế để học tập kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng nghề. Trường cần có cơ chế phù hợp về mặt thời gian để bố trí luân phiên cho giảng viên tham gia để giảng viên nâng cao kiến thức, tay nghề. Có như vậy mới đảm bảo ngày càng nâng cao chất lượng dạy học, từng bước khẳng định thương hiệu của Trường với xã hội, đặc biệt là với thị trường lao động trong và ngoài khu vực.

Thứ ba, đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc đáp ứng nhu cầu dạy và học theo hướng thực hành nghề. Theo đó, quan tâm cải tạo phòng máy tính, thiết kế, bố trí các phòng thực hành nghề mô phỏng các hoạt động thực nghiệm phục vụ hoạt động giảng dạy chuyên đề cho người học như: phiên tòa giả định, phòng tiếp dân, văn phòng luật sư, công chứng...

Thứ tư, chú trọng hơn nữa việc bồi dưỡng kỹ năng mềm cần thiết cho HSSV qua các chuyên đề thực tế. Trong đó, có nhiều kỹ năng rất cần thiết gắn với công việc và đặc biệt là HSSV ngành luật như: Kỹ năng tra cứu văn bản, tiếp cận và tư duy logic; Kỹ năng phỏng vấn xin việc; Kỹ năng tư duy phản biện; Kỹ năng giao tiếp. Hiện nay, nhà tuyển dụng quan tâm nhiều hơn đến kỹ năng làm việc cũng như thái độ, trách nhiệm và sự đam mê đối với nghề của người ứng tuyển. Tuy nhiên, yêu cầu về kiến thức pháp lý nền tảng trong xử lý tình huống lại là yêu cầu không thể thiếu đối với mọi đơn vị tuyển dụng. Đặc biệt, là kỹ năng tiếp nhận thông tin, lắng nghe những quan điểm trái chiều và phân tích, giải quyết vấn đề. Do đó, những kỹ năng cần thiết này rất cần được trang bị trên ghế nhà trường để tăng tính cạnh tranh trong thị trường lao động.

Thứ năm, đa dạng hóa các kênh kết nối người học với Nhà trường thông qua các hoạt động mang tính giáo dục nghề nghiệp. Bên cạnh việc tổ chức Ngày Pháp luật định kỳ, Trường có thể mở rộng các mô hình hoạt động khác như: “Câu lạc bộ sinh viên”, “Câu lạc bộ pháp luật”, “Mỗi tuần một câu chuyện pháp luật”, “Tổ tư vấn pháp lý, tâm lý”, xây dựng hòm thư góp ý (trực tiếp và trực tuyến) để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người học trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường. Những vấn đề HSSV, phụ huynh HS phản ánh cần được ghi nhận một cách bảo mật, có sự đa chiều nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo cũng như ngày càng cải thiện điều kiện học tập, sinh hoạt của HSSV.

Thứ sáu, tăng cường giáo dục phát huy tính tích cực, tự giác của HSSV trong quá trình đào tạo, gắn “dạy nghề với dạy người”

Chất lượng đào tạo phụ thuộc rất lớn vào tính tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng của chính HSSV. Để khối lượng kiến thức và kỹ năng nghề được người học tiếp nhận và lĩnh hội một cách hiệu quả cần phải có sự mong muốn từ nội tâm của chính người học. Với tư cách là một chủ thể của nhận thức, việc tự học, tự rèn luyện chính là “chìa khóa” để giúp HSSV chủ động tiếp thu tốt nhất sự giảng dạy, giúp đỡ của giảng viên, hình thành niềm tin và tình cảm với ngành nghề mà mình theo học. Từ đó, có những hành xử đúng đắn, tự giác, độc lập, trách nhiệm đối với việc học tập của mình. Do đó, các phòng ban, khoa chuyên môn cần thường xuyên xây dựng kế hoạch, biện pháp giáo dục cho HSSV, đặc

biệt là hệ THCS để giúp các bạn hình thành tư tưởng, phương pháp học tập có hiệu quả hơn, tránh được những tác động xấu từ xã hội, từ những mặt trái của cơ chế thị trường đang ảnh hưởng rất lớn đến môi trường học đường, đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của học sinh./.

*** Tài liệu tham khảo:**

- Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Quyết định số 172/QĐ-CĐLMN ngày 30/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam phê duyệt Chương trình đào tạo Trung cấp Pháp luật, Cao đẳng pháp luật về Quản lý hành chính công và Cao đẳng Dịch vụ pháp lý sửa đổi, bổ sung năm 2022.

Tham luận số 6**PHÁT HUY HIỆU QUẢ MÔ HÌNH “PHIÊN TÒA GIÁ ĐỊNH”
VÀO TRONG GIẢNG DẠY THỰC HÀNH LUẬT
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM**

*ThS. Trịnh Thị Muội -
Giảng viên - Khoa Đào tạo cơ sở*

Trong những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của thị trường pháp lý đặt ra một nhu cầu to lớn về nguồn nhân lực có kiến thức luật vững vàng và kỹ năng làm việc hiệu quả. Bên cạnh những tiến bộ đáng kể trong đào tạo luật ở Việt Nam nói chung và Trường Cao đẳng Luật miền Nam nói riêng, không thể phủ nhận rằng chất lượng nguồn nhân lực trong ngành luật hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Một trong những nguyên nhân là chương trình đào tạo hiện nay chưa trang bị cho sinh viên kỹ năng đủ để thích ứng và vượt qua những rào cản ban đầu khi hành nghề.

Để nâng cao hiệu quả trong công tác đào tạo chuyên ngành Luật, có rất nhiều cơ sở đào tạo đã vận dụng nhiều mô hình thực hành luật vào trong giảng dạy cũng như nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên như: mô hình thực hành luật tại văn phòng thực hành luật; mô hình thực hành luật thực tập tại cơ quan tư pháp; mô hình thực hành luật tại cộng đồng; mô hình thực hành luật thông qua phiên tòa giả định...

Dù được tổ chức với mô hình nào thì chương trình thực hành luật vẫn nhằm mục đích giúp cho sinh viên chủ động trong quá trình học tập và hiểu được cách thức áp dụng pháp luật trong các tình huống thực tế. Qua đó, cung cấp cho sinh viên luật những công cụ tạo dựng nền tảng cho nghề nghiệp của họ trong tương lai. Trong khi các phương pháp giảng dạy luật truyền thống thường có xu hướng tập trung vào nội dung lý thuyết của luật và các kiến thức nền tảng, giáo dục pháp luật thực hành lại mang đến cho sinh viên các kỹ năng cần thiết cho việc thực hành luật.

Với phương châm đào tạo theo định hướng thực hành nghề luật, “cầm tay chỉ việc” tại Trường trong thời gian qua. Phát huy và đưa vào sử dụng hiệu quả Phòng

thực hành của Trường thì việc áp dụng mô hình “Phiên tòa giả định” vào trong giảng dạy thực hành các môn luật của Trường là một nhu cầu cấp bách và cần thiết.

Trong thời gian qua, để tăng tính thực tiễn trong công tác giảng dạy, một số giảng viên đã tranh thủ và phối kết hợp với Tòa án nhân tại địa phương đưa hoạt động “**Xét xử lưu động**” của Tòa án được diễn ra tại Trường để sinh viên và người dân được trực tiếp xem qua quá trình xử án góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân cũng như giúp sinh viên được trực tiếp tiếp cận “người thật, việc thật” mang tính thực tiễn cao. Thông qua đó, sinh viên sẽ viết bài thu hoạch theo yêu cầu của giảng viên (điển hình ở môn Luật Tố tụng hình sự).

Tuy nhiên, với một phiên tòa thật thì phải đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục về tố tụng, cho nên nhìn từ góc độ giảng dạy thì nó hơi bị rườm rà, tốn thời gian; đặc biệt là tốn kém về kinh phí và không phải lúc nào Tòa án cũng có thể tổ chức phiên tòa lưu động được. Ngoài ra, với những phiên tòa “**Xét xử lưu động**” tại Trường trong thời gian qua, sinh viên chỉ mới dừng lại ở góc độ xem trực tiếp Tòa án xét xử, viết bài thu hoạch theo yêu cầu của giảng viên, người học chưa phải là người trực tiếp thực hiện, mô phỏng lại phiên tòa theo từng vụ việc cụ thể ở từng môn học.

Do đó, để khai thác những điểm tích cực của phiên tòa lưu động và ứng dụng nó vào công tác giảng dạy, thì việc mô phỏng theo những phiên tòa thật để làm “Phiên tòa giả định” thì đây lại là cách “thay thế” tốt nhất tiếp tục phát huy những yếu tố tích cực từ phiên tòa lưu động, mặt khác, vì là “giả định” nên nó sẽ linh hoạt hơn trong cách vận dụng vào từng yêu cầu nhiệm vụ của công tác giảng dạy của từng môn học.

Đối với phạm vi trường học, mô hình “Phiên tòa giả định” sẽ được đưa vào lồng ghép trong giảng dạy các môn luật hình thức như Luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hình sự hoặc các môn Kỹ năng tham gia tố tụng..., vừa phù hợp với phương châm đào tạo theo định hướng thực hành nghề luật vừa phù hợp với Chương trình đào tạo Cao đẳng của Nhà trường.

Như tên gọi của mình, phiên tòa giả định là hoạt động trong đó các sinh viên sẽ đóng vai trò là Thẩm phán (Chủ tọa phiên tòa), Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Nguyên đơn, Bị đơn (trong phiên tòa dân sự)... trong một vụ án giả định.

Phiên tòa giả định được tổ chức nhằm hướng tới sự phát triển hoàn thiện về kỹ năng pháp luật như: Kỹ năng đọc, nghiên cứu, phân tích hồ sơ tài liệu, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng điều khiển phiên tòa... cũng như để các sinh viên có điều kiện làm quen với một môi trường pháp lý mà sinh viên luật thường không có nhiều cơ hội để tiếp xúc.

Phiên tòa giả định đòi hỏi sinh viên phải tham gia vào một chuỗi hoạt động từ khi tiếp xúc vụ án, nghiên cứu xây dựng lập luận, viết bài biện hộ đến khi tranh tụng tại phiên tòa. Sinh viên sẽ được giảng viên giao giải quyết những vụ việc trong lĩnh vực pháp lý được sự quan tâm nhiều của dư luận xã hội và phù hợp với chương trình từng môn học cụ thể. Đây là cơ hội giúp sinh viên đào sâu những kiến thức luật thực định và vận dụng vào thực hành các kỹ năng nền tảng đã được học.

Để triển khai một “Phiên tòa giả định” đạt hiệu quả chúng ta cần thực hiện các bước cơ bản như sau:

Bước 1: Giảng viên giảng dạy sẽ yêu cầu hoặc đề xuất nội dung pháp luật để sinh viên xây dựng phiên tòa giả định. Thông thường sẽ là những vụ án được dư luận xã hội hiện đang quan tâm để tạo tính hấp dẫn, tò mò cho sinh viên và phù hợp với chương trình đào tạo của Trường. Giảng viên sẽ phân chia lớp ra thành 02 hoặc 03 nhóm để thực hiện phiên tòa giả định.

Bước 2: Xây dựng kịch bản, khâu viết “kịch bản” được xem là khâu rất quan trọng nhất, phải bảo đảm sao cho các bước diễn tiến của “Phiên tòa” khi diễn được thể hiện lại gần giống với vụ án thật và có thể lược bỏ bớt một số chi tiết, thủ tục của phiên tòa thật, vì nó “rườm rà” và “không cần thiết” đối với một “Phiên tòa giả định”. Do đó “kịch bản” phải là sản phẩm có tính hoàn chỉnh cao, phản ánh tương đối đầy đủ các tình tiết của vụ án đã diễn ra. Nội dung phần đối đáp giữa các nhân vật trong các vai Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn... phần phát biểu quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát, phần tuyên án của

Hội đồng xét xử tại “Phiên tòa” phải được viết lại sao cho trong phần lớn các lời thoại đều có chứa nội dung pháp luật gắn kết với nội dung bài học. Như vấn đề về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ đối với người chưa thành niên hay các vấn đề về thừa kế....

Bước 3: Tổ chức diễn, để tăng hiệu của một “Phiên tòa giả định”, công việc chuẩn bị và tổ chức diễn cũng cần được chuẩn bị thật chu đáo. Các nhóm sẽ tự chọn thành viên tham gia và phân vai thực hiện sao cho phù hợp. Tuy nhiên, đã nói đến một phiên tòa, dù là giả định thì yếu tố chuyên môn của ngành Tòa án cũng phải được chú ý sử dụng đúng mức mới phát huy được hiệu quả. Để sinh viên có cái nhìn tổng quan từng bước, quy trình của một phiên tòa xét xử vụ việc dân sự, sinh viên có thể đi tham dự các phiên tòa thực tế tại Tòa án để học hỏi kinh nghiệm và vận dụng vào tình huống phiên tòa giả định của mình.

Bước 4: Sau cùng, giảng viên sẽ nhận xét và đánh giá phần thực hành phiên tòa giả định của sinh viên và chốt lại các vấn đề trọng tâm của môn học để sinh viên rút kinh nghiệm và nắm vững thêm kiến thức. Tạo tiền đề cho phần thực hành ở những môn học tiếp theo.

Tuy nhiên, để mô hình “Phiên tòa giả định” được đưa vào áp dụng hiệu quả trong công tác giảng dạy thời gian tới, đòi hỏi chúng ta cần chuẩn bị các điều kiện cần thiết sau đây để triển khai mô hình này:

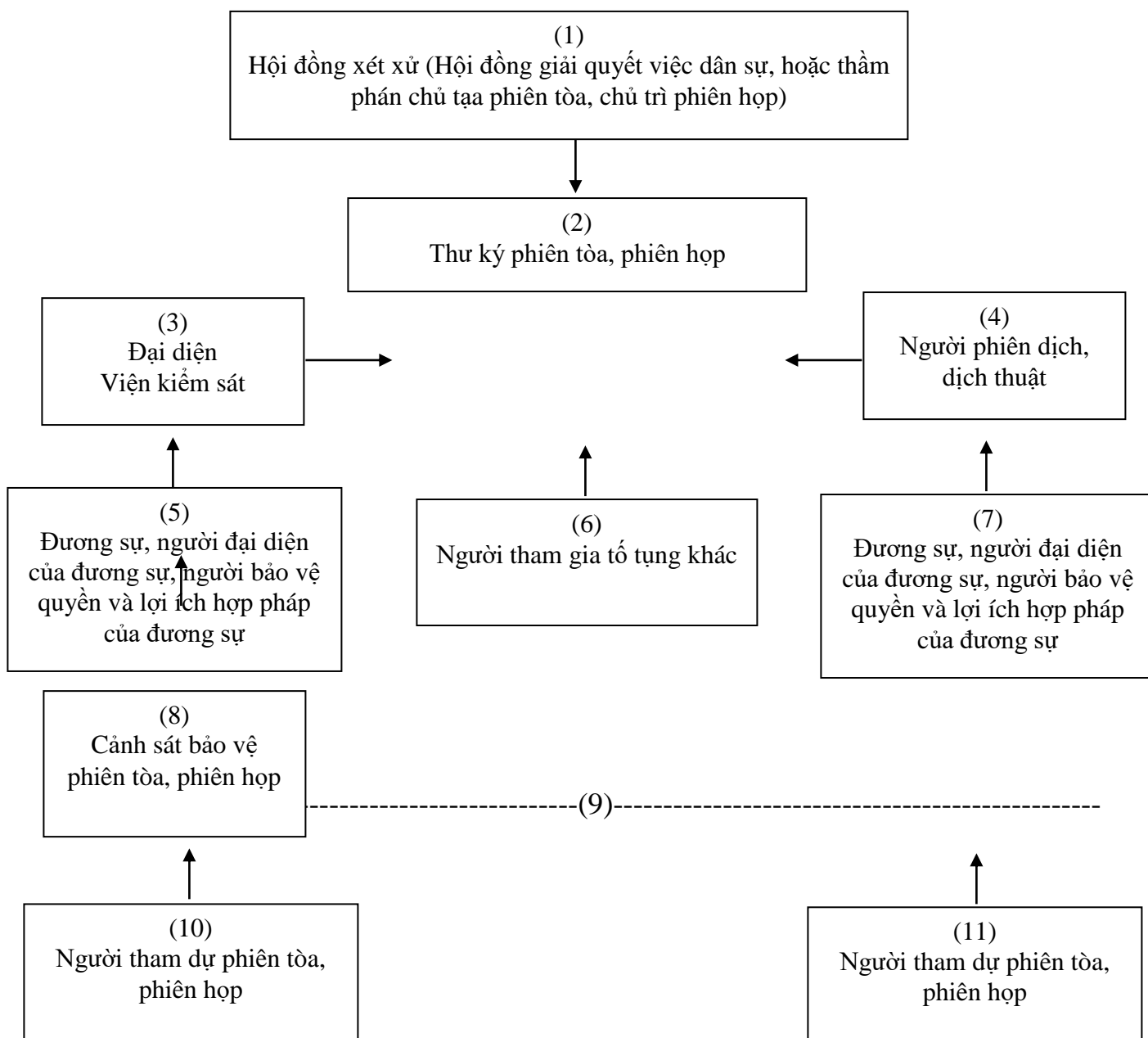
Thứ nhất, về giảng viên, trước hết giảng viên phải rà soát và cập nhật lại giáo án, tập bài giảng theo chương trình đào tạo Cao đẳng Luật của Nhà trường (số tiết lý thuyết/ thực hành ở mỗi môn học để vận dụng mô hình này hiệu quả). Đưa nội dung xây dựng mô hình “Phiên tòa giả định” được cụ thể, chi tiết hóa ở các môn học như Luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hình sự... hoặc các môn Kỹ năng tham gia tố tụng....

Thứ hai, về người học, khi áp dụng mô hình “Phiên tòa giả định vào trong giảng dạy, đòi hỏi sinh viên phải là người chủ động, nháy bén nắm bắt nội dung môn học được giảng viên đề ra. Tự lên kế hoạch, xây dựng kịch bản, lựa chọn thành viên trong nhóm đảm nhiệm các vai trong một phiên tòa giả định. Qua đó, giúp sinh viên rèn luyện và phát huy hiệu quả tinh thần làm việc nhóm.

Thứ ba, về cơ sở vật chất, để mô hình này được đưa vào triển khai thực hiện, đòi hỏi đầu tiên cần đáp ứng là về cơ sở vật chất. Hay đúng hơn là thành lập và đưa vào sử dụng Phòng thực hành pháp luật sẽ là nơi triển khai thực hiện các hoạt động thực hành nghề luật. Trong đó sẽ có mô hình “Phiên tòa giả định”, mô hình mô phỏng “Văn phòng một cửa”... Đối với mô hình “Phiên tòa giả định” tại phòng thực hành Luật sẽ được xây dựng và bố trí theo mô hình sau đây (đã được quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về phòng xử án). Ở đây tác giả dẫn ra mô hình phòng xử án dân sự, theo đó một mô hình phòng xử án được bố trí, sắp xếp như hình sau:

Mô phỏng mô hình “Phiên tòa giả định” tại Phòng thực hành Luật

Phòng xét xử dân sự, giải quyết việc dân sự



(Hàng rào)

**Mô tả:**

(1) Vị trí của Hội đồng xét xử (Hội đồng giải quyết việc dân sự, phá sản hoặc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp) được bố trí trên bục cao nhất, phía dưới Quốc huy;

(2) Vị trí của Thư ký phiên tòa, phiên họp được bố trí dưới một cấp, quay lưng vào Hội đồng xét xử (Hội đồng giải quyết việc dân sự, phá sản hoặc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp);

(3) (4) Vị trí của đại diện Viện kiểm sát và vị trí của người phiên dịch, dịch thuật được bố trí đối diện với nhau và ở dưới vị trí của Thư ký phiên tòa, phiên họp;

(5) (6) (7) Vị trí của đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và vị trí của những người tham gia tố tụng khác được bố trí ngang hàng và phía dưới vị trí của đại diện Viện kiểm sát và người phiên dịch, dịch thuật. Đối với phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì đại diện cơ quan đề nghị, người bị đề nghị và những người tham gia tố tụng khác được Thẩm phán chủ tọa phiên họp bố trí theo vị trí tương ứng;

(8) Vị trí của Cảnh sát bảo vệ phiên tòa, phiên họp được bố trí phía sau vị trí của đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;

(9) Vị trí hàng rào đặt giữa khu vực của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng với người tham dự phiên tòa, phiên họp;

(10) (11) Vị trí của người tham dự phiên tòa, phiên họp được bố trí ngay sau hàng rào theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp;

(12) (13) Vị trí của Cảnh sát bảo vệ phiên tòa, phiên họp được bố trí ngay sau vị trí của người tham dự phiên tòa, phiên họp theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp;

(14) (15) Vị trí của phóng viên, nhà báo được bố trí phía sau cùng của phòng xử án theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chủ trì phiên họp.

Như vậy, với những phân tích nêu trên việc đưa mô hình “Phiên tòa giả định” vào trong giảng dạy thực hành luật nếu được triển khai đồng bộ, liên tục ở các lớp từ Trung cấp, Cao đẳng sẽ mang lại các hiệu quả sau đây:

Thứ nhất, đối với người học, phiên tòa giả định sẽ giúp sinh viên xây dựng và phát triển các kỹ năng làm việc và đặc biệt là các kỹ năng cần thiết của người giúp việc làm việc hiệu quả cho các Doanh nghiệp, Văn phòng Luật sư, Văn phòng Công chứng... điển hình như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nghiên cứu tài liệu, suy luận phản biện, xây dựng luận điểm pháp lý, chọn lọc thông tin, viết bài biện hộ trong thời gian ngắn nhất và đặc biệt là kỹ năng tranh tụng trước toà (phong thái, cách thức trả lời câu hỏi của toà...).

Thứ hai, đối với giảng viên, cũng sẽ có thêm nhiều kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong giảng dạy. Sau mỗi phiên tòa giả định mà người học xây dựng nên giảng viên lại tích góp, học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm từ những gì mình quan sát được từ sinh viên. Từ đó, xây dựng và chỉnh sửa, cập nhật lại bài giảng hợp lý hơn. Có thể nói, mô hình này vừa giúp cho giảng viên và cả sinh viên “vừa làm vừa học”, gắn lý thuyết đi đôi với thực hành.

Thứ ba, đối với Nhà trường, khi mô hình “Phiên tòa giả định” được đưa vào áp dụng sẽ góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Nhà trường, vì phương châm đào tạo của Nhà trường là nâng cao chất lượng đào tạo, ưu tiên đào tạo thực hành nghề. Cung cấp nguồn nhân lực giúp việc hiệu quả cho các doanh nghiệp, văn phòng Luật sư, văn phòng Công chứng.../.

Tham luận số 7

ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP ĐỐI VỚI MÔN HỌC NGHIỆP VỤ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN NAM

Trần Lãm¹³

1. Đặt vấn đề

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam yêu cầu các đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 là phải đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Ngày 04/5/2023, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Chỉ thị số 21-CT/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định **“đổi mới việc đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học, người lao động; phát triển hệ thống đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp”** là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm.

Từ khi thành lập đến nay¹⁴, Trường Cao đẳng Luật miền Nam đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện nhằm thích ứng tình hình mới, trong đó, đánh giá kết quả học tập được Nhà trường quan tâm thông qua các hoạt động nghiên cứu: *“Xây dựng hệ thống ngân hàng tình huống, góp phần nâng cao việc dạy và học tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam”*, *“Giải pháp đổi mới phương pháp dạy và học tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam đáp ứng tình hình phòng chống dịch Covid-19”* (đã được thông qua vào năm 2021), *“Xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi nhằm giảm bớt thủ tục trong đánh giá kết quả học tập tại Trường Cao đẳng Luật miền Nam”* (đang triển khai thực hiện trong năm 2023) và thông qua một số hoạt động chuyên môn. Đồng thời, Trường quy định cụ thể hình thức đánh giá kết quả học tập của người học, xác định là quá trình tổ chức kiểm tra thường xuyên¹⁵, kiểm tra định kỳ¹⁶ và thi kết thúc môn học¹⁷. Ngoài ra, hình thức

¹³ Giảng viên Phòng Tổ chức - Hành chính - Thư viện, Trường Cao đẳng Luật miền Nam

¹⁴ Trường Cao đẳng Luật miền Nam được nâng cấp từ Trường Trung cấp Luật Vị Thanh theo Quyết định số 863/QĐ-LĐTBXH ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

¹⁵ Được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học sinh theo từng học phần cụ thể thông qua việc chấm điểm kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài

kiểm tra, thi trực tuyến đối với các nội dung thực hành áp dụng chỉ khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm tính chính xác, khách quan kết quả học tập của người học¹⁸. Thực tế, trong thời gian Dịch bệnh COVID-19 kéo dài, Trường đã áp dụng hình thức thực tập, đánh giá kết quả học tập trực tuyến, hình thức thực tập linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tiễn của người học trong điều kiện khó khăn tập trung tại cơ quan thực tập (thông qua bài tập lớn, online,...).

Từ những chuyển biến về kinh tế - xã hội gắn với nghề nghiệp, đáp ứng thị trường lao động (giáo dục nghề nghiệp), yêu cầu đặt ra là nâng cao chất lượng đào tạo gắn với phát huy, đổi mới các hình thức đánh giá học tập (trong đó, việc đánh giá môn học nghiệp vụ cần được quan tâm hàng đầu), góp phần nâng cao chất lượng đánh giá năng lực của người học đáp ứng nhu cầu của xã hội trong thời kỳ mới, phù hợp với Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tư pháp đến năm 2021, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 16/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Mối liên hệ giữa các môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Luật miền Nam

Trường Cao đẳng Luật miền Nam thực hiện đào tạo 03 chuyên ngành, 2 trình độ: 1) Trung cấp Pháp luật; 2) Cao đẳng Dịch vụ pháp lý; 3) Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công trên cơ sở Giấy chứng nhận hoạt động nghề nghiệp được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp. Theo đó, Trường có 06 chương trình đào tạo được ban hành và sửa đổi theo các Quyết định: Quyết định số 172/QĐ-CĐLMN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam phê duyệt chương trình đào tạo Trung cấp Pháp luật, Cao đẳng Dịch vụ pháp lý và Cao đẳng Pháp luật về Quản lý hành chính công sửa đổi, bổ sung năm 2022¹⁹; Quyết định

bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác.

¹⁶ Có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

¹⁷ Có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

¹⁸ Điều 12 Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 259/QĐ-CĐLMN ngày 22/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam.

¹⁹ Thay thế các Quyết định: Quyết định số 24/QĐ-CĐLMN ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng Pháp luật về Quản lý hành chính công; Quyết định số 25/QĐ-CĐLMN ngày 04 tháng 02 năm 2021 của

số 176/QĐ-CĐLMN ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng Dịch vụ pháp lý và Cao đẳng Pháp luật về Quản lý hành chính công. Trong đó, các môn học được chia thành 03 nhóm: (i) môn học chung; (ii) môn học cơ sở; (iii) môn học nghiệp vụ. Theo đó²⁰:

- Trung cấp Pháp luật (dành cho người tốt nghiệp THCS): bao gồm 6 môn học chung (255 giờ), 8 môn học cơ sở (420 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (540 giờ. Trong đó, 6 môn học nghiệp vụ bắt buộc và chọn 180/360 giờ, tương đương 02/04 môn học nghiệp vụ tự chọn). Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 270 giờ.

- Trung cấp Pháp luật (dành cho người tốt nghiệp THPT): bao gồm 6 môn học chung (255 giờ), 8 môn học cơ sở (300 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (540 giờ. Trong đó, 6 môn học nghiệp vụ bắt buộc và chọn 180/360 giờ, tương đương 02/04 môn học nghiệp vụ tự chọn). Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 90 giờ.

- Cao đẳng Dịch vụ pháp lý: bao gồm 07 môn học chung (480 giờ), 14 môn học cơ sở (570 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (630 giờ. Trong đó, 03 môn học nghiệp vụ bắt buộc và chọn 450/750 tín chỉ, tương đương 06/09 môn học nghiệp vụ tự chọn). Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 270 giờ.

- Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công: bao gồm 07 môn học chung (480 giờ), 14 môn học cơ sở (705 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (375 giờ. Trong đó, 03 môn học nghiệp vụ bắt buộc và chọn 225/525 tín chỉ, tương đương 06/09 môn học nghiệp vụ tự chọn). Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp Pháp luật; Quyết định số 26/QĐ-CĐLMN ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng Dịch vụ pháp lý. Trên cơ sở kế thừa chương trình đào tạo được ban hành theo Quyết định 61/QĐ-TCLVT ngày 29/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Luật Vị Thanh về việc ban hành chương trình đào tạo Trung cấp Pháp luật ; Quyết định 91/QĐ-TCPLVT ngày 10/6/2019 của Hiệu trưởng Trường CĐLMN về việc điều chỉnh chương trình đào tạo Trung cấp Pháp luật ; Quyết định 219/QĐ-TCLVT ngày 05/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Luật Vị Thanh về việc cập nhật nội dung chương trình đào tạo Trung cấp Pháp luật, đồng thời bổ sung thêm môn chung Pháp luật.

²⁰ Tác giả phân loại nhóm môn học theo sự quản lý của khoa chuyên môn. Đồng thời, tham luận chủ yếu dựa trên đánh giá môn học chuyên môn (luật) thuộc Khoa Đào tạo cơ sở và Khoa Đào tạo nghiệp vụ quản lý.

môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 270 giờ.

- Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công (hệ liên thông): bao gồm 07 môn học chung (225 giờ), 10 môn học cơ sở (445 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (255 giờ). Trong đó, 02 môn học nghiệp vụ bắt buộc) và chọn 135 tín chỉ, tương đương 03/06 môn học cơ sở, môn học nghiệp vụ tự chọn. Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 90 giờ.

- Cao đẳng dịch vụ pháp lý (hệ liên thông): bao gồm 07 môn học chung (225 giờ), 11 môn học cơ sở (410 giờ), 10 môn học nghiệp vụ (255 giờ). Trong đó, 03 môn học nghiệp vụ bắt buộc) và chọn 135 tín chỉ, tương đương 03/06 môn học cơ sở, môn học nghiệp vụ tự chọn. Bên cạnh đó, thực tập tốt nghiệp (chọn 01 trong 02 nhóm môn học cơ sở hoặc nghiệp vụ) là 90 giờ.

Giữa môn học cơ sở và môn học nghiệp vụ có mối liên hệ chặt chẽ, bổ trợ kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ trong quá trình dạy và học. Môn học cơ sở cung cấp kiến thức lý luận, chuyên ngành trong các lĩnh vực pháp luật (Hiến pháp, hình sự, hành chính, dân sự, thương mại, lao động,...) để tạo tiền đề cho người học được tiếp cận các kiến thức nền tảng, từ đó, giảng viên sẽ hướng dẫn chi tiết ứng dụng các học phần nghiệp vụ (đăng ký và quản lý hộ tịch, phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở, công tác chứng thực của UBND cấp huyện và cấp xã, kỹ năng tư vấn pháp luật,...), theo đó, tính thực hành nghề nghiệp được thể hiện thông qua khối lượng kiến thức thực hành trên lớp, thực tập hết môn và thực tập tốt nghiệp. Ngược lại, các học phần nghiệp vụ giúp cho người học hệ thống có khoa học các kiến thức chuyên ngành để phục vụ một công việc cụ thể. Ví dụ: kiến thức môn Luật Hôn nhân và Gia đình (luật nội dung) là tiền đề để học sinh có thể áp dụng kiến thức học môn Đăng ký và quản lý hộ tịch, tổng hợp kiến thức các luật chuyên ngành để ứng dụng giải quyết các tình huống trong môn học Kỹ năng giúp việc cho luật sư trong hoạt động tư vấn pháp luật, Kỹ năng giúp việc cho luật sư trong hoạt động tranh tụng,...

3. Thực trạng đánh giá kết quả học tập đối với môn học nghiệp vụ

Việc đánh giá kết quả học tập đối với học phần nghiệp vụ được thực hiện theo Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 259/QĐ-CĐLMN ngày 22/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật miền Nam. Bên cạnh đó, việc xây dựng và quản lý đề thi được áp dụng theo Quy chế xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-CĐLMN ngày

24/3/2021 đáp ứng yêu cầu kiểm tra, đánh giá tương đương năng lực nhận thức dành cho 04 dạng đề: viết, thực hành, vấn đáp hoặc kết hợp các hình thức trên. Theo đó, giảng viên chủ động ra đề kiểm tra và thi theo các hình thức tùy chọn, Khoa Đào tạo nghiệp vụ sẽ xác nhận đề thi của giảng viên, chủ yếu: (i) kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo hình thức viết; (ii) báo cáo thực tập hết môn (tính điểm hệ số 2); (iii) thi kết thúc môn học theo hình thức viết.

Thông qua công cụ Google Biểu mẫu, tác giả đã tiến hành khảo sát 76 người học các lớp (Lớp Trung cấp Pháp luật Khóa 12 - Mã lớp PL2101K12c, d và e, Lớp Trung cấp Pháp luật Khóa 13 - Mã lớp PL2201K13d và e, Lớp Cao đẳng Dịch vụ Pháp lý Khóa 1, Lớp Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công Khóa 2 - Liên thông, với mong muốn lấy ý kiến của người học về việc giảng dạy với hoạt động đánh giá kết quả học tập đối với môn học nghiệp vụ như sau:

Bảng thống kê kết quả khảo sát đánh giá kết quả môn học nghiệp vụ

Nội dung câu hỏi	Kết quả
Câu 1. Anh/chị là người học thuộc trình độ nào?	- Học sinh Trung cấp Pháp luật: 77,3% - Sinh viên Cao đẳng Dịch vụ pháp lý: 5,4% - Sinh viên Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công: 17,3%
Câu 2. Anh/chị thuộc Khóa mấy?	- Học sinh Trung cấp Pháp luật Khóa 12: 47,4% - Học sinh Trung cấp Pháp luật Khóa 13: 30,3% - Sinh viên Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công Khóa 2: 15,8% - Sinh viên Cao đẳng Dịch vụ pháp lý Khóa 1: 6,6%
Câu 3. Anh/chị đánh giá khối lượng môn học nghiệp vụ như thế nào?	- Rất phù hợp: 60,5% - Phù hợp: 39,5% - Chưa phù hợp: 0%
Câu 4. Anh/chị đánh giá khối lượng thực hành trong chương trình môn học nghiệp vụ như thế nào?	- Rất phù hợp: 56,6% - Phù hợp: 42,1% - Chưa phù hợp: 1,3%
Câu 5. Anh/chị đánh giá khối lượng thực tập	- Rất phù hợp: 55,3%

trong chương trình môn học nghiệp vụ như thế nào?	- Phù hợp: 44,7% - Chưa phù hợp: 0%
Câu 6. Anh/chị đánh giá khối lượng nội dung thực hành trong nội dung kiểm tra (định kỳ, thường xuyên) môn học nghiệp vụ như thế nào?	- Nhiều: 6,6% - Vừa phải: 93,4% - Ít: 0%
Câu 7. Anh/chị đánh giá khối lượng nội dung thực hành trong nội dung thi kết thúc môn học nghiệp vụ như thế nào?	- Nhiều: 5,3% - Vừa phải: 93,4% - Ít: 1,3%
Câu 8. Anh/chị đánh giá chất lượng giảng viên giảng dạy môn học nghiệp vụ như thế nào?	- Rất hài lòng: 75% - Hài lòng: 25% - Chưa hài lòng: 0%
Câu 9. Anh/chị đánh giá chất lượng dạy, học đối với môn học nghiệp vụ như thế nào?	- Rất hài lòng: 76,3% - Hài lòng: 23,7% - Chưa hài lòng: 0%
Câu 10. Anh chị có đề xuất, kiến nghị gì để đổi mới phương thức đánh giá kết quả học tập môn học nghiệp vụ?	- 46 ý kiến: 21 không đề xuất; 25 ý kiến cụ thể

(link:https://docs.google.com/forms/d/1ALqZRRSqNmPOSF1KqAdBt0VGz6yAB1hKm3_TCT9itVA/edit#responses)

Từ kết quả khảo sát và thực trạng, việc đánh giá kết quả học tập đối với học phần nghiệp vụ còn tồn tại một số vấn đề:

Thứ nhất, hạn chế về nội dung thực hành trong chương trình với đánh giá kết quả nội dung thực hành trong kiểm tra, thi. Căn cứ vào chương trình chi tiết môn học, giảng viên sẽ cụ thể hóa nội dung bài giảng, cập nhật từ những quy định của pháp luật, tài liệu thu thập và tình hình thực tiễn trong lĩnh vực công tác, từ đó, triển khai giảng dạy đối với người học từ những đúc kết đó và đánh giá mức độ thực hành của người học, tạo cơ sở để người học có thể thực hiện sau khi ra trường. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy khối lượng thực hành trong chương trình môn học nghiệp vụ và khối lượng nội dung thực hành trong nội dung thi kết thúc môn học nghiệp vụ còn chưa cân đối, còn ít so với yêu cầu của người học. Thực tế việc áp dụng các hình thức trong ngân hàng đề thi còn chưa được kiểm soát chặt chẽ, việc đánh giá được mức độ ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ của người học còn chưa cao (thông qua khảo sát, còn ý kiến đề nghị tăng cường nhiều dẫn chứng thực tế thêm nữa để làm tăng thêm sinh động cho môn học), điều này dẫn đến chưa tạo nên sự khác biệt về yêu cầu giữa môn học cơ sở và môn học nghiệp vụ, một số nội dung đề thi còn thiên về lý thuyết và chưa có tình huống xử lý và hình thức đánh giá

chưa đa dạng trước những yêu cầu thực hiện công việc sau khi ra trường.

Thứ hai, hạn chế về thời gian và chất lượng thực tập hết môn. Giờ thực hành, thực tập là một trong những hình thức đánh giá kết quả học tập (điểm hệ số 2), đã được bảo đảm thực hiện theo đúng tỷ lệ và tăng cường so với quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (đối với trình độ trung cấp: lý thuyết chiếm từ 25% - 45%; thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 55% - 75%; đối với trình độ cao đẳng: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%), tuy nhiên, thông qua khảo sát, có 04 kiến nghị về thời gian nộp bài báo cáo thực tập môn học, kéo dài hơn để người có thể làm bài đạt hiệu quả cao, do đa phần người học đều đi làm nên thời gian làm bài ít, không đạt được hiệu quả cao. Như vậy, bên cạnh yếu tố chủ quan (từ năng lực của người học), thì cần quan tâm đến tăng thời gian thực tập gắn liền với nâng cao chất lượng của bài báo cáo thực tập hết môn (đánh giá sát với tình hình thực tập thực tế của người học).

4. Đề xuất, kiến nghị đổi mới đánh giá kết quả học tập đối với môn học nghiệp vụ

Thứ nhất, từ góc độ quản lý, kiến nghị Ban Giám hiệu chỉ đạo, khoa chuyên môn phối hợp quản lý, tổ chức đánh giá mức độ lý thuyết, thực hành, thực tập nhằm cân đối khối lượng giữa học và thi đối với học phần nghiệp vụ trong mối quan hệ giữa các môn học chuyên môn theo hướng tăng cường tính ứng dụng nghề thực tế, hiệu quả; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng trong đánh giá kết quả học tập từng môn nghiệp vụ dưới nhiều hình thức như: kiểm tra chuyên đề, đối thoại giữa viên chức quản lý của khoa chuyên môn với người học, tọa đàm, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn...

Thứ hai, thí điểm ứng dụng thang đánh giá ngân hàng tình huống theo mức độ (thang Bloom) để có thể đánh giá, phân loại được năng lực của người học, có hướng điều chỉnh, nâng cao chất lượng câu hỏi, ngân hàng đề thi, đáp án kết thúc từng môn học. Điều cần thiết là cần có sự đối chiếu giữa kiến thức giảng dạy trên lớp với nội dung đề kiểm tra, đề thi, việc này có thể dựa vào mức độ theo thang đánh giá Bloom để ứng dụng đánh giá kết quả kiểm tra, thi dưới sự quản lý của

khoa chuyên môn. Bên cạnh đó, kiến nghị giảng viên tăng cường khảo sát, tương tác giữa người học và giảng viên, phân loại người học, cân chỉnh nội dung phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn gắn nghề nghiệp với tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.



Thang đánh giá bloom

Thứ ba, có thể đánh giá trên mức độ hoàn thành công việc khi thực tập đối với môn nghiệp vụ hoặc qua trao đổi, tham vấn với cơ quan, đơn vị thực tập, chuyên gia nhằm bảo đảm bám sát việc thực tế của người học và có sự khách quan trong đánh giá kết quả thực tập của học sinh. Bên cạnh đó, nghiên cứu tổ chức tham quan thực tế ở một số địa điểm để rút ra một số kinh nghiệm để áp dụng cho kết quả các môn học nghiệp vụ được tốt hơn.

Thứ tư, ứng dụng hình thức vấn đáp trong đánh giá kiểm tra, thi. Hình thức này mang tính linh hoạt, cơ động cao, trong quá trình dạy và học, giảng viên có thể nắm được khả năng của từng người học, từ đó có thể gợi ý hoặc thay đổi những câu hỏi mang tính gợi mở phù hợp với từng người học. Phương pháp này phát huy được tính tích cực học tập của học viên, yêu cầu học viên phải động não, phải suy nghĩ để trả lời câu hỏi, do vậy khi sử dụng phương pháp này phù hợp sẽ rất ít người có thể làm việc khác như nói chuyện riêng, đọc báo, nhắn tin điện thoại, suy nghĩ việc khác. Bên cạnh đó, hình thức này linh hoạt để đánh giá học viên trước, trong và kết thúc khóa học, giảng viên có thể gợi mở cho học viên những kiến thức cũ, đây vừa là cách thức để đánh giá được những kiến thức của học viên sau khi đã học được những môn học trước đó, vừa có thể giúp người học ôn lại kiến thức cũ, gắn kết với kiến thức môn học hiện tại, giảng viên có thể gợi mở nhiều vấn đề liên quan đến các học phần tiếp theo, tạo nên một chuỗi mắc xích trong hệ thống kiến thức của người học. Việc này đòi hỏi từng bước trong triển khai thực hiện, bởi, hình thức vấn đáp trong thi hết môn cần phải được thực hiện theo quy trình đặc biệt theo

quy định riêng, có thể áp dụng đối với đánh giá kiểm tra rồi sau đó mới áp dụng cho đánh giá thi.

Tóm lại, đổi mới đánh giá kết quả học tập đối với môn học nghiệp vụ là đánh giá cả một quá trình nhằm giúp giảng viên điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của người học để động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của người học, từ đó, có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tiếp thu kiến thức, kỹ năng nghề của người học./.

Tham luận số 8**MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO KỸ NĂNG SỐ CHO HỌC SINH, SINH VIÊN ĐANG HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

*Thạc sỹ Trần Thanh Xuyên,
Giảng viên - Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang*

Tóm tắt: Để đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực số phù hợp, có khả năng thích ứng và làm chủ công nghệ, tham gia tích cực vào quá trình chuyển đổi số và linh hoạt trước mọi biến đổi của thị trường lao động, trước tiên, cần ý thức rõ tầm quan trọng của kỹ năng số đối với học sinh, sinh viên nói chung và học sinh, sinh viên đang học tại các trường Cao đẳng luật nói riêng. Tham luận đề xuất “Một số giải pháp đào tạo kỹ năng số cho học sinh, sinh viên đang học tại các trường Cao đẳng luật trong giai đoạn hiện nay”

Từ khóa: Giải pháp, kỹ năng số, học sinh, sinh viên, trường Cao đẳng luật, giai đoạn hiện nay

1. Phần mở đầu:

Sự phát triển của công nghệ đòi hỏi con người và môi trường phải thay đổi liên tục nhằm thích nghi với thời đại. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 đã tạo một lực đẩy với gia tốc lớn cho quá trình chuyển đổi số không chỉ đối với các doanh nghiệp, tổ chức mà còn cả đối với các cá nhân. Cuộc cách mạng kỹ thuật số đặt ra vô số thách thức, bắt buộc các lĩnh vực, các ngành nghề phải chuyển mình để theo kịp sự biến thiên của công nghệ. Lao động giản đơn dần dần sẽ được trí tuệ nhân tạo (AI) xử lý và những công việc phức tạp sẽ được đơn giản hóa bởi việc ứng dụng công nghệ. Trước những thay đổi lớn từ môi trường bên ngoài đặt ra cho giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam nhiệm vụ cấp thiết về đào tạo kỹ năng số nhằm tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy khả năng thích ứng và làm chủ công nghệ cho học sinh, sinh viên (HSSV).

Việc tiến hành đào tạo kỹ năng số của HSSV nói chung và HSSV các trường Cao đẳng luật nói riêng sẽ góp phần hỗ trợ nhà trường trong việc xem xét cải thiện chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn.

Xuất phát từ thực tế đó, cùng với những tâm huyết với “nghề” của giảng viên dạy luật, tôi xin phép đưa ra: *“Một số giải pháp đào tạo kỹ năng số cho học sinh, sinh viên đang học tại các trường Cao đẳng luật trong giai đoạn hiện nay”*. Với mục tiêu nhằm trang bị những kiến thức và kỹ năng số để HSSV các trường Cao đẳng luật có thể sử dụng, khai thác Internet một cách tích cực, biết cách ứng xử văn minh và tiếp cận thông tin có chọn lọc là một việc vô cùng cần thiết và quan trọng vào việc học tập và ứng dụng thực tế sau khi tốt nghiệp.

2. Phần nội dung

2.1. Kỹ năng số

2.1.1. Định nghĩa kỹ năng số (Digital skills):

Theo Đại Học Cornell được xác định là “khả năng tìm kiếm, đánh giá, sử dụng, chia sẻ và tạo ra thông tin bằng cách sử dụng công nghệ thông tin và Internet”. Điều này thể hiện tầm quan trọng của việc làm chủ công nghệ số trong thời đại số hóa. Digital skills đặc biệt bao gồm:

Tích cực cập nhật và theo dõi các xu hướng công nghệ mới để nắm bắt cơ hội và tối ưu hoá hoạt động.

Hiểu rõ về các công nghệ có sẵn và biết cách sử dụng những công nghệ này một cách thông thạo.

Thành thạo việc sử dụng thiết bị kỹ thuật số, phần mềm và ứng dụng trong cả công việc, giáo dục và cuộc sống hàng ngày.

Tương tác, giao tiếp và chia sẻ thông tin một cách hiệu quả thông qua các công cụ kỹ thuật số.

Tuân thủ nguyên tắc không gây hại và đảm bảo tính bảo mật trong môi trường số.



Kỹ năng số

Tóm lại, kỹ năng số là khả năng sử dụng công nghệ thông tin và Internet để tìm kiếm, đánh giá, sử dụng, chia sẻ và tạo nội dung. Nó quan trọng trong cuộc sống hiện đại vì những lợi ích và ảnh hưởng tích cực mà nó mang lại trong việc tìm kiếm thông tin, làm việc, học tập và phát triển cá nhân.

2.1.2. Tầm quan trọng của kỹ năng số

Cuộc cách mạng 4.0 đang lan tỏa với tốc độ kỳ vọng, đem theo nhiều cơ hội hấp dẫn cho sự phát triển của doanh nghiệp. Trong bối cảnh này, việc thúc đẩy kỹ năng số trở nên nền tảng quan trọng, với sự tập trung đặc biệt vào nguồn nhân lực có khả năng thích nghi với môi trường số hóa ngày càng rõ ràng.

Đặc biệt, đại dịch COVID-19 đã tạo áp lực tăng cường sự chuyển đổi trong môi trường làm việc, đẩy mạnh yêu cầu về nhân lực linh hoạt và sẵn sàng áp dụng công nghệ. Nhờ sự đáp ứng này, các doanh nghiệp mới có thể vượt qua thử thách và tiếp tục phát triển, bất chấp sự biến đổi lớn trên thị trường.

Với thực tế này, đây thực sự là giai đoạn quan trọng, khi các trường Cao đẳng luật cần tập trung vào đào tạo và phát triển kỹ năng số, để tạo nền tảng vững chắc giúp HSSV thích nghi với sự biến đổi của xã hội và không bị tụt hậu trong cuộc đua chuyển đổi số.

2.1.3. Các thành phần chính của kỹ năng số

Dưới đây là bốn lĩnh vực chính, mặc dù sự hiện diện của từng thành phần của kỹ năng số đan xen và một loạt các hoạt động không thể tách biệt hoàn toàn. Cụ thể:

a. Phương diện Nội dung

Năng lực lưu trữ: Khả năng định dạng, sắp xếp và bảo quản tài liệu số an toàn, cùng với khả năng truy cập vào tài liệu.

Khả năng tìm kiếm: Khả năng tìm kiếm và định hướng thông tin trên mạng, sắp xếp kết quả tìm kiếm theo nhiều tiêu chí.

Khả năng đánh giá: Hiểu, giải quyết và đánh giá thông tin số khi giao tiếp và tiếp nhận thông tin.

Năng lực tự phục vụ: Khả năng tìm kiếm và tận dụng giải pháp tự phục vụ trực tuyến, trước khi tương tác trực tiếp.

b. Phương diện liên hệ

Khả năng tham gia tích cực: Tích cực tham gia, chia sẻ ý kiến, hỗ trợ trong môi trường số.

Năng lực hợp tác: Sử dụng công nghệ để làm việc nhóm, đồng hành và điều phối.

Năng lực nhận thức xã hội: Điều hòa hành vi và ngôn ngữ theo các kết nối xã hội.

c. Phương diện sản xuất

Năng lực sản xuất và chia sẻ: Tạo và sửa đổi thông tin ở nhiều định dạng, từ hình ảnh, văn bản đến video và âm thanh.

Năng lực khám phá kỹ thuật số: Sẵn sàng cập nhật với công nghệ mới và khám phá các thời cơ số mới.

Năng lực tự động hóa: Tạo giải pháp có thể hoạt động tự động hoàn toàn.

Khả năng cấu hình: Điều chỉnh thiết bị và ứng dụng theo sở thích và xử lý sự cố kỹ thuật.

d. Phương diện không gây hại

Năng lực pháp luật: Hiểu luật và giấy phép liên quan đến hành vi thông tin và số hóa.

Khả năng quản lý danh tính: Bảo vệ thông tin cá nhân và hiểu rõ tác động của dấu vết kỹ thuật số.

Khả năng bảo vệ dữ liệu: Chọn và bảo vệ dữ liệu nhạy cảm và hiểu các nguy cơ liên quan.

Khả năng sức khỏe: Chăm sóc tinh thần và thể chất bằng công nghệ và truyền thông số.

2.1.4. Ứng dụng của kỹ năng số trong công việc

Ứng dụng kỹ năng số mà cá nhân sẽ biến đổi tùy theo bản chất và đặc thù của từng lĩnh vực. Cụ thể từng ứng dụng như sau:

Giao tiếp qua email: Khả năng giao tiếp một cách hiệu quả qua email là một kỹ năng quan trọng, từ việc trình bày ý kiến đến việc thảo luận công việc hàng ngày.

Nghiên cứu thông tin trực tuyến: Khả năng tìm kiếm và đánh giá thông tin trực tuyến giúp cập nhật kiến thức và là nguồn thông tin quan trọng cho quyết định công việc.

Xử lý thông tin trong hệ sinh thái ảo: Các công cụ và nền tảng ảo là môi trường quan trọng để quản lý và chia sẻ thông tin, yêu cầu khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường này.

Sử dụng an toàn các công cụ cộng tác: Sự phổ biến của các nền tảng cộng tác như Google Drive, Microsoft Teams, ... yêu cầu người dùng biết cách sử dụng những ứng dụng này một cách an toàn.

Tạo và quản lý bảng tính và tài liệu trực tuyến: Khả năng tạo, chỉnh sửa và quản lý tài liệu và bảng tính trực tuyến là kỹ năng quan trọng cho sự hợp tác và tổ chức công việc.

Sử dụng lịch làm việc và quản lý thời gian: Việc sử dụng lịch làm việc trực tuyến và quản lý thời gian hiệu quả giúp tối ưu hóa công việc cá nhân và đội nhóm.

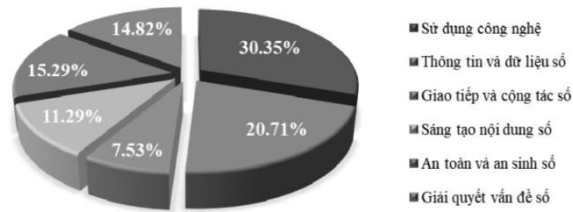
Bảo mật thông tin trực tuyến: Khả năng bảo mật thông tin cá nhân và dữ liệu trong môi trường trực tuyến bao gồm việc sử dụng mật khẩu mạnh và cài đặt quyền riêng tư đúng cách.

2.2. Thực trạng về nhu cầu đào tạo kỹ năng số

2.2.1. Thực trạng về nhu cầu đào tạo kỹ năng số

Theo khảo sát của nhóm tác giả Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội, nhóm kỹ năng Sử dụng công nghệ được sinh viên mong muốn đào tạo và đầu tư nhiều nhất. Do đây là nhóm kỹ năng cơ bản nhất, đồng thời là nền tảng giúp các nhóm kỹ năng khác phát triển. Việc trang bị nhóm kỹ năng này sẽ đem lại khả năng thích nghi về công nghệ cho sinh viên khi bước chân vào thị trường lao động.

Biểu đồ 1: Nhóm kỹ năng số sinh viên mong muốn được đào tạo và đầu tư nhiều hơn



Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm tác giả, 2023

(Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, Số 9 tháng 4 năm 2023)

Có thể nói, đa số sinh viên nói chung và để HSSV các trường Cao đẳng luật đều nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng số trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng, từ đó hình thành và thúc đẩy nhu cầu được đào tạo về kỹ năng số.

2.2.2. Đào tạo kỹ năng số cho học sinh, sinh viên đang học tại các trường Cao đẳng luật

Xây dựng, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao để giảng dạy, đào tạo, lan toả kỹ năng số, cụ thể như giảng viên các trường đào tạo; chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước; các doanh nghiệp công nghệ số.

Ban Giám hiệu các trường Cao đẳng luật được đào tạo để chuyển đổi nhận thức, sẵn sàng, quyết liệt, làm gương ứng dụng công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành; giảng viên được đào tạo để sử dụng thành thạo công cụ số trong xử

lý công việc nội bộ và cung cấp dịch vụ số cho HSSV; HSSV được đào tạo để có kỹ năng, thói quen sử dụng dịch vụ chính phủ số. Các trường Cao đẳng luật cần đào tạo kỹ năng số cho HSSV đang học tại trường. Việc sử dụng các nền tảng cũng giúp nâng cao mặt bằng chất lượng đào tạo tại trường.



Đào tạo kỹ năng số

Xây dựng, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao để giảng dạy, đào tạo, lan toả kỹ năng số. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số để đào tạo kỹ năng số, tiêu biểu như: Học trực tuyến; chia sẻ tài nguyên số trong giảng dạy và học tập; đào tạo cá thể hoá và suốt đời dựa trên công nghệ số.

2.3. Giải pháp đào tạo kỹ năng số cho học sinh, sinh viên đang học tại các trường Cao đẳng luật

2.3.1. Đề xuất liên quan đến phương pháp và nội dung đào tạo kỹ năng số cho học sinh, sinh viên đang học tại các trường Cao đẳng luật

a. Về nội dung đào tạo kỹ năng số:

Để cải thiện được một cách hiệu quả vấn đề đào tạo kỹ năng số cho HSSV đang học tại các trường Cao đẳng luật, thay đổi về nội dung trong đào tạo chính là bước bắt buộc đầu tiên, tạo cơ sở và tiền đề cho các giai đoạn sau. Cụ thể:

- Cần xây dựng khung kỹ năng số chuẩn cho HSSV, từ đó tiến hành cải tiến theo từng nhóm kỹ năng với lộ trình cụ thể.

- Cần cập nhật nội dung giảng dạy và giáo trình môn học liên quan nhiều đến kỹ năng số nhất có thể. Ngoài việc cung cấp lý thuyết và liên hệ tới những phương pháp thủ công, bài giảng có thể cung cấp thêm các cách tận dụng kỹ thuật số cho các phương pháp đó nhằm tối ưu hóa hiệu quả.

- Chương trình đào tạo cần được cập nhật và thêm nhiều môn liên quan tới đào tạo kỹ năng số, theo kịp nhanh hơn xã hội ngày càng được số hoá.

- Cung cấp và tổ chức nhiều hoạt động, cuộc thi liên quan tới kỹ năng số.

- Chương trình giảng dạy tích hợp:

- + Đảm bảo rằng các chương trình giảng dạy tích hợp giáo dục kỹ năng số.

- + Tạo ra các môn học hoặc khóa học tùy chọn về lập trình, công nghệ thông tin, quản lý dự án công nghệ, ...

- Sử dụng công cụ giáo dục số hóa: Sử dụng các công cụ giáo dục trực tuyến như hệ thống quản lý học tập, bài giảng trực tuyến, và tài liệu học trực tuyến để tạo điều kiện học tập tiện lợi và linh hoạt.

- Khuyến khích dự án thực tế:

- + Tạo các dự án thực tế yêu cầu HSSV áp dụng các kỹ năng số mà họ học được.

- + Điều này có thể bao gồm việc phát triển ứng dụng, giải quyết vấn đề sử dụng dữ liệu, hoặc tham gia vào các cuộc thi công nghệ.

- Học tập qua các khóa học trực tuyến: Khuyến khích HSSV tham gia vào các khóa học trực tuyến về các chủ đề kỹ năng số cụ thể như lập trình, khoa học dữ liệu, ...

- Hợp tác với doanh nghiệp và ngành công nghiệp: Tạo các chương trình hợp tác với doanh nghiệp và ngành công nghiệp để cung cấp cơ hội thực tập và học hỏi trải nghiệm thực tế.

- Khuyến khích tự học và sáng tạo: Khuyến khích HSSV tự học và thực hành bằng cách đề xuất và thực hiện các dự án cá nhân.

- Đánh giá và phản hồi liên tục: Đảm bảo rằng quá trình đào tạo được đánh giá và cung cấp phản hồi liên tục để hỗ trợ sự phát triển của HSSV trong kỹ năng số.

b. Về phương pháp đào tạo kỹ năng số:

- Đào tạo kỹ năng số dành cho đội ngũ giảng viên Nhà trường. Nhà trường cần tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện, các chương trình nâng cao kỹ năng số ở mức

độ chuyên sâu được giảng dạy bởi các chuyên gia trong lĩnh vực này. Tổ chức thử nghiệm các buổi giảng dạy lồng ghép kỹ năng số kết hợp thực hành trong lớp học, nhằm đánh giá mức độ hiệu quả đào tạo, cách thức truyền tải và chất lượng được cảm nhận bởi HSSV để đưa ra phương pháp giảng dạy tối ưu.

- Đào tạo kỹ năng số dành HSSV. Chương trình đào tạo cần kết hợp lý thuyết và thực hành trong giảng dạy. Số lượng các tiết thực hành và lý thuyết cần được phân bổ hợp lý để HSSV tiếp nhận vừa đủ lượng kiến thức và áp dụng vận hành ngay trong môn học. Bên cạnh đó, Nhà trường cùng các tổ chức HSSV, trung tâm hỗ trợ HSSV thực hiện các chương trình, hội thảo về kỹ năng số với sự tham gia của các chuyên gia để cập nhật những thông tin mới nhất trong thời đại số và đưa ra lời khuyên về định hướng phát triển kỹ năng số phù hợp với định hướng nghề nghiệp. Để kiểm chứng quá trình đào tạo kỹ năng số cho sinh viên có hiệu quả hay chưa, Nhà trường cần có một nền tảng đánh giá kỹ năng số. Ngoài ra, Nhà trường cũng cần hỗ trợ liên kết giảng viên và HSSV, mở các khóa học giảng dạy kỹ năng số cho HSSV dựa trên nhu cầu và đề xuất của người học.

2.3.2. Đề xuất cho sinh viên trong quá trình tự học kỹ năng số cho học sinh, sinh viên đang học tại các trường Cao đẳng luật

Đào tạo kỹ năng số cho HSSV đang học tại các trường Cao đẳng luật là một phần quan trọng của việc chuẩn bị họ cho tương lai trong một thế giới ngày càng số hóa. Dưới đây là một số giải pháp để đào tạo kỹ năng số cho họ:

- HSSV cần chủ động tiếp cận nguồn tài nguyên về kỹ năng số thông qua sách, báo, bài viết trên các trang web; các diễn đàn; các hình ảnh, video hướng dẫn;...

- Tham khảo khung kỹ năng số dành cho HSSV, giúp HSSV tối ưu hóa được quá trình học hỏi, xác định được những kỹ năng quan trọng để tích cực trau dồi hơn nữa.

- HSSV cần chủ động tìm kiếm và tham gia các dự án thực tế, các bài toán thực tế và giải quyết chúng bằng cách sử dụng kỹ năng số, tham gia các buổi hội thảo và các hoạt động có liên quan đến kỹ năng số để kết nối với các chuyên gia và những người có nhu cầu về kỹ năng số.

- Học tập suốt đời: HSSV cần tư duy học tập suốt đời bằng cách cung cấp các khóa học và tài liệu cập nhật về công nghệ mới và phát triển kỹ năng số.

- Thúc đẩy ý thức về an toàn trực tuyến: HSSV cần nhận thức về an toàn trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân và phản ứng đúng đắn đối với rủi ro trực tuyến.

3. Phân kết luận:

Đào tạo kỹ năng số cho HSSV đang học tại các trường Cao đẳng luật là một phần quan trọng của việc chuẩn bị họ cho tương lai trong một thế giới ngày càng số hóa và kỹ thuật. Kỹ năng số không chỉ giúp họ thành công trong sự nghiệp mà còn là khóa mở cửa cho sự sáng tạo, tư duy phản biện và tương tác xã hội hiệu quả. Qua các giải pháp đã đề cập ở trên, ta có thể thấy rằng việc đào tạo kỹ năng số không chỉ là nhiệm vụ của giáo dục trường học, mà còn là một quá trình liên tục và đa dạng, đòi hỏi sự hợp tác giữa các bên, bao gồm cả trường học, doanh nghiệp, và các tổ chức xã hội.

Thông qua việc khuyến khích sự tò mò, thực hành, và học hỏi suốt đời, ta có thể giúp HSSV đang học tại các trường Cao đẳng luật phát triển kỹ năng số một cách tự tin và hiệu quả. Điều này không chỉ giúp họ vượt qua các thách thức công nghệ mà còn tạo ra những cơ hội mới trong cuộc sống và sự nghiệp. Đào tạo kỹ năng số là một sự đầu tư quan trọng cho tương lai của HSSV, giúp họ trở thành những công dân toàn diện và thành công trong một thế giới ngày càng phức tạp và kỹ thuật.

Những biện pháp mà tôi áp dụng đào tạo kỹ năng số cho HSSV đang học tại các trường Cao đẳng luật thực chất cũng không phải là hoàn toàn mới. Có một số việc làm tôi đã học hỏi từ những giảng viên giàu kinh nghiệm, trên cơ sở đó đổi mới và vận dụng cụ thể vào đào tạo kỹ năng số cho HSSV đang học tại các trường Cao đẳng luật. Cũng có những biện pháp do tôi nghĩ ra trong quá trình công tác đào tạo kỹ năng số cho HSSV đang học tại các trường Cao đẳng. Nhưng nhìn chung, tôi thấy hiệu quả của nó rất tốt đối tạo kỹ năng số cho HSSV đang học tại các trường Cao đẳng luật. Vì thế, theo tôi những biện pháp này có thể phổ biến tại Trường Cao đẳng, các cơ sở giáo dục có đào tạo Giáo dục nghề nghiệp để đem lại hiệu quả và chất lượng giáo dục, đào tạo kỹ năng số cho HSSV. Các giải pháp trên nên được

thiết kế để tạo ra một môi trường học tập thú vị và kích thích sự tò mò, khám phá và phát triển kỹ năng số của HSSV đang học tại các trường Cao đẳng.

Tài liệu tham khảo

1. Mai, A. T., & Đỗ, V. H. (2023). Đánh giá năng lực số sinh viên: Phương pháp tiếp cận, tiêu chí và công cụ đánh giá. Tạp chí Thông tin và Tư liệu, 1, 03-12.
2. Mai, A. T., Huỳnh, N. T., & Ngô, A. T. (2021). Khung năng lực số cho sinh viên đại học: từ các công bố gợi mở hướng tiếp cận cho Việt Nam. Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật, 6, 101-111.
3. PwC Việt Nam. (2020). Báo cáo mức độ sẵn sàng về kỹ năng số Việt Nam.
4. SHRM. (2021). Training Needs Analysis. [Online] Available at <https://www.shrm.org/resourcesandtools/tools-and-samples/hr-glossary/pages/training-needs-analysis.aspx>
5. Trần, T. T. H., & Nguyễn, K. Q. (2022). Năng lực kỹ thuật số của nhà giáo dục: Khái niệm liên quan và các bộ công cụ đánh giá. Tạp chí Giáo dục, 22(16), 24-28.
6. Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, Số 9 tháng 4 năm 2023
7. Trang thông tin <https://xaydungso.vn/blog/tim-hieu-ky-nang-so-la-gi-va-tai-sao-ban-can-no-vi-cb.html>

Tham luận số 9**GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC TUYỂN SINH NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên
Chuyên viên - Phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên

Trường Cao đẳng Luật miền Nam được thành lập theo Quyết định số 863/QĐ-LĐTĐ&XH ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có chức năng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp về lĩnh vực pháp luật; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề; nghiên cứu khoa học pháp lý. Phạm vi hoạt động của Trường không chỉ giới hạn trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long mà còn mở rộng ra 23 tỉnh, thành khu vực phía Nam. Việc thành lập và hoạt động của Trường đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao dân trí, chuẩn hóa, cập nhật kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân của khu vực. Đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu là tuyển sinh, đào tạo, qua thời gian 03 năm thành lập (10/7/2020 - 10/7/2023), công tác này của Trường đã đạt được những kết quả quan trọng và cũng có những hạn chế, khó khăn nhất định. Trong phạm vi bài tham luận này, có thể khái quát thực trạng công tác tuyển sinh, đào tạo của Trường và đề xuất một số giải pháp như sau:

1. Thực trạng công tác tuyển sinh, đào tạo**1.1. Những kết quả đạt được****1.1.1. Công tác tuyển sinh**

Năm 2023, Trường được giao 210 chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp pháp luật và 100 chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng (trong đó 50 chỉ tiêu Cao đẳng Dịch vụ pháp lý và 50 chỉ tiêu Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công). Tính đến hết tháng 9, trường đã tuyển sinh được 172 chỉ tiêu trung cấp pháp luật (đạt 81,9% chỉ tiêu trung cấp) và 33 chỉ tiêu cao đẳng (trong đó 22 chỉ tiêu Cao đẳng Dịch vụ pháp lý và 11 chỉ tiêu Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công) (đạt 33% chỉ tiêu cao đẳng).

Thực hiện các chỉ tiêu nêu trên, căn cứ Quyết định số 35/QĐ-BTP ngày 12/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt Kế hoạch công tác năm 2023 của Trường Cao đẳng Luật miền Nam, Trường đã thực hiện các hoạt động để đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh trong năm như:

- Kiện toàn Hội đồng tuyển sinh; Xây dựng Kế hoạch tuyển sinh ngay từ cuối năm 2022 để có thể triển khai ngay từ tháng 01/2023. Trong Kế hoạch, Trường xác định nguồn, đối tượng, số lượng dự kiến tuyển sinh để tổ chức lớp tại Trường và tại các đơn vị liên kết, tính toán về nguồn kinh phí, đảm bảo cân đối thu chi khi tổ chức được lớp học, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của tập thể Trường, của Ban Giám hiệu, của Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, trách nhiệm của từng viên chức trong công tác tuyển sinh, phát huy tinh thần “mỗi viên chức, người lao động, mỗi học sinh, sinh viên đều là người thực hiện công tác tuyển sinh”.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyển sinh, Trường đã chủ động phát hành thông tin tuyển sinh, khảo sát nhu cầu học, đặc biệt là nhu cầu học cao đẳng các chuyên ngành pháp luật tại các Trường THPT, các Trung tâm GDTX cấp tỉnh, Trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện của tỉnh Hậu Giang và các tỉnh lân cận trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Bên cạnh đó, Trường còn phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan hữu quan trong tỉnh Hậu Giang tổ chức Ngày Hội tư vấn tuyển sinh. Đây là cơ hội, diễn đàn, kênh quan trọng trong việc đưa thông tin tuyển sinh của Trường đến học sinh đang học THCS, THPT.

- Trường chủ động làm việc với các cơ quan, ban, ngành của các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long để thông qua công tác quản lý của các đơn vị, truyền thông đến đối tượng có nhu cầu học. Đây là công tác quan trọng, thể hiện tính hiệu quả vì chủ yếu thông qua đơn vị đầu mối, Trường không phải mất thời gian để thông tin đến từng đối tượng theo học. Hơn nữa các đối tượng theo học đa phần là người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, công tác tại ấp, khóm, khu vực nên nhu cầu theo học các chương trình trung cấp, cao đẳng tương đối lớn. Bên cạnh đó, Trường tận dụng mối quan hệ với các đơn vị thông qua ký kết các chương trình phối hợp về công tác tuyển sinh, đào tạo. Việc ký kết được

thực hiện vào ngày 19/11/2022 với gần 30 đơn vị ký kết. Đây là tiền đề quan trọng cho việc tổ chức triển khai và hoàn thành sớm các chỉ tiêu tuyển sinh của năm 2023.

- Trường chú trọng tuyển sinh với đối tượng là người dân tộc thiểu số (tại Đồng bằng Sông Cửu Long, đối tượng hướng đến chủ yếu là dân tộc Khmer). Đây là đối tượng cần được ưu tiên nâng cao hiểu biết pháp luật theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2021”. Vì vậy, Trường chú trọng làm việc với Ban Dân tộc các tỉnh để thống nhất chủ trương tuyển sinh trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bên cạnh làm việc, khảo sát, tuyển sinh trực tiếp tại các cơ quan, đơn vị, tại các Trường THCS, THPT, các Trung tâm GDTX cấp tỉnh, Trung tâm GDNN - GDTX các huyện, thị xã, thành phố, Trường còn phát huy vai trò của công tác truyền thông thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Cụ thể:

+ Sử dụng dịch vụ đăng thông tin tuyển sinh trên báo giấy, báo điện tử của các Báo Hậu Giang, hình thức là phát hành thông tin tuyển sinh trên báo giấy, đăng ký diện tích pano trên báo điện tử, viết các bài giới thiệu về Trường nhân các sự kiện mà Trường tổ chức, thiết kế video giới thiệu Trường và giới thiệu về công tác tuyển sinh của Trường trong Ngày Hội tuyển sinh...

+ Sử dụng dịch vụ tư vấn tuyển sinh trên Trang Thông tin điện tử của Trường. Ngoài ra, trên trang web của Trường, các thông tin tuyển sinh của tất cả các lớp, các bài đăng sự kiện đều được cập nhật kịp thời và thu hút sự quan tâm của độc giả, người có nhu cầu.

+ Sử dụng trang fanpage mang tên Trường. Đây là trang không tốn phí dịch vụ và thu hút được nhiều lượt tương tác, hệ thống chat tiếp nhận thường xuyên thông tin đề nghị tư vấn tuyển sinh các lớp của Trường.

- Ngoài sử dụng các dịch vụ nêu trên, Trường còn đẩy mạnh công tác tuyển sinh thông qua công tác vận động, xã hội hóa. Các pano, băng rol, bảng, biểu trước cổng Trường, trong khuôn viên Trường và tại một số đơn vị liên kết đều vận động

hỗ trợ từ các đơn vị tài trợ và đều thể hiện chủ yếu nội dung công tác tuyển sinh. Việc tạo trực quan từ các pano thu hút được sự chú ý của học sinh, sinh viên đến tham quan hoặc đang học tập tại Trường.

Với việc thực hiện đồng bộ, kết hợp các hoạt động nêu trên, trong năm 2023, là năm thứ ba hoạt động đào tạo trình độ cao đẳng, Trường đã tuyển sinh đạt 84/100 chỉ tiêu cao đẳng luật, 210 chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp.

1.1.2. Công tác đào tạo

Qua quá trình tuyển sinh, năm 2023, tổng quy mô đào tạo trung cấp, cao đẳng của Trường là 597 (thực học 434, chiếm tỷ lệ 72,7%), bao gồm các lớp cụ thể như sau:

TT	Lớp	Số lượng mở lớp	Số lượng thực học	Tỷ lệ
I	CAO ĐẲNG			
1	CĐ Dịch vụ pháp lý khóa 1	42	11	
2	CĐ Dịch vụ pháp lý khóa 2	28	20	
3	CĐ PL về quản lý hành chính công khóa 2	23	21	
4	CĐ Dịch vụ pháp lý khóa 3	22	12	
II	TRUNG CẤP			
1	Lớp TCL K12b tại Trường	32	5	
2	Lớp TCL K12cde tại An Biên, Kiên Giang	73	53	
3	Lớp TCL K13ac tại Vĩnh Thuận, Kiên Giang	21	20	

4	Lớp TCL K13b tại Ninh Kiều	4	4	
5	Lớp TCL K13de tại Phong Điền, Cần Thơ	40	32	
6	Lớp TCL K13g tại Trường	17	6	
7	Lớp TCL K13hi tại Hòn Đất, Kiên Giang	41	35	
8	Lớp TCL K13klm tại U Minh Thượng, Kiên Giang	82	76	
9	Lớp TCL K14a tại Ninh Kiều	12	12	
10	Lớp TCL K14bc tại Kiên Lương, Kiên Giang	37	37	
11	Lớp TCL K14de tại Cù Lao Dung, Sóc Trăng	77	55	
12	Lớp TCL K14g tại Phụng Hiệp, Hậu Giang	46	35	
III	TỔNG CỘNG	597	434	72,7%

Để tổ chức đào tạo hiệu quả, đảm bảo chất lượng, Trường đã thực hiện một số hoạt động nổi bật như:

- Xây dựng mới, cập nhật, bổ sung các giáo trình, chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu người học, phù hợp với tình hình thực tiễn của Trường, cập nhật chương trình theo hướng tăng cường kỹ năng nghề nghiệp. Một số hoạt động như: Xây dựng giáo trình cao đẳng theo sự phân công của Bộ Tư pháp; ban hành chương trình đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng với thời gian 8 tháng, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo trình độ cao đẳng pháp luật về quản lý hành chính công và dịch vụ pháp lý ^{theo hướng} giảm số tín chỉ, cập nhật các môn học mang tính đặc

trung của các chuyên ngành. Bên cạnh đó, trong các chương trình đào tạo của Trường, có các ngành đã được đưa vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các ngành, nghề đào tạo chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Trong đó, trình độ cao đẳng có ngành “*Dịch vụ pháp lý*”, trình độ trung cấp, có ngành “*Pháp luật*”. Đây là điều kiện thuận lợi để Trường tập trung nâng cao chất lượng đào tạo các ngành, nghề đặc thù, khẳng định vị thế, uy tín của Trường trong đào tạo các chuyên ngành pháp luật.

- Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo như phòng học, máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh, bố trí mô hình phòng xét xử cho việc giảng dạy các môn học luật tố tụng, tăng cường dịch vụ công tác học sinh, sinh viên. Mua sắm đầy đủ các loại sách, tài liệu đảm bảo cho chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng các chuyên ngành luật.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học phục vụ cho công tác tuyển sinh, đào tạo của Trường; Xây dựng các ngân hàng đề thi, ngân hàng tình huống, tham gia các hội thảo, tọa đàm khoa học do các cơ quan, đơn vị khác tổ chức.

- Bên cạnh đó, để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Trường còn quan tâm kết nối với các đơn vị sử dụng lao động để vừa giới thiệu việc làm, vừa khảo sát đánh giá chất lượng nguồn lao động mà Trường đã cung ứng. Theo đánh giá của đơn vị sử dụng sản phẩm đào tạo của Nhà trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc của đơn vị, học viên đã tốt nghiệp của Trường đã tích lũy một số kỹ năng liên quan đến pháp luật như: kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại, lao động, kỹ năng tư vấn... Nhờ sự đánh giá đó, Trường kịp thời cập nhật, điều chỉnh, bổ sung vào các chương trình đào tạo theo hướng nâng cao kỹ năng nghề luật và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

- Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện lộ trình chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, đào tạo cũng là một trong những nhiệm vụ được Trường triển khai nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể một số hoạt động như: giảng dạy và học tập bằng các phần mềm thông dụng, hướng tới xây dựng các chương trình đào tạo cao đẳng trực tuyến, khắc phục, vận hành phần mềm quản lý

đào tạo, dữ liệu hóa các tài liệu, bài giảng nhằm tiến tới thực hiện đào tạo trực tuyến, từ xa trong thời gian tới,...

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện

1.2.1. Những ưu điểm, thuận lợi

- Xác định tuyển sinh là công tác đặc biệt quan trọng nên công tác này luôn được tập thể sư phạm nhà trường, lãnh đạo Trường, các đơn vị trực thuộc, mỗi viên chức, người lao động ý thức cao độ và thể hiện tinh thần, trách nhiệm tốt trong vận động tuyển sinh. Một số đơn vị, viên chức hoàn thành và vượt các mức chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng được giao.

- Sự hỗ trợ, ủng hộ, giúp đỡ từ các cơ quan, ban, ngành trong và ngoài tỉnh. Chính sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước là điều kiện thuận lợi để công tác tuyển sinh được xúc tiến, hiệu quả.

- Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo được Trường quan tâm thực hiện. Một số hoạt động có tính mới và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đã được triển khai nhanh chóng trong năm như: xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung các chương trình đào tạo, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý đào tạo và giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo,...

1.2.2. Một số khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, song công tác tuyển sinh, đào tạo của Trường vẫn còn một số khó khăn nhất định:

- **Thứ nhất**, nguồn tuyển sinh cao đẳng các chuyên ngành pháp luật vẫn còn hạn chế so với tuyển sinh trình độ trung cấp. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do sự thay đổi về cơ chế chính sách, các trường đại học được thành lập nhiều, điểm chuẩn đầu vào đại học thấp vì vậy số lượng các thí sinh có nguyện vọng dự tuyển vào các trường cao đẳng giảm theo từng năm,...

- **Thứ hai**, một số đơn vị, cá nhân chưa thể hiện hết vai trò chủ động, tích cực trong thực hiện công tác tuyển sinh nên chưa hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

Nguyên nhân do bị chi phối khá nhiều bởi công tác chuyên môn, chưa có điều kiện vận động các đối tượng theo học.

- **Thứ ba**, chưa phát huy hết vai trò của công tác thông tin, truyền thông, công thông tin điện tử chưa cập nhật kịp thời các thông tin tuyển sinh, việc đăng bài tuyển sinh trên các trang mạng xã hội chưa được thường xuyên, chưa kịp thời. Bên cạnh đó, công tác truyền thông tuyển sinh đến các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn còn hạn chế. Khảo sát một số xã vùng sâu, vùng xa của tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang cho thấy một số người làm công tác ở ấp có nhu cầu tham gia học trung cấp, cao đẳng luật nhưng chưa có thông tin về lớp học.

- **Thứ tư**, tiến độ triển khai công việc của một số cơ quan, đơn vị đã kết nối, ký kết các chương trình phối hợp còn khá chậm. Một số cơ quan, đơn vị sau khi làm việc dù đã có biên bản hợp tác, ghi nhớ nhưng tiến độ triển khai chưa kịp thời hoặc thậm chí chưa triển khai. Vì vậy, công tác tuyển sinh, tổ chức các lớp chưa thể thực hiện được.

- **Thứ năm**, trong điều kiện chung các trường Cao đẳng Luật phải dần tiến tới cơ chế tự chủ toàn phần, kinh phí cấp từ Bộ Tư pháp giảm nên Trường phải cân đối kinh phí cho tất cả các hoạt động, trong đó có cả kinh phí tuyển sinh. Vì vậy, việc giảm kinh phí cho công tác tuyển sinh cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả, tần suất thực hiện của công tác này.

- **Thứ sáu**, so với quy mô trong Đề án thành lập Trường Cao đẳng Luật miền Nam, năm 2023, chưa đảm bảo quy mô đã xác định, chỉ đạt 597/1250, bên cạnh đó, tỷ lệ bỏ học của sinh viên, học sinh khá nhiều (khoảng 27%), đặc biệt là sinh viên các lớp cao đẳng. Nguyên nhân là do sinh viên chưa nhận thức sâu sắc về việc học luật ở trình độ cao đẳng, sự “thông thoáng” của các trường đại học trong đó có ngành luật. Bên cạnh đó, việc phải đóng học phí dù không cao nhưng cũng có tác động nhất định đến việc bỏ học của sinh viên.

2. Mục tiêu và một số giải pháp thực hiện công tác tuyển sinh nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức đào tạo trong thời gian tới

2.1. Mục tiêu

Trong 3 tháng cuối năm 2023, Trường tiếp tục thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh còn lại theo Giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp để đảm bảo đạt 210 chỉ tiêu trung cấp pháp luật, 50 chỉ tiêu Cao đẳng Dịch vụ pháp lý và 50 chỉ tiêu Cao đẳng Pháp luật về quản lý hành chính công. Và liên hệ lại các đơn vị đã kết nối trong năm 2023 để dự nguồn tuyển sinh trong năm 2024.

2.2. Giải pháp thực hiện

- **Thứ nhất**, tăng cường công tác PR, nâng cao thương hiệu, vị thế, uy tín của Nhà trường để góp phần thu hút học sinh, sinh viên, hạn chế thấp nhất việc bỏ học của học sinh, sinh viên. Ngoài ra, cần truyền thông mạnh mẽ cho sinh viên các lớp cao đẳng về lợi thế so sánh của việc học cao đẳng luật so với các trình độ, chuyên ngành khác, củng cố, kiện toàn lại hoạt động của Ban Vận động học sinh, sinh viên thôi học trở lại lớp, tăng cường sự theo dõi, kiểm tra của giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập nhằm duy trì số lượng học sinh, sinh viên các lớp. Bên cạnh đó cũng cần quan tâm đến củng cố, cập nhật hoạt động của trang thông tin điện tử của Trường, trang fanpage, đăng tải, tư vấn tuyển sinh trên các trang mạng xã hội, truyền thông trên Báo, Đài,...

- **Thứ hai**, chủ động tham gia vào Hiệp hội các trường cao đẳng để học tập kinh nghiệm, các giải pháp tuyển sinh; tham gia các chương trình, ngày hội tư vấn tuyển sinh do địa phương, các cơ sở giáo dục khác tổ chức; chủ động kết nối với các trường THCS, THPT trên địa bàn; triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình phối hợp đã ký.

- **Thứ ba**, phát huy vai trò của mỗi viên chức, người lao động Nhà trường trong thực hiện công tác tuyển sinh, kể cả sử dụng lực lượng làm công tác tuyển sinh là học sinh, sinh viên, học viên đang học các lớp trung cấp, cao đẳng, các lớp liên kết tại Trường. Có như vậy mới tạo nên sức mạnh tập thể cùng chung tay góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Để thực hiện được điều này nhà trường phải có những biện pháp động viên khích lệ, chẳng hạn như giao khoán mức thưởng trên mỗi hồ sơ được vận động đã thực tế vào học hoặc khen thưởng kịp thời trong các ngày lễ, các đợt tổng kết thi đua ngắn hạn,... nhằm tạo lên một không khí thi đua, phấn đấu trong mỗi viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên trong hoạt động tuyển sinh.

- **Thứ tư**, kết nối với đơn vị sử dụng lao động để tạo điều kiện cho sinh viên ra Trường có việc làm. Muốn vậy, phải thực hiện hợp tác với các doanh nghiệp để cung ứng nguồn lao động hàng năm. Một khi sinh viên tốt nghiệp có việc làm, thu nhập ổn định sẽ tạo được sự lan tỏa rộng rãi trong xã hội về thương hiệu, uy tín của Nhà trường trong công tác đào tạo và là động lực cho người có nhu cầu học sẽ đăng ký học tại Trường.

- **Thứ năm**, bố trí một phần kinh phí phù hợp cho công tác tuyển sinh. Việc đảm bảo kinh phí tuyển sinh là điều kiện quan trọng giúp tổ chức công tác tuyển sinh được đảm bảo như Kế hoạch đã đề ra.

- **Thứ sáu**, Tăng cường công tác quản lý việc dạy và học: Dạy và học là hai hoạt động trọng tâm của Nhà trường, vì công tác dạy và học diễn ra khi công tác tuyển sinh đã kết thúc và là công tác quản lý dạy, học để nâng cao chất lượng đào tạo có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả tuyển sinh của Nhà trường. Bởi lẽ chúng ta biết rằng những học sinh, sinh viên đang theo học tại trường là những "cán bộ tuyên truyền viên" hết sức quan trọng. Những gì đang diễn ra ở trường về chất lượng đào tạo được họ phản ánh lại với gia đình, bạn bè, người thân... từ đó tạo động lực cho học sinh đăng ký dự tuyển vào trường chúng ta. Vì vậy cần phải quản lý công tác dạy và học ở nhà trường thật tốt, tạo ra nhiều ấn tượng đẹp chùng nào đối với học sinh, sinh viên thì những ấn tượng đó sẽ được truyền phát ra xã hội càng nhiều chùng đó. Muốn thực hiện được điều này, nhà trường cần phải làm tốt những nhiệm vụ sau:

+ Nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên.

+ Đổi mới phương pháp dạy học nhằm tạo hứng thú học tập cho học sinh, sinh viên.

+ Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp; đồng thời đáp ứng được với nhu cầu của thị trường lao động khi sinh viên tốt nghiệp.

+ Tăng cường công tác quản lý học sinh - sinh viên; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh để nâng cao chất lượng đào tạo.

Tóm lại, công tác tuyển sinh của các Trường Cao đẳng Luật, đặc biệt là tuyển sinh trình độ cao đẳng luật là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu. Qua thời gian 03 năm hoạt động với mô hình cao đẳng, Trường Cao đẳng Luật miền Nam bước đầu hoàn thành nhiệm vụ tuyển sinh cao đẳng, đạt được những kết quả khả quan. Tuy nhiên, phải nhìn nhận thực tế rằng, công tác tuyển sinh cao đẳng là nhiệm vụ hết sức khó khăn vì những nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan. Vì vậy, tìm ra các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc là việc làm hết sức cần thiết, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Trường Cao đẳng Luật miền Nam ngày càng phát triển trong thời gian tới./.

Tham luận số 10**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP TẠI CÁC ĐƠN VỊ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO - GÓC NHÌN TỪ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ ĐÀO TẠO**

ThS. Thái Quốc Phong
Trưởng phòng - Phòng ĐT&CTHSSV

1. Thực trạng công tác liên kết đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp

Trường Cao đẳng Luật miền Nam được thành lập theo Quyết định số 863/QĐ-LĐTĐ&XH ngày 10/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có chức năng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp về lĩnh vực pháp luật; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề; nghiên cứu khoa học pháp lý. Phạm vi hoạt động của Trường không chỉ giới hạn trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long mà còn mở rộng ra 23 tỉnh, thành khu vực phía Nam. Việc thành lập và hoạt động của Trường đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao dân trí, chuẩn hóa, cập nhật kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân của khu vực. Thực hiện chức năng này, kể từ khi Trường hoạt động dưới hình thức Trường Cao đẳng, bên cạnh việc đào tạo các lớp chính quy tại Trường, Trường đã chú trọng liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ quan, tổ chức có nhu cầu trong khu vực, đặc biệt là các tỉnh lân cận như: Kiên Giang, Sóc Trăng,... Số liệu thống kê từ khi Trường hoạt động với hình thức cao đẳng như sau:

+ Năm 2020: liên kết với Trường Trung cấp Nghề Dân tộc Nội trú tỉnh Kiên Giang đào tạo 02 lớp Trung cấp Pháp luật với 62 học sinh, trong đó hệ tuyển THCS là 41 học sinh và hệ tuyển THPT là 21 học sinh (đặt lớp tại huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang).

+ Năm 2021: liên kết với Trường Trung cấp Nghề Vùng U Minh Thượng đào tạo 01 lớp Trung cấp Pháp luật với 82 học sinh (đặt lớp tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang).

+ Năm 2022: liên kết với Trường Trung cấp Nghề Vùng U Minh Thượng đào tạo 02 lớp Trung cấp Pháp luật với 100 học sinh (đặt lớp tại huyện Vĩnh Thuận và

huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang); liên kết với Trường Trung cấp Nghề Dân tộc Nội trú tỉnh Kiên Giang đào tạo 01 lớp Trung cấp Pháp luật với 41 học sinh (đặt lớp tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang).

+ Năm 2023: liên kết với Trường Trung cấp Nghề Vùng Tứ giác Long Xuyên đào tạo 01 lớp Trung cấp Pháp luật với 37 học sinh.

+ Ngoài tỉnh Kiên Giang, Trường còn chú trọng liên kết tuyển sinh tại các tỉnh, thành như: TP. Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, Vĩnh Long,....

Như vậy, giai đoạn 2020 - 2023, tổng học sinh tại các đơn vị liên kết là 240 học sinh, chủ yếu là liên kết đào tạo trình độ trung cấp pháp luật. Đối với các lớp cao đẳng, do là mã ngành và trình độ mới nên trước mắt, Trường chỉ đào tạo các lớp cao đẳng chính quy tại Trường, chưa mở lớp tại các đơn vị liên kết.

2. Đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các đơn vị liên kết

2.1. Ưu điểm

- **Thứ nhất**, công tác phối hợp, liên kết đào tạo thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BLĐTBXH ngày 05/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức đào tạo theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Trường Cao đẳng Luật miền Nam và các đơn vị liên kết đều phối hợp tổ chức đào tạo, quản lý học sinh, sinh viên đảm bảo các quy định nêu trên.

- **Thứ hai**, tại các đơn vị liên kết, về cơ bản đáp ứng được các điều kiện thiết yếu về cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo trình độ trung cấp/cao đẳng luật như: phòng học, bàn, ghế, bảng, nơi nghỉ cho giáo viên/giảng viên tham gia giảng dạy.

- **Thứ ba**, một số giáo viên/viên chức được giao phụ trách lớp tại các đơn vị liên kết có tinh thần, trách nhiệm rất cao trong nhiệm vụ được giao. Giáo viên/viên chức phụ trách lớp xuống sinh hoạt lớp, điểm danh hàng tuần, nhắc nhở trực

tiếp/gọi điện học viên tham gia học tập đầy đủ, hỗ trợ tất cả các hồ sơ, thủ tục, các vướng mắc trong quá trình học tập của học sinh, sinh viên.

- **Thứ tư**, một số giáo viên/giảng viên bộ môn đến giảng dạy tại các đơn vị liên kết thể hiện tâm huyết, trách nhiệm trong môn giảng của mình, từ việc cung cấp tài liệu, quản lý học tập, đánh giá quá trình, tận tình hướng dẫn học sinh, sinh viên các kiến thức, kỹ năng chuyên môn liên quan đến môn học.

- **Thứ năm**, một số học sinh dù học tại đơn vị liên kết nhưng có ý thức, thái độ học tập và rèn luyện rất tốt, tích cực nghiên cứu bài giảng, tham gia hoạt động, phong trào, chấp hành nghiêm nội quy, quy chế của 02 đơn vị phối hợp. Nhờ vậy, sau khi kết thúc học kỳ, năm học hoặc toàn khóa, các lớp tại các đơn vị liên kết đều có học sinh đạt kết quả học lực giỏi, xuất sắc, kết quả rèn luyện tốt và được xem xét nhận các suất học bổng, quỹ khuyến học của Trường.

2.2. Hạn chế, vướng mắc

- **Thứ nhất**, đơn vị chủ trì đào tạo không thể tổ chức quản lý chặt chẽ như các lớp mở tại Trường, tất cả mọi công tác đều phải thông qua hoặc nhờ sự phối hợp của đơn vị liên kết; việc theo dõi tình hình học tập, sĩ số lớp, quan tâm đến công tác học sinh, sinh viên chưa được thường xuyên, trực tiếp như các lớp tại Trường.

- **Thứ hai**, thời gian, giờ giấc học tập sẽ bị hạn chế hơn so với học tại Trường. Đa phần giáo viên/giảng viên bộ môn phải di chuyển từ các tỉnh ở xa đến đơn vị liên kết nên thời gian giảng dạy thực tế có thể bị ảnh hưởng, tiết giảm hơn so với học tại Trường. Điều đó cũng ảnh hưởng đến số giờ lên lớp ít, đôi khi chưa đảm bảo về thời gian số giờ, số tiết đào tạo theo quy định về quy chế đào tạo.

- **Thứ ba**, việc tham gia, tiếp cận với nguồn học liệu (như sách tại Thư viện) của học sinh sẽ không có điều kiện như các lớp tại Trường. Với số lượng đầu sách tại Thư viện Trường là 3.572 đầu sách, 40.926 quyển, đa phần là sách về luật, phục vụ tốt nhu cầu học tập các chương trình đào tạo của Trường. Với điều kiện ở xa, học sinh không thể đến Thư viện thường xuyên để tìm kiếm, đọc, nghiên cứu tài liệu, khối lượng kiến thức sẽ ít đi, chủ yếu chỉ tiếp nhận được các kiến thức do thầy/cô giảng dạy cung cấp. Do vậy, chất lượng đào tạo các lớp tại các đơn vị liên kết có thể bị hạn chế hơn so với các lớp tại Trường.

- **Thứ tư**, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành luật đôi khi chưa đảm bảo đúng yêu cầu. Một số đơn vị liên kết hoặc nơi đặt lớp chưa có thiết bị cơ bản như: máy chiếu, ti vi, loa, chủ yếu chỉ có bàn, ghế, một số nơi cơ sở vật chất xuống cấp hoặc các thiết bị vi tính bị hỏng nên việc giảng dạy gặp nhiều khó khăn. Một số môn học như luật tố tụng hình sự, tố tụng dân sự... đòi hỏi sử dụng phòng thực hành xét xử nhưng tại các đơn vị liên kết chưa có các mô hình này, buộc học sinh phải tự tư duy thông qua hình ảnh, hướng dẫn từ giáo viên/giảng viên giảng dạy.

- **Thứ năm**, việc nắm thông tin về các hoạt động đào tạo, quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh, sinh viên của học sinh tại các đơn vị liên kết sẽ bị hạn chế hơn so với các lớp tại Trường. Học sinh không có điều kiện tiếp xúc nhiều và thường xuyên với giảng viên/chủ nhiệm lớp, ít chịu nghiên cứu các quy định của đơn vị chủ trì đào tạo nên việc nắm bắt, thực hiện đúng các quy định còn bị hạn chế (thắc mắc về cách tính điểm, việc đánh giá điểm rèn luyện, xét cấp học bổng...).

- **Thứ sáu**, việc chủ động rà soát, đăng ký học lại, thi lại, học bổ sung những môn còn chưa tích lũy của học sinh chưa cao. Đa phần học sinh phải nhờ sự hỗ trợ, giúp đỡ của giáo viên chủ nhiệm hoặc viên chức quản lý. Có trường hợp học sinh không biết về lịch học, lịch thi, có học lại nhưng quên, không biết lịch,... tất cả đều phải nhờ sự đôn đốc, nhắc nhở của giáo viên.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các đơn vị liên kết

Để đảm bảo, nâng cao chất lượng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng luật tại các đơn vị liên kết, có thể thực hiện một số giải pháp sau:

- **Thứ nhất**, đối với đơn vị chủ trì đào tạo, từ lãnh đạo Trường đến viên chức quản lý, giáo viên/giảng viên và những người có trách nhiệm liên quan phải chủ động toàn bộ về công tác đào tạo các lớp tại các đơn vị liên kết, cần phối hợp chặt chẽ với đơn vị liên kết, tăng cường kiểm tra, giám sát để lớp học đảm bảo yêu cầu, chất lượng đào tạo.

- **Thứ hai**, đối với đơn vị liên kết đào tạo hoặc đơn vị đặt lớp đào tạo: khi làm việc về công tác mở lớp, Trường Cao đẳng Luật miền Nam và đơn vị phối hợp phải thống nhất việc bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt nhất cho việc đào tạo

trình độ trung cấp, cao đẳng luật. Các cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu cần có cho việc giảng dạy pháp luật như: phòng học, bàn, ghế, bảng, phấn, lớp học sĩ số trên 50 cần bố trí được hệ thống âm thanh, máy chiếu, tivi... Khi môi trường học tập đầy đủ sẽ góp phần giúp cho việc giảng dạy và học tập hiệu quả, qua đó sẽ nâng cao được chất lượng đào tạo.

- **Thứ ba**, tăng cường công tác trao đổi, sinh hoạt chuyên môn giữa 02 đơn vị phối hợp nhằm giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình liên kết, phối hợp đào tạo. Việc gặp gỡ, trao đổi giữa 02 đơn vị có thể định kỳ sau mỗi học kỳ hoặc kết thúc năm học hoặc vào thời gian hợp lý khác. Thực tiễn trong quá trình phối hợp đào tạo, xảy ra rất nhiều các vướng mắc như: nội bộ lớp không thống nhất, lịch học thay đổi thường xuyên, nơi ở cho giáo viên thỉnh giảng chưa đảm bảo, học sinh thiếu thông tin cơ bản về công tác đào tạo, về chuẩn đầu ra,... Do đó, việc phối hợp sơ kết, đánh giá tình hình tổ chức thực hiện để đề ra những cách làm, những giải pháp khắc phục là biện pháp hữu hiệu để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

- **Thứ tư**, tăng cường công tác triển khai, phổ biến các quy định, quy chế về công tác đào tạo, công tác học sinh, sinh viên đến học sinh, sinh viên các lớp. Việc này đòi hỏi giáo viên được phân công chủ nhiệm và giáo viên/viên chức phối hợp quản lý phải phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, theo dõi lớp. Giáo viên phải tự nghiên cứu, nắm chắc các quy định về đào tạo, về kế hoạch học tập, lịch học, lịch thi, năng lực học tập, khả năng rèn luyện của học sinh để có thể quản lý, bao quát lớp hiệu quả. Bên cạnh đó, giáo viên chủ nhiệm của 02 bên phải thường xuyên xuống lớp để theo dõi, kiểm tra, sinh hoạt lớp. Khi giáo viên nắm vững thông tin, quy định, quản lý lớp sát sao, chặt chẽ thì chắc chắn việc tổ chức đào tạo, quản lý đào tạo lớp học sẽ mang lại những kết quả cao nhất.

- **Thứ năm**, chấn chỉnh lại thời gian, giờ giấc học tập tại các đơn vị liên kết. Với tâm lý của đơn vị liên kết là “lớp do đơn vị chủ trì đào tạo tổ chức nên đơn vị chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm chính trong chất lượng giảng dạy” nên một số đơn vị liên kết tỏ ra “thoảng” hơn trong cơ chế quản lý lịch học, lịch dạy các lớp, điều đó dẫn đến việc một số giáo viên/giảng viên thỉnh giảng bỏ giờ, dạy buổi “đứng” nhưng không thông tin về giáo viên quản lý lớp, không đảm bảo số tiết theo quy

định. Do vậy, để chấn chỉnh tình trạng trên, đơn vị liên kết cần cử giáo viên đầu mối quản lý chặt chẽ lớp, mọi vấn đề liên quan đến lịch học, lịch thi, xin nghỉ/vắng buổi, học trực tiếp/trực tuyến đều phải được thông tin đến giáo viên quản lý đó tại đơn vị liên kết. Trên cơ sở nắm tình hình lịch học các lớp hàng tuần, giáo viên phụ trách tại đơn vị liên kết thông tin về giáo viên chủ nhiệm của đơn vị chủ trì đào tạo để 02 bên cùng nắm thông tin và đề xuất các cách thức chấn chỉnh cho phù hợp.

- **Thứ sáu**, tăng cường vai trò của giáo viên/giảng viên bộ môn dạy các môn học tại các đơn vị liên kết. Giáo viên/giảng viên bộ môn khi tham gia giảng dạy, ngoài việc giảng dạy chuyên môn, cần phải có cơ chế chặt chẽ, sát sao để lớp tham gia học tập đầy đủ. Nhiều giáo viên/giảng viên bộ môn dễ dàng trong việc điếm danh, quản lý lớp nên học sinh vắng, không tham gia lớp học khá nhiều, hoặc chỉ tham gia kiểm tra để đủ điếm quá trình tham gia thi. Cần có cơ chế điếm danh, cầm thi theo đúng quy định, hạn chế “dễ giải”, “nể nang”, “bỏ qua”. Điều đó có thể dẫn đến việc so bì giữa học viên tham gia học đầy đủ và học viên vắng mặt thường xuyên.

- **Thứ bảy**, đối với các môn học nghiệp vụ về luật sẽ có phần đi thực tập tại các cơ quan, đơn vị (chủ yếu là tìm hiểu mô hình làm việc, lấy số liệu thực tế,...), nhiều học sinh lúng túng trong việc tiếp cận với cơ quan thực tập nên về phía đơn vị liên kết cần hỗ trợ, giúp đỡ học viên trong việc giới thiệu cho học viên đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để học viên có được các số liệu, học tập được các kinh nghiệm thực tiễn, phục vụ cho báo cáo thực tập các môn học nghiệp vụ luật.

- **Thứ tám**, về phía học sinh học tại các đơn vị liên kết, phải có trách nhiệm tự nghiên cứu các quy định về công tác đào tạo, chủ động liên hệ với giáo viên chủ nhiệm của 02 đơn vị để có các thông tin xác đáng, tránh tình trạng mọi việc đều bị động, phụ thuộc vào việc thông báo, nhắc nhở của giáo viên. Bên cạnh đó, dù học ở đơn vị liên kết nhưng học sinh cũng cần sắp xếp thời gian đến Trường, đến Thư viện để tìm kiếm các tài liệu luật phục vụ cho việc học tập hoặc chủ động nghiên cứu các văn bản, tài liệu mà giáo viên bộ môn đã hướng dẫn, giới thiệu, cung cấp./.

Tham luận số 11

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHUYÊN NGÀNH PHÁP LUẬT

ThS. Trần Thị Ty
Giảng viên - Phòng ĐT&CTHSSV

Bên cạnh công tác đào tạo, truyền đạt kiến thức, rèn luyện kỹ năng thì công tác học sinh, sinh viên được xem một trong những nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay. Giáo dục về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện chế độ, chính sách kịp thời; thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự; chăm sóc y tế... là những nội dung mà Trường Cao đẳng Luật miền Nam đặc biệt quan tâm từ khi thành lập đến nay.

1. Những kết quả đạt được

1.1. Công tác giáo dục, tuyên truyền

- Các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, phổ biến pháp luật, thể chất được thực thường xuyên thông qua các môn học chính khóa, ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề nhằm giúp học sinh, sinh viên nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng; có lý tưởng, tri thức pháp luật và bản lĩnh chính trị vững vàng; giáo dục về những giá trị, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, chuẩn mực đạo đức chung của xã hội, đạo đức nghề nghiệp; lối sống lành mạnh, văn minh phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc; ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể, cộng đồng.

- Thường xuyên tổ chức các phong trào hoạt động nhân các sự kiện, ngày lễ lớn trong năm nhằm tạo môi trường hoạt động, tạo điều kiện, giúp đỡ học sinh, sinh viên phấn đấu, rèn luyện để được đứng trong hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam và tham gia các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa, Tuần sinh hoạt công dân, đầu năm học và cuối khóa cho học sinh, sinh viên. Hết thúc Tuần sinh hoạt công dân, học sinh,

sinh viên được cấp Giấy chứng nhận, làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên. Định kỳ hằng năm tổ chức đối thoại giữa học sinh, sinh viên và Ban Giám hiệu Nhà trường. Trong buổi sinh hoạt, người học được phổ biến các quy định về thi, kiểm tra theo đúng quy định, các quy chế về đào tạo, công tác học sinh sinh viên, văn hóa ứng xử trong trường học, phòng chống bạo lực học đường

1.2. Công tác quản lý học sinh, sinh viên

- Sau khi có kết quả xét tuyển đầu vào, học sinh, sinh viên được tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định, được cấp thẻ học sinh, sinh viên. Trong quá trình học tập, các thông tin liên quan đến người học được lưu, thống kê, tổng hợp nhằm quản lý, lưu trữ hồ sơ và giải quyết các công việc hành chính liên quan đến học sinh, sinh viên.

- Định kỳ theo học kỳ theo dõi, đánh giá ý thức học tập, kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học; tham dự hội thi văn hóa, hội diễn văn nghệ, hội thao; giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của học sinh, sinh viên; thường trực công tác khen thưởng và kỷ luật học sinh, sinh viên; giải quyết các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến học sinh, sinh viên (miễn giảm học phí, chính sách nội trú, vay vốn).

- Thành lập Ban Vận động Quỹ học bổng để giúp các em có hoàn cảnh khó khăn vươn lên học tốt. Đây là, nguồn đóng góp các cơ quan, đơn vị, một số doanh nghiệp, giáo viên và HSSV của Trường nhằm kịp thời động viên và khen thưởng các em có thành tích cao trong học tập và rèn luyện. Học sinh, sinh viên Trường được cấp học bổng hỗ trợ học tập cho HSSV sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của Cụm Thi đua số 2, Đoàn Thanh niên Bộ Tư pháp, Vietcombank chi nhánh Vĩnh Long. Trường luôn quan tâm và ưu tiên hướng đến quyền lợi của người học xem học sinh, sinh viên là “đối tượng phục vụ”. Vì thế, công tác chăm lo chính sách cho người học luôn được đặt lên hàng đầu. Trong năm trường đã thực hiện việc chi học phí và nhiều chính sách khuyến học khác được trường thực hiện đầy đủ. Ngoài ra nhà trường còn quan tâm hỗ trợ cho người học các vật dụng như tập viết, quà tết, các yếu phẩm ...

- Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Đối tượng người học tham gia tại trường đến từ nhiều dân tộc như Kinh, Hoa, Khơ-me và có nhiều tôn giáo khác nhau như các nhà sư tham gia học đạo phật ngoài ra còn đạo thiên chúa, đặc biệt đến từ nhiều tỉnh thành như Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Hậu Giang...có văn hoá vùng miền khác nhau. Đối tượng và độ tuổi tham gia học cũng khác nhau do vậy cũng có nhiều khó khăn, Tuy nhiên tất cả học sinh, sinh viên khi tham gia học tập tại Trường đều được tạo điều kiện, môi trường học tập thuận lợi nhằm giúp các em hoàn thành tốt chương trình đào tạo. Đối với các trường hợp học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thì thầy cô giáo, các tổ chức đoàn thể tham mưu Ban Giám hiệu kịp thời hỗ trợ, động viên khuyến khích tinh thần giúp người học an tâm học tốt.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên; phối hợp với công an và chính quyền địa phương để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, giải quyết các vụ việc liên quan đến học sinh, sinh viên trong và ngoài Nhà trường;

- Xét, tiếp nhận, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý học sinh, sinh viên ở nội trú; phối hợp với cơ quan công an và chính quyền địa phương trong việc quản lý học sinh, sinh viên ở ngoại trú.

1.3. Thực hiện công tác hỗ trợ và dịch vụ đối với học sinh, sinh viên

- Vào đầu năm học Nhà trường đều xây dựng kế hoạch, tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho học sinh, sinh viên trong tuần học này học sinh, sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học; được phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, nội quy, quy định của Trường; các chế

độ chính sách có liên quan đến học sinh, sinh viên. Nhà trường có căn tin, Nhà thi đấu đa năng, sân bóng chuyền, Thư viện, Ký túc xá phục vụ nhu cầu ăn nghỉ, sinh hoạt và học tập của học sinh.

- Giáo dục kỹ năng mềm, kiến thức khởi nghiệp; bồi dưỡng kiến thức về sức khỏe sinh sản và các kiến thức, kỹ năng bổ trợ cần thiết khác cho học sinh, sinh viên thông qua Tuần sinh hoạt công dân.

- Thông tin, tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên; Tổ chức các hoạt động phối hợp giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng người lao động nhằm tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn; đồng thời thực hiện công tác báo cáo, thống kê về học sinh, sinh viên, thực trạng việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

- Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

2. Hạn chế, khó khăn

Thứ nhất, việc thực hiện chi các chế độ chính sách cho người học còn chậm trễ so với kế hoạch đề ra.

Thứ hai, chưa tạo ra môi trường học tập, chưa đa dạng trong tổ chức các hoạt động phong trào, sự thi đua giữa học sinh, sinh viên với nhau trong một lớp học, giữa các lớp với nhau trong nhà trường. Công tác xét thi đua khen thưởng đôi khi không kịp thời.

Thứ ba, giảng viên giảng dạy còn tập trung vào công tác giảng dạy chưa có nhiều thời gian quan tâm tìm hiểu tâm tư, tình cảm, hoàn cảnh gia đình cũng như điều kiện sống của học sinh, sinh viên. Việc quan tâm đến các em tại khu ký túc xá chưa thực hiện thường xuyên, chưa có cán bộ chuyên quản, chưa thực hiện công tác kiểm tra việc sinh hoạt ở khu ký túc xá thường xuyên. Vì thế, vấn đề nề nếp, trật tự, vệ sinh tại khu ký túc xá vẫn còn thiếu nghiêm túc trong công tác quản lý. Khu ký túc

xá chưa có khuôn viên cây xanh, công viên, khu giải trí cho học sinh, sinh viên thư giãn.

Thứ tư, chưa nhân viên y tế học đường tại trường tiến hành sơ cấp cứu các trường hợp cấp bách cho học sinh, sinh viên.

Thứ năm, việc tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên về ngành nghề luật chưa được thường xuyên. Công tác thu thập thông tin hỏi ý kiến của các nhà sử dụng lao động chưa chủ động. Chưa có cán bộ chuyên phụ trách công tác hướng nghiệp, thống kê số lượng người học có việc làm sau khi ra trường và tìm hiểu, xác định nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, kết nối giới thiệu việc làm cho sinh viên sau ra trường.

Thứ sáu, chưa đa dạng hóa các loại hình phục vụ cho người học. Khu Ký túc xá của nhà trường được xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu nên xuống cấp cần được đầu tư kinh phí để sửa chữa, nâng cấp hàng năm. Các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, khu vui chơi giải trí, các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa chưa được tổ chức thường xuyên. Các dịch vụ mua bán các sản phẩm thiết yếu phục vụ cho sinh hoạt và học tập, dịch vụ in ấn, photocopy chưa được phục vụ.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác học sinh, sinh viên trong đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên ngành pháp luật

Để nâng cao hiệu quả công tác học sinh, sinh viên trong Nhà trường,

Trước hết, người quản lý phải được đào tạo các kiến thức cơ bản về lĩnh vực này một cách có hệ thống, nắm được các qui luật khách quan về sự phát triển tâm lý, sinh lý của học sinh, sinh viên, biết vận dụng các qui luật kinh tế trong việc động viên khuyến khích học sinh, sinh viên... Bên cạnh đó người làm công tác quản lý học sinh, sinh viên còn phải biết và tạo ra và duy trì môi trường sư phạm mà ở đó mọi thành viên tham gia công tác học sinh, sinh viên cùng hợp tác để hoàn thành mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Hai là, tăng cường công tác hỗ trợ học sinh, sinh viên thông qua đẩy mạnh tổ chức các hoạt động tư vấn; xem xét cấp học bổng khuyến khích học tập và các chế độ chính sách cho sinh viên; tăng cường các chương khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ giới thiệu việc làm. Đồng thời, các trường học cũng cần có nhiều biện pháp cải

thiện, nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị, đa dạng danh mục tài liệu tham khảo cho học viên,...

Ba là, chủ động rà soát, phân loại đối tượng và thực hiện nghiêm theo đúng quy trình về miễn giảm học phí, khen thưởng đột xuất đối với những cá nhân có thành tích cao trong học tập, rèn luyện và các chế độ khác mà người học được thụ hưởng.

Bốn là, tạo ra môi trường sinh hoạt, học tập và sân chơi phù hợp với tất cả các đối tượng thông qua các hoạt động đoàn và phong trào thanh niên nhằm gắn kết người học lại với nhau. Giảng viên giảng dạy dành thời gian quan tâm tìm hiểu tâm tư, tình cảm, hoàn cảnh gia đình, tôn giáo tín ngưỡng cũng như điều kiện sống của học sinh, sinh viên để động viên và gắn kết người học trong quá trình giảng dạy.

Năm là, thành lập Ban quản lý ký túc xá nhằm hướng dẫn học sinh, sinh viên ở tại ký túc xá giữ gìn kỷ cương và kỷ luật trong nhà trường. Định kỳ, có các cuộc kiểm tra đột xuất việc chấp hành nội quy của học sinh, sinh viên. Từ đó, có cách xử lý, giáo dục kịp thời. Đối với học sinh, sinh viên ngoại trú, hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức tìm hiểu, theo dõi để nắm bắt tình hình học sinh, sinh viên ở ngoại trú, kịp thời giáo dục, uốn nắn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm. Cần cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, công viên cây xanh, khu vui chơi tại khu ký túc xá.

Sáu là, tiếp tục cải tiến chất lượng phục vụ của canteen, nhà xe... đầu tư máy tính kết nối mạng internet phục vụ nhu cầu tra cứu tài liệu của người học, đầu tư các góc học tập trong khung viên trường, các khu vui chơi giải trí, cung cấp các dịch vụ cần thiết... Định kỳ thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của giảng viên, người học về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, các hình thức và phương thức đào tạo tạo chất lượng dịch vụ giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Bảy là, tăng cường công tác hướng nghiệp và tư vấn giới thiệu việc làm, thậm chí công tác hướng nghiệp cần thực hiện từ rất sớm; tăng cường công tác dự báo, thông tin thị trường lao động để học sinh, sinh viên và phụ huynh có định hướng trong lựa chọn việc làm ứng nhu cầu thực tế của nhà sử dụng lao động nói riêng và

của xã hội nói chung. Tăng cường công tác đánh giá mức độ hiệu quả công việc của đơn vị sử dụng lao động đối với người lao động là học sinh, sinh viên của Nhà trường. Xây dựng kế hoạch tổ chức cán bộ chuyên phụ trách công tác hướng nghiệp và kết nối giới thiệu việc làm cho sinh viên sau ra trường và thống kê kết quả hàng năm. Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, đa dạng hóa trong việc tìm kiếm việc làm cho người học, tăng cường tính chủ động của học sinh, sinh viên. Nâng cao mối liên hệ giữa chất lượng đầu ra và cơ hội việc làm, có đánh giá nội bộ và hội nghị mở rộng với các đơn vị ngoài trường. Xây dựng kế hoạch kết nối với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động theo định kỳ trong công tác giới thiệu việc làm cho người học sau khi ra trường./.

Tham luận số 12**THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

ThS. Trần Thị Ty
Giảng viên - Phòng ĐT&CTHSSV

1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có yêu cầu cao về tính khoa học, khách quan, công bằng, đồng thời bảo đảm tính thiết thực, chống hình thức, chống sự tùy tiện. Một trong những điều kiện, tiền đề không thể thiếu để đáp ứng các yêu cầu nói trên là: hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp cần được dựa trên cơ sở pháp lý chặt chẽ. Điều đó có nghĩa là hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp được tiến hành trên cơ sở pháp luật và theo các quy định của pháp luật.

Đối với Trường Cao đẳng Luật miền Nam, đánh giá chất lượng có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp Nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một Trường Cao đẳng Luật miền nam có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua đánh giá chất lượng, thương hiệu, uy tín của một Nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

Vì vậy, đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Trong khi chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất thì một trong những khâu yếu nhất của giáo dục nói chung và của giáo dục nghề nghiệp nói riêng ở nước ta là chất lượng đào tạo chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo trong quá trình đào tạo như: cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập thiếu, không đáp ứng được nhu cầu dạy và

học; một số nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy cho một số môn học đang sử dụng đã lạc hậu chưa kịp thời đổi mới; đội ngũ giảng viên thiếu về số lượng, yếu về kinh nghiệm giảng dạy; ... Quá trình tự đánh giá đã huy động được sự tham gia của toàn thể viên chức, đội ngũ giảng viên, học sinh, sinh viên trong toàn trường và các cá nhân, đơn vị liên quan bên ngoài trường.

2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa to lớn đối với xã hội, người có nhu cầu học tại trường, đơn vị sử dụng lao động và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể hơn, đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp có vai trò quan trọng trên các phương diện sau:

- *Đối với xã hội*, hoạt động đánh giá thường mang tính xã hội rất cao, thể hiện ở chỗ: Đó là sự đảm bảo trước xã hội về chất lượng “sản phẩm” của Nhà trường hoặc của Chương trình đào tạo; Xác nhận chất lượng và hiệu quả đào tạo của Nhà trường; Là cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách hành nghề của những người học nghề.; Thông qua quá trình đánh giá, Nhà trường luôn chủ động và có ý thức trong việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nghề của mình, nâng cao hiệu quả của đầu tư cho đào tạo nghề.

- *Đối với người học*, mục đích của các dịch vụ cho người học là nhằm đáp ứng những đòi hỏi, sự ham muốn và phát huy các khả năng tiềm tàng của người học đối với các Chương trình đào tạo. Dịch vụ nhân sự cho người học phải xây dựng các chương trình định hướng và lập hệ thống hồ sơ nhân sự phù hợp gồm: tư vấn cá nhân; chương trình định hướng cho học sinh, sinh viên; lưu giữ các hồ sơ của người học; tài chính cho người học; ăn và ở; giới thiệu việc làm, ...

Vì thế, đánh giá chất lượng sẽ đảm bảo độ tin cậy đối với Nhà trường hay một Chương trình đào tạo mà người học đó đang theo học, họ có thể yên tâm vì nhu cầu học tập của họ được đáp ứng một cách tốt nhất. Giúp cho người học chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Điều quan trọng hơn là nếu được học ở những trường có uy tín và những Chương trình đào tạo phù hợp đã được khẳng định qua đánh giá chất

lượng thì người học sẽ dễ tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm khi ra trường, là tiền đề giúp cho người học được công nhận trong việc hành nghề.

- *Đối với Nhà trường*, đánh giá chất lượng có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp Nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một ngôi trường có chất lượng cao. Hay nói cách khác thông qua đánh giá chất lượng, thương hiệu, uy tín của một Nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

- *Đối với cơ quan quản lý các cấp*, đánh giá chất lượng được coi là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về Nhà trường hoặc Chương trình đào tạo, phát hiện những nhân tố mới giúp Nhà trường thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện mình để nâng cao chất lượng đào tạo. Việc các cơ quan đánh giá áp dụng các "tiêu chí đánh giá chất lượng" sẽ tránh được những tác động bên ngoài có hại tới uy tín của Nhà trường.

Hơn nữa, nếu đánh giá chất lượng nói chung và tự kiểm tra, tự đánh giá nói riêng được tiến hành tốt sẽ thúc đẩy Nhà trường cải tiến nâng cao chất lượng.

- *Đối với người sử dụng lao động*, học sinh, sinh viên tốt nghiệp từ ngôi trường đã được cấp giấy chứng nhận "chất lượng" giúp họ yên tâm hơn .

Giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động dịch vụ. Chất lượng hoạt động dịch vụ này không nằm ngoài những vấn đề chung về chất lượng và quản lý chất lượng. Bởi vậy, đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp thông qua việc đánh giá và chứng nhận Nhà trường đạt "chất lượng" là một việc làm cần thiết để hoạt động dạy nghề đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề thông qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

3. Thực trạng hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian qua

Công tác tự đánh giá của Nhà trường là tiến hành trên việc xem xét, phân tích một cách toàn diện về chất lượng hiệu quả của các hoạt động trong Nhà trường: Đào tạo, nghiên cứu khoa học, kế hoạch tài chính, tổ chức cán bộ, quan hệ quốc tế, công tác học sinh, sinh viên và tất cả các công tác liên quan. Từ đó rút ra được

những điểm mạnh, những tồn tại và quan trọng nhất là xây dựng được kế hoạch hành động, chỉ ra biện pháp để điều chỉnh các nguồn lực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đề ra của Nhà trường.

Kết quả tự đánh giá năm 2022 như sau:

(i) Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp: đạt 97.5/100 điểm.

(ii) Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp: đạt 93.5/100 điểm.

Với kết quả tự đánh giá là đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, kết quả này không chỉ là cơ sở để đánh giá ngoài mà qua đó thể hiện cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo chức năng nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng đã được xác định. Sau khi thực hiện việc tự đánh giá, Nhà trường đã rút ra một số kết quả như sau:

*** Ưu điểm**

- Trường Cao đẳng Luật miền nam là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Tư pháp có sứ mạng, mục tiêu được xác định, công bố công khai và có nội dung rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Định hướng phát triển của Nhà trường phù hợp với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của địa phương và của ngành.

- Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục của Nhà trường từ cơ sở vật chất cho đến chất lượng đội ngũ quản lý và giảng dạy ngày càng được nâng cao và hoàn thiện.

- Các mục tiêu, kế hoạch và giải pháp phát triển Nhà trường luôn được sự đồng thuận cao của viên chức và người lao động. Các nguồn lực được huy động tối đa và có hiệu quả cho sự phát triển của Nhà trường.

- Trong số các tiêu chí đánh giá đánh giá chất lượng giáo dục, Nhà trường còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế đối với tiêu chí về hợp tác quốc tế. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ cố gắng khắc phục hạn chế này và áp nhiều phương pháp để việc hợp tác quốc tế hỗ trợ đắc lực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của Nhà trường.

Với kết quả tự đánh, Nhà trường tiếp tục tăng cường, củng cố những mặt đã đạt yêu cầu của các tiêu chí; chỉ rõ và khắc phục những mặt chưa đạt yêu cầu của một số tiêu chí. Các kế hoạch hành động xác định cần thực hiện nghiêm túc có hiệu quả mới đưa nhà trường phát triển ngày càng vững chắc.

*** Hạn chế**

- Chưa tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, do năm 2021 là năm đầu tiên triển khai chương trình đào tạo cao đẳng nên chưa đủ cơ sở dữ liệu đánh giá chất lượng.

- Chưa xây dựng được hệ thống bảo đảm chất lượng, sổ tay bảo đảm chất lượng, chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng, do cá nhân phụ trách chưa có kinh nghiệm chuyên môn trong triển khai thực hiện hiện, chưa tập trung nhiều cho công tác này do còn thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác nên chưa tham mưu chặt chẽ.

- Một số tiêu chí tự đánh giá chất lượng chưa đạt như; số lượng nhà giáo cơ hữu giảng dạy đủ các môn học của các chương trình đào tạo, chưa đủ giáo trình, thư viện chưa đáp ứng yêu cầu, chưa có dịch vụ chăm sóc y tế, chưa tổ chức cho người học tham gia nghiên cứu khoa học, chưa có hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy, chưa thực hiện đầy đủ việc lấy ý kiến hàng năm của đơn vị sử dụng lao động.

- Viên chức, nhà giáo cũng chưa thực sự quan tâm nhiều cho công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục. Việc phối hợp trong tự đánh giá, đánh giá chất lượng đào tạo còn chưa chặt chẽ, còn vướng phải hạn chế trong hiệu quả đánh giá.

4. Giải pháp thực hiện hiệu quả công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo

Qua công tác tự rà soát đánh giá và đề xuất các kế hoạch nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, Trường tổng hợp các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo như sau:

Một là, xây dựng Đề án vị trí việc làm để phát triển bộ máy tổ chức hoạt động tin gọn, hiệu quả đáp ứng yêu cầu tự chủ. Thường xuyên cập nhật quan điểm, định hướng của Đảng, pháp luật của nhà nước về phát triển hoạt động giáo dục nghề

nghiệp để xác định mục tiêu phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo.

Hai là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tác phong chuyên nghiệp. Tập huấn, bồi dưỡng cho viên chức thực hiện đánh giá chất lượng về cách thức, phương pháp trong quá trình thực hiện thu thập minh chứng và xây dựng báo cáo đánh giá chất lượng.

Ba là, thường xuyên, rà soát cập nhật Chương trình đào tạo, giáo trình trên cơ sở điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật, thực tiễn giảng dạy và ý kiến đóng góp của đơn vị sử dụng lao động.

Bốn là, tăng cường áp dụng phương pháp dạy học tích cực gắn liền với đối tượng người học. Phương pháp dạy học tích cực không đơn thuần là áp dụng một cách tùy tiện mà phải xác định đúng đối tượng, thay đổi cách giảng đảm bảo phù hợp với đối tượng người học, cần kích thích tư duy đối với học sinh, sinh viên không chú ý, cần chú ý tác động tâm lý tình cảm hơn là nội dung kiến thức, tạo tâm lý hứng thú đối với môn học, tự thúc đẩy sự tìm hiểu môn học của người học.

Năm là, gắn liền nội dung bài giảng với chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của người học. Bài giảng của giảng viên phải thể hiện được sự liên kết với các môn trong chương trình đào tạo, hướng đến mục tiêu chung của chương trình đào tạo, nội dung gắn liền với tình huống thực tế, cơ hội cho người học thực hành, thực tập nhiều hơn với kiến thức lý thuyết, cọ sát với chuẩn kiến thức đầu ra phù hợp với việc làm.

Sáu là, gắn liền phương pháp giảng dạy với các phong trào. Tiếp tục tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các hoạt động ngoại khóa, chuyên đề cho học sinh, sinh viên tham gia. Thông qua phong trào có thể kích thích sự tìm hiểu, học hỏi của người học, tổ chức các hoạt động sinh hoạt theo chuyên đề nhằm tăng cường sự tham gia của người học trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổ chức phong trào trong quá trình đào tạo tại trường.

Bảy là, tiếp tục nâng cao trách nhiệm của cá nhân trong quá trình thực hiện tự đánh giá, đánh giá đánh giá chất lượng trong Nhà trường, tăng cường sự hợp tác trong quá trình thực hiện, kiểm tra sâu sát các quá trình tự đánh giá, đánh giá đánh

giá chất lượng, có sự phân tích, phản biện nhằm hoàn thiện báo cáo trong giai đoạn chuẩn bị đánh giá.

Tám là, thường xuyên bào trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu học tập và giảng dạy./.

Tham luận số 13**ĐÀO TẠO SINH VIÊN LUẬT - CUNG CẤP NGUỒN NHÂN LỰC PHÁP LÝ
CHO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

Luật sư: Trần Văn Độ - Trưởng VPLS Trần Độ

Đào tạo sinh viên luật có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực pháp lý cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước và tạo nguồn cho công tác đào tạo nghề để bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp. Trong những năm qua, số lượng các cơ sở đào tạo luật đã tăng lên nhanh chóng ở Việt Nam, nhưng điều này không đảm bảo cho sự phát triển về nâng cao chất lượng đào tạo. Việc đào tạo sinh viên luật ở Việt Nam vẫn đang tồn tại nhiều hạn chế dẫn đến chất lượng và hiệu quả đào tạo chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

Với sự tăng trưởng quá nhanh về số lượng cơ sở đào tạo nhưng thiếu kiểm soát chất lượng đào tạo. Thực tế cho thấy, trong khoảng 20 năm qua, số lượng các cơ sở được cấp phép đào tạo tăng rất nhanh, đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, Nhà nước và các bộ ngành liên quan đã không có những biện pháp hiệu quả để kiểm soát và đảm bảo chất lượng giáo dục. Điều này dẫn đến những hạn chế về chất lượng đầu ra.

Chương trình đào tạo vẫn còn nhiều hạn chế. Trước hết, chương trình đào tạo nhìn chung vẫn còn nặng về lý thuyết và thiếu việc dạy kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Phần lớn, việc giảng dạy các quy định của pháp luật, mà không chú trọng đến việc trang bị cho sinh viên các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề luật. Do đó, sinh viên luật thường rất lúng túng khi bắt đầu công việc trong thực tiễn. Bên cạnh đó, có thể thấy rằng, không có sự thống nhất trong chương trình đào tạo giữa các cơ sở đào tạo do hiện tại không bắt buộc áp dụng chương trình khung của Bộ GD&ĐT. Điều này đã dẫn đến sự "lệch chuẩn" ở nhiều cơ sở đào tạo.

Phương pháp giảng dạy pháp luật vẫn đang được tiến hành theo những phương pháp truyền thống. Phương pháp "thuyết giảng" hay "đọc chép" vẫn được

áp dụng rất phổ biến trong hoạt động dạy - học luật. Việc đổi mới và cải tiến phương pháp dạy - học theo hướng tích cực, phát huy vai trò chủ động của sinh viên và tăng cường sự tương tác trong lớp học chỉ là những nỗ lực đơn lẻ của những cá nhân giảng viên và điều này chưa đủ lớn mạnh để có những tác động tích cực đến hệ thống đào tạo ở Việt Nam.

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo gắn với thực tiễn, ngoài kiến thức chuyên môn mang tính hàn lâm, giảng viên luật cần phải có kiến thức thực tiễn. Tuy nhiên, thực tiễn ở Việt Nam cho thấy đội ngũ giảng viên hiện tại vẫn chủ yếu thuần về hàn lâm và lý thuyết mà thiếu những kiến thức thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp, do đó đã hạn chế khả năng giảng dạy và truyền đạt kiến thức trong đào tạo luật.

Vẫn tồn tại những hạn chế về việc thực hành - thực tập của sinh viên. Các hoạt động thực hành - thực tập là một bộ phận quan trọng của quá trình đào tạo, giúp sinh viên tiếp cận thực tiễn và học tập các kỹ năng nghề luật. Tuy nhiên, việc tổ chức và triển khai các hoạt động thực hành - thực tập ở Việt Nam vẫn đang rất hạn chế và không hiệu quả. Trong rất nhiều trường hợp, các sinh viên thường chỉ đến các cơ quan để đọc hồ sơ, tài liệu, quan sát người khác làm việc, chứ không thực sự được tham gia vào các hoạt động chuyên môn. Thậm chí, nhiều trường hợp sinh viên chỉ đến cơ quan đơn vị một vài buổi cho có lệ, rồi sau đó tìm cách xin xác nhận vào sổ nhật ký là coi như hoàn thành việc thực tập - kiến tập. Điều này đã ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả và làm mất đi ý nghĩa thực chất của việc thực tập - kiến tập.

Vì vậy, việc cải cách và đổi mới đào tạo sinh viên luật hiện nay đang cấp thiết. Cụ thể:

Ở cấp độ quốc gia, Nghị quyết 14/2005/NQ-CP về Đổi mới cơ bản và toàn diện nền giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 do Chính phủ ban hành năm 2005 đã nêu rõ:

“... Giáo dục đại học ở Việt Nam còn thiếu ổn định, thiếu hệ thống và thực chất, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế... còn những yếu kém, bất cập về cơ chế quản lý, cơ cấu hệ thống, cơ cấu kỷ cương, mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, quy trình đào tạo,

phương pháp dạy và học, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục, hiệu quả của nguồn lực thi cử, gian lận trong thi cử, cấp bằng cấp và các hoạt động giáo dục khác, và tất cả những điều đó cần sớm được giải quyết... nền giáo dục đại học quốc gia cần được đổi mới một cách mạnh mẽ, thực chất và toàn diện”.

Về đào tạo luật, Nghị quyết 48/NQ-TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 và phương hướng đến năm 2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2005 đã đề ra:

“... Đảm bảo số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cán bộ, công chức làm công tác pháp chế thông qua đổi mới quản lý Nhà nước về đào tạo cán bộ pháp chế; xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trở thành hai cơ sở đào tạo luật trọng điểm; thường xuyên đào tạo, cập nhật kiến thức pháp luật cho cán bộ làm công tác quản lý, điều hành Nhà nước, đặc biệt là cán bộ pháp chế của các bộ, cơ quan Nhà nước; đổi mới công tác đào tạo các chức danh ngành Tư pháp đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn và nâng cao công tác luân chuyển các chức danh ngành Tư pháp; nhấn mạnh giáo dục đạo đức nghề nghiệp đối với các chức danh ngành tư pháp; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hiện đại hóa trang thiết bị dạy học trong các cơ sở đào tạo luật, cơ sở đào tạo các chức danh ngành Tư pháp”.

Có thể thấy, cải cách và đổi mới đào tạo là một yêu cầu được thừa nhận bởi nhiều cấp chính quyền ở Việt Nam. Trước hết, xây dựng một xã hội được quản lý bởi pháp luật là một ưu tiên quan trọng của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Trong bối cảnh thực hiện các mục tiêu phát triển, Nhà nước pháp quyền được coi là tiền đề để củng cố công bằng xã hội và nâng cao dân chủ. Trong quá trình đó, đào tạo luật đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực có trình độ pháp lý. Do đó, cải cách và đổi mới đào tạo luật sẽ nâng cao chất lượng của Luật sư, Thẩm phán, kiểm sát viên và các cán bộ khác trong hệ thống tư pháp. Đây là những tác nhân quan trọng trọng đối với việc thúc đẩy xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Trên thực tế, vẫn còn một sự khác biệt giữa đào tạo luật và thực tiễn hoạt động của các lĩnh vực nghề luật. Hay nói cách khác, việc đào tạo luật trong nhiều trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc chuyên môn trong thực tiễn. Vấn đề

này cũng được xác định trong Nghị quyết 48/NQ-TW: “*Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có năng lực pháp luật và thực hiện các đề tài nghiên cứu pháp luật chưa theo kịp yêu cầu của thực tế*”. Do đó, cần cải cách và đổi mới để thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo luật và thực tiễn nghề luật. Điều này sẽ giúp tạo ra những thế hệ sinh viên luật có trình độ chuyên môn cao để đảm nhận nhiều vị trí khác nhau trong hệ thống tư pháp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

Một số giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo:

Đổi mới và thống nhất chương trình đào tạo

Trước hết, cần phải đổi mới chương trình đào tạo để đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và thực tiễn đòi hỏi của nghề luật. Trong đó, cần chú trọng nhiều hơn vào các học phần và các hoạt động giáo dục mang tính kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng "mềm" cho sinh viên. Trong hệ thống giáo dục hiện tại thường chỉ tập trung vào việc cung cấp kiến thức pháp luật mang tính nền tảng, sau đó tùy theo định hướng và lựa chọn nghề nghiệp, các sinh viên luật sẽ tiếp tục được học kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ở các cơ sở đào tạo nghề luật. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận dần với kiến thức và kỹ năng nghề luật. Điều này trước hết sẽ giúp sinh viên học tập tốt hơn vì có thể gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn nghề luật. Bên cạnh đó, việc tiếp cận với kiến thức nghề nghiệp khi còn ở giảng đường có thể tạo điều kiện cho sinh viên hình dung được thực tiễn phong phú của nghề luật, từ đó có những định hướng nghề nghiệp đúng đắn và hợp lý. Hơn nữa, đối với một bộ phận lớn sinh viên luật tốt nghiệp không có điều kiện vào công tác ở những ngành nghề thuộc hệ thống tư pháp, họ sẽ khó có điều kiện để tiếp cận việc đào tạo một số nghề (chẳng hạn Tòa án hay VKS). Do đó, việc có được các kiến thức và kỹ năng chuyên môn sau khi tốt nghiệp sẽ giúp những sinh viên này tiếp cận công việc ở những lĩnh vực khác (như pháp chế doanh nghiệp) nhanh chóng và hiệu quả hơn. Ngoài ra, việc sinh viên luật được sớm tiếp cận kiến thức và kỹ năng nghề luật ở một góc độ nào đó giúp quá trình đào tạo nghề sau này ở Học viện Tư pháp sẽ thuận lợi hơn. Nếu chỉ đơn thuần có các kiến thức nền tảng về pháp luật mà không có những hiểu biết về kỹ năng nghề luật, các em có thể sẽ rất bỡ ngỡ khi bước vào đào tạo nghề.

Ở một mức độ nào đó, các kiến thức học thuật cơ bản bắt buộc này là cần thiết để "tiêu chuẩn hóa" và rộng hơn là nghề luật của một quốc gia. Mặt khác, việc quy định khối kiến thức và kỹ năng bắt buộc cho sinh viên luật học nhằm hướng tới việc thống nhất về chương trình và đảm bảo chất lượng đào tạo.

Đổi mới phương pháp dạy - học

Cùng với cải cách chương trình, thì đổi mới phương pháp giảng dạy là một yếu tố quan trọng của việc nâng cao chất lượng đào tạo. Trong công cuộc cải cách đào tạo đại học, nhiều cơ sở giáo dục Việt Nam đã có nhiều đổi mới trong việc ứng dụng nhiều phương pháp dạy – học mang tính tích cực, dựa trên nguyên tắc "ấy học sinh làm trung tâm". Trong lĩnh vực đào tạo luật với những đặc thù riêng, việc đổi mới phương pháp dạy – học phải tiến hành theo hướng nâng cao sự chủ động của sinh viên, tăng cường sự tương tác sinh viên – sinh viên và sinh viên – giảng viên, đề cao việc tiếp cận thực tiễn, và đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ vào quá trình dạy - học. Trên cơ sở đó, cần hạn chế việc sử dụng phương pháp “đọc – chép” hoặc “thuyết giảng”. Thay vào đó, nên khuyến khích sử dụng các phương pháp mang tính tích cực như: Bình luận án, thảo luận nhóm, làm bài tập và thuyết trình bày theo nhóm, tham gia phiên tòa và viết báo cáo phản hồi, sử dụng các phương pháp mô phỏng tình huống, nghiên cứu hồ sơ vụ án và viết báo cáo phản hồi. Nếu áp dụng kết hợp các phương pháp này một cách hiệu quả, chất lượng đào tạo luật chắc chắn sẽ được nâng cao, đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn nghề luật.

Cần tăng cường hiệu quả các hoạt động thực hành thực tập pháp luật cho sinh viên

Đào tạo gắn với thực tiễn là một yêu cầu quan trọng trong đào tạo. Một trong những giải pháp để đạt được điều này là phải tăng cường các hoạt động thực hành – thực tập cho sinh viên. Theo định hướng:

Thứ nhất, chúng ta cần phải kết nối và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng, công ty luật, doanh nghiệp, và các cơ quan Nhà nước khác trong hoạt động đào tạo. Trên cơ sở đó, thường xuyên mời các chuyên gia pháp lý trong thực tiễn đến giảng dạy và trao đổi chuyên môn với giảng viên và sinh viên luật. Đây

được xem là một giải pháp kết nối và giảm khoảng cách giữa đào tạo lý thuyết và thực tiễn nghề luật, giúp sinh viên tiếp cận được các hoạt động thực tiễn.

Thứ hai, cần tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành pháp luật cho sinh viên để tạo môi trường cho sinh viên thực hành pháp luật và rèn luyện kỹ năng.

Thứ ba, cần phải đổi mới việc thực tập cuối khóa của sinh viên luật theo hướng thực chất và hiệu quả. Dù muốn hay không thì chúng ta phải nhìn nhận thực tế rằng, phần lớn các hoạt động thực tập cuối khóa của sinh viên luật hiện nay chỉ mang tính hình thức. Do đó, cần phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đơn vị tiếp nhận thực tập để thiết kế các chương trình thực tập chi tiết, phù hợp với từng lĩnh vực chuyên môn của nghề luật. Quan trọng hơn, phải có sự phối hợp hiệu quả giữa cơ sở đào tạo và đơn vị tiếp nhận thực tập để thường xuyên kiểm tra, cập nhật và có những phản hồi về tình hình thực tập của sinh viên.

Cần tăng cường kiến thức thực tiễn của giảng viên luật

Ngoài vấn đề chương trình, người học, phương pháp giảng dạy thì giảng viên là một yếu tố nòng cốt quyết định đến chất lượng đào tạo cử nhân luật. Ngoài kiến thức chuyên môn mang tính hàn lâm, giảng viên luật cần phải có kiến thức thực tiễn để đảm bảo việc giảng dạy phù hợp với thực tế nghề luật. Do đó, chúng ta cần chú trọng đến việc nâng cao kiến thức thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp của của giảng viên luật trong quá trình tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy.

Thứ nhất, ngoài những người có học vị học hàm cao, có thể ưu tiên tuyển dụng những người đã từng công tác trong các lĩnh vực nghề luật khác nhau. Kiến thức và kinh nghiệm của những người này sẽ giúp cho việc đào tạo luật gắn liền và sát với thực tiễn hơn. Thực tế ở Việt Nam hiện nay, có không ít trường hợp những người công tác trong các lĩnh vực nghề luật muốn chuyển đổi nghề nghiệp và thử sức ở môi trường giảng dạy và nghiên cứu. Đây là cơ sở để chúng ta xem xét để có chính sách tuyển dụng và bổ sung cho đội ngũ giảng viên của mình.

Thứ hai, chúng ta có thể tham khảo mô hình “song giảng” được áp dụng rất thành công ở Học viện Tư pháp trong thời gian qua. Trong đó, bố trí một giảng viên luật và một giáo viên thỉnh giảng là người có kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn (Thẩm phán, kiểm sát viên, hay Luật sư) cùng giảng dạy một phần hoặc toàn

bộ một học phần. Về phía sinh viên, họ sẽ đồng thời tiếp thu được kiến thức pháp luật từ giảng viên và kiến thức thực tiễn từ những người làm công tác trong nghề luật. Bên cạnh đó, bản thân giảng viên luật cũng sẽ có cơ hội học hỏi kiến thức thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp từ phía người cùng giảng. Đây chính là một cách nâng cao kiến thức thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp của cả sinh viên và giảng viên.

Thứ ba, chúng ta cần có những quy định yêu cầu giảng viên của mình tham gia các hoạt động thực tiễn nghề luật để tích lũy kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Chẳng hạn, cần quy định giảng viên luật phải tham gia các phiên tòa, nghiên cứu hồ sơ vụ án, thực hiện các hoạt động tư vấn pháp luật,... Để tạo động lực cho giảng viên, cũng cần có những quy định cụ thể về các quyền lợi và trách nhiệm của giảng viên đối với các hoạt động thực tế này.

Từ phân tích nêu trên, chúng ta có quyền khẳng định rằng đào tạo sinh viên luật là một lĩnh vực quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực pháp lý cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Do đó, ngoài việc phát triển về số lượng các cơ sở đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội, thì điều quan trọng là phải có những giải pháp mang tính lâu dài và bền vững nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Một hệ thống đào tạo luật có chất lượng là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng một hệ thống tư pháp vững mạnh và một Nhà nước pháp quyền đảm bảo các mục tiêu phát triển của đất nước và xã hội./.

Tham luận số 14

BÀN VỀ “NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO - GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN”

Sinh viên Lớp CĐ Dịch vụ pháp lý Khóa 1

1. Nhận thức chung

Hiện nay, mặc dù chưa có khái niệm rõ ràng về “Nâng cao chất lượng đào tạo”. Tuy nhiên, qua tìm hiểu các văn bản quy phạm pháp luật, bản thân tôi có thể hiểu “Nâng cao chất lượng đào tạo” chính là nâng cao hình thức, nội dung, chương trình đào tạo nhằm tạo ra sản phẩm đào tạo có chất lượng cao, hướng đến nâng cao nguồn nhân lực hội nhập đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động thế giới và khả năng cung ứng toàn cầu.

Với cách hiểu đó, yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định nâng cao chất lượng đào tạo sẽ bao gồm: Con người, Hạ tầng cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo và năng lực hội nhập quốc tế. Trong đó:

- **Yếu tố Con người:** Là yếu tố quyết định hàng đầu, chi phối trực tiếp vào quá trình đào tạo; Yếu tố con người nói chung bao gồm đội ngũ thầy cô giáo và cả đội ngũ cán bộ quản lý. Vì để phục vụ cho một giảng viên đứng lớp phải kèm theo một đội ngũ phục vụ qua các khâu, từ việc lên Chương trình, Thời khóa biểu, chuẩn bị Cơ sở vật chất, Thiết bị giảng dạy..... Trình độ chuyên môn của người thầy, năng lực nghiệp vụ của cán bộ phục vụ là then chốt. Nhưng con người đó có chuyên nghiệp, có nỗ lực lao động không, điều kiện làm việc của họ có tốt không sẽ tác động quan trọng đến chất lượng đào tạo.

Trong xu thế toàn cầu hoá, việc có được một Chương trình đào tạo quốc tế là rất dễ dàng nhưng vấn đề thực hiện thì không hề đơn giản vì phải có những con người có đủ năng lực mới có thể triển khai. Việc thiết kế Chương trình chuẩn, nội dung tiếp cận được với các chương trình giáo dục của những nước tiên tiến trên thế giới đã là một vấn đề không hề dễ làm nếu không chủ động hội nhập giáo dục quốc tế. Kể cả khi có Chương trình đủ chuẩn rồi thì đội ngũ có năng lực tiếp cận với thực tế lại tiếp tục là vấn đề khó khăn. Và khi đã có thầy giỏi, Chương trình chuẩn,

phương tiện học tập đầy đủ, trò ham học là những điều kiện tốt để đảm bảo chất lượng, thì vai trò của người quản lý sẽ là yếu tố quyết định thành công. Người quản lý giỏi sẽ giải quyết tốt mối quan hệ sư phạm cần thiết và quan trọng này. Do vậy, bài toán về “Nâng cao chất lượng đào tạo” rất cần người thầy, người quản lý giỏi có đủ trình độ, năng lực để đảm nhận trọng trách trong giai đoạn hiện nay.

- Yếu tố hạ tầng cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo: Đây là nhân tố góp phần phát huy và bồi dưỡng nhân tố con người, nâng cao thể lực, phát triển trí lực, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, văn minh, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội để nâng cao chất lượng dạy và học. Các cơ sở giáo dục cần mở rộng quy mô cơ sở vật chất, chỉnh trang không gian kiến trúc trong khuôn viên của nhà trường, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp phục vụ tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khoá tập trung, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa thể thao, là một tiêu chí để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; đảm bảo các chương trình dạy và học theo định hướng phát triển của ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Năng lực hội nhập quốc tế: Là khả năng tham gia vào quan hệ quốc tế qua đó nhằm cập nhật, tiếp thu Chương trình đào tạo và dạy nghề từ nền giáo dục tiên tiến của các nước. Theo đó “ Các cơ sở giáo dục chủ động và tích cực mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, tăng số lượng các chương trình giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, chuyển giao công nghệ, liên kết đào tạo, công nhận tín chỉ, liên thông chương trình với các trường đại học nước ngoài có uy tín để thu hút sinh viên, nhà khoa học nước ngoài đến học tập và nghiên cứu tại Việt Nam”. (Theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế).

2. Thực trạng đào tạo và những thách thức đặt ra cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, hằng năm Việt Nam có khoảng 223 nghìn sinh viên tốt nghiệp đại học hệ công lập và 22,7 nghìn tốt nghiệp hệ dân lập. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT), tỷ lệ sinh viên thất nghiệp sau khi ra trường là 63%. Số được tuyển dụng thì hoạt động ở các vị trí khác nhau, trong số

đó nhiều sinh viên không đáp ứng được công việc, số có việc làm đúng ngành nghề đào tạo càng khiêm tốn hơn.

Việt Nam được cho là đang sở hữu một nền kinh tế năng động, với nhu cầu tuyển dụng lớn đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân nhưng vì đâu có thực trạng nêu trên ? Nói về vấn đề này, có rất nhiều quan điểm đồng tình với nhận định: “ Việt nam không thiếu việc làm mà thực chất là thiếu những cử nhân, kỹ sư làm được việc”.

Kết quả khảo sát của 60 doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ công nghiệp tại TP. HCM về “ Đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng của sinh viên được đào tạo trong 05 năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp (dựa trên các tiêu chí kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, trình độ ngoại ngữ, tác phong làm việc và năng lực nghề nghiệp), cũng cho thấy: chỉ có 5% tổng số sinh viên tham gia khảo sát được đánh giá ở mức độ tốt, 15% ở mức độ khá, 30% ở mức độ trung bình và 40% ở mức độ không đạt. Kết quả này không chỉ phản ánh sự hạn chế trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay mà còn gián tiếp chỉ báo một nguy cơ lao động Việt Nam sẽ tụt hậu so với các nước khác trong khu vực, trong khi các doanh nghiệp đã và đang sử dụng công nghệ tự động trong quản lý nhân lực. Trên thực tế, nhiều cơ quan, doanh nghiệp sau khi tuyển dụng đã phải bỏ ra ít nhất sáu tháng đến một năm, thậm chí là hơn nữa để đào tạo lại mới hy vọng có thể sử dụng nguồn nhân lực được coi là chất lượng cao này. Khó khăn là vậy nhưng không ít sinh viên sau khi được đào tạo lại, cơ quan chuẩn bị sử dụng thì đã “ nhảy việc”. Đó là lý do, khiến nhiều doanh nghiệp không mặn mà tuyển dụng sinh viên mới ra trường.

Như vậy có thể thấy trong những năm qua, các cơ sở giáo dục tại Việt nam dù đã có nhiều cố gắng đổi mới, cải cách nội dung giáo dục ở các cấp học theo hướng tiến bộ hơn, song nhìn chung và so với một số nước trong khu vực và trên thế giới, nền giáo dục của nước ta vẫn còn lạc hậu, nhất là nội dung giáo dục ở bậc cao đẳng và đại học. Xét trên tổng thể, phần lớn nội dung và chương trình giáo dục các cấp hiện nay ở nước ta đều được biên soạn hoặc chịu ảnh hưởng bởi nội dung, chương trình giáo dục của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, đặc biệt nền giáo dục Xô-Việt cũ. Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay,

nội dung Chương trình giáo dục đào tạo ở nước ta vẫn đang bộc lộ rất nhiều bất cập và hạn chế như:

- Nhiều cơ sở giáo dục nóng vội gia tăng quy mô tuyển sinh, đa dạng các ngành nghề trong khi chất lượng đào tạo chưa đảm bảo, chưa xây dựng được chuẩn đầu vào, đầu ra, chưa xây dựng được nội dung, chương trình giảng dạy; Một số cơ sở giáo dục xuống cấp về cơ sở hạ tầng, thiếu trang thiết bị thực hành; thiếu diện tích mặt bằng, không gian phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu, giảng dạy, phải thuê mượn, phân tán ở nhiều địa điểm, cơ sở khác nhau.

- Tình trạng chạy theo hình thức, quảng bá thương hiệu sai với thực tế để đánh lừa tâm lý người học vẫn còn xảy ra ở một số cơ sở giáo dục, gây hoang mang cho sinh viên khi “ kỳ vọng ảo” về chất lượng đào tạo.

- Bên cạnh đó, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tại các cơ sở giáo dục ở nước ta hiện nay, phần lớn chưa được tiếp cận với các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phổ biến của thế giới. Nếu như phương châm đào tạo của nền giáo dục của các quốc gia tiên tiến trên thế giới hướng đến mục tiêu rèn luyện sinh viên “ Kỹ năng xử lý vấn đề đặt ra trong cuộc sống hơn là tập trung vào việc làm đầy kiến thức đã có sẵn” và việc áp dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của các trường cao đẳng, đại học trên thế giới thường rất linh hoạt, dựa trên tinh thần đề cao vai trò của người học, tạo điều kiện tối đa cho người học có thể tự học, tự nghiên cứu; Trong khi tại Việt Nam hiện nay vẫn còn quan niệm “nền giáo dục cần trang bị cho người học một lượng kiến thức càng nhiều càng tốt để họ có thể có một nền tảng vững chắc khi ra trường”. Điều đó cho thấy vai trò, vị trí của người học chưa thực sự được quan tâm.

Những bất cập, hạn chế như nêu trên, đã và đang góp phần tác động tiêu cực đến chất lượng giáo dục đào tạo, quá trình phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Đặt ra cho sinh viên những thách thức to lớn, cụ thể:

- Chương trình học tại các cơ sở giáo dục còn nặng về lý thuyết với thời lượng lớn, sinh viên khó tránh khỏi việc rơi vào trạng thái bị áp lực khi hoàn thành các học phần môn học, ít có thời gian để tự học, tự nghiên cứu, hoặc tham gia các hoạt động xã hội bổ ích khác. Do vậy khi ra trường, sinh viên không những không

có kinh nghiệm mà thiếu nhiều kỹ năng để làm việc, đặc biệt là các “kỹ năng mềm” như kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng tổng hợp, thuyết trình... Nhiều nhà tuyển dụng cho rằng các tân cử nhân vừa thiếu kiến thức, vừa thiếu kỹ năng để thực hiện công việc, đồng thời thái độ mơ hồ về mục tiêu và định hướng nghề nghiệp cũng gây khó cho họ khi muốn tuyển được ứng viên ưng ý.

- Khoảng cách về hạ tầng cơ sở, chất lượng đầu tư cho giáo dục ở các cơ sở giáo dục trong nước còn chưa đồng đều; Chưa tạo được chuẩn mực chất lượng thống nhất tại các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế. Mặc dù cùng chịu sự quản lý và giám sát chặt chẽ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhưng trên thực tế, khả năng liên thông kiến thức giữa các cơ sở đào tạo ở nước ta hiện nay còn rất hạn chế, ít thừa nhận và tiếp nhận các kết quả đào tạo của nhau, nên sinh viên rất khó khăn khi chuyển trường, chuyển ngành học. Việc liên thông kiến thức giữa các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước lại càng khó khăn hơn do có sự khác biệt lớn về mục tiêu, nội dung, Chương trình và phương pháp đào tạo (trừ các chương trình liên kết đào tạo theo thỏa thuận). Chính điều này đã gây khó khăn cho sinh viên khi muốn chuyển đến cơ sở giáo dục ngoài nước, cũng như việc công nhận văn bằng, chứng chỉ của các cơ sở giáo dục trong nước tại các quốc gia mà người học chuyển đến định cư hoặc công tác.

- Sự cạnh tranh gay gắt về năng lực giáo dục toàn cầu trong điều kiện hội nhập làm cho chất lượng nguồn nhân lực sau đào tạo của Việt Nam khó đáp ứng yêu cầu cung ứng cho thị trường lao động quốc tế, sinh viên càng khó có cơ hội lao động, làm việc tại nước ngoài. Cụ thể: theo Báo cáo về Tính cạnh tranh năng lực toàn cầu 2013 – 2014 của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) được thực hiện với 148 nước, tính hiệu quả của hệ thống giáo dục Việt Nam được xếp ở vị trí 67/144. Ở hạng mục giáo dục đại học và đào tạo, Việt Nam đứng thứ 95 trong bảng xếp hạng, thứ 7 trong các nước ASEAN, sau Xin-ga-po (thứ 2), Ma-lai-xi-a (thứ 46), Bru-nây (thứ 55), Thái Lan (thứ 66), In-đô-nê-xi-a (thứ 64), Phi-líp-pin (thứ 67).

- Ngoài ra, cuộc khủng hoảng của nền kinh tế thế giới sau đại dịch Covid-19 tác động mạnh mẽ đến Việt Nam về mọi mặt, tiếp tục đặt ra cho lực lượng tham gia giáo dục (trong đó có sinh viên) những khó khăn thách thức mới trong năm 2023 và những năm sau.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo tại trường Cao đẳng luật miền nam - giải pháp cho nhà trường và sinh viên.

Vai trò của Sinh viên từ lâu đã được khẳng định là lực lượng kế tục, phát huy nguồn trí tuệ nước nhà, là nguồn lực chủ yếu trong thời đại kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, đóng vai trò then chốt trong phát triển đất nước. Có lẽ ý thức được vấn đề này, trường cao đẳng luật miền nam đã có sự đầu tư cho cơ sở vật chất, phục vụ giáo dục như: củng cố hệ thống phòng học, giảng đường, kiến tạo khuôn viên sạch đẹp, lắp đặt đường truyền, mạng wifi rộng rãi, bổ sung thêm nhiều đầu sách giáo trình, Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa lý thuyết và kỹ năng thực hành nghề nghiệp mang tính ứng dụng Tôi đã nhận thấy điều đó qua quá trình tham gia học tập tại đây. Cá nhân tôi cho rằng nhà trường đầu tư khá phù hợp với điều kiện và khả năng thực tiễn, hướng đến mục đích bảo đảm đầy đủ, đồng bộ, thống nhất cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu. Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực của thị trường lao động trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của kinh tế số, kinh tế tri thức, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế dịch chuyển nhân lực trên thị trường lao động quốc tế, sẽ tiếp tục đặt ra cho nhà trường những yêu cầu ngày cao hơn, thách thức to lớn hơn. Bản thân tôi tin rằng tập thể giáo viên, công nhân viên nhà trường tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, phấn đấu, nỗ lực để hoàn thành sự mệnh giáo dục.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng không thể phủ nhận rằng: trong suốt quá trình tham gia học tập tại trường, sự tác động của giảng viên chỉ là điều kiện cần, còn nỗ lực của bản thân sinh viên mới là điều kiện đủ để phát triển năng lực tư duy cá nhân. Vì vậy bản thân sinh viên khi còn trên giảng đường cần phải có ý thức tự giác, chủ động tìm tòi, đam mê khám phá, lĩnh hội tri thức, vốn sống, tư duy logic và năng lực giải quyết hiệu quả tình huống nghề nghiệp trong thực tiễn thì mới thực sự nâng cao được trình độ và năng lực tư duy. Sinh viên cũng phải góp phần quan trọng để cùng với nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo.

Bằng kiến thức và kinh nghiệm hạn hẹp của mình, cá nhân tôi xin mạnh dạn đề xuất, đóng góp một số giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo cho Nhà trường và sinh viên như sau:

+ Đối với nhà trường

- Không ngừng nghiên cứu đổi mới chương trình đào tạo giàu kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp gắn với nhu cầu của doanh nghiệp; Chú trọng trang bị cho sinh viên nhiều kỹ năng mềm, kỹ năng nghề luật để sinh viên không lúng túng khi bắt đầu công việc trong thực tiễn.

- Ngoài kiến thức chuyên môn mang tính hàn lâm, giảng viên luật cần phải có kiến thức thực tiễn, tăng khả năng giảng dạy và truyền đạt kiến thức trong đào tạo; Tăng cường các hoạt động thực hành – thực tập giúp sinh viên tiếp cận thực tiễn và học tập các kỹ năng nghề luật.

- Thay thế dần phương pháp ‘đọc – chép’ hoặc ‘thuyết giảng’. Thay vào đó, nên khuyến khích sử dụng các phương pháp mang tính tích cực như: Bình luận án, thảo luận nhóm, làm bài tập và thuyết trình bày theo nhóm, tham gia phiên tòa và viết báo cáo phản hồi, sử dụng các phương pháp mô phỏng tình huống, nghiên cứu hồ sơ vụ án và viết báo cáo phản hồi. Nếu áp dụng kết hợp các phương pháp này một cách hiệu quả, chất lượng đào tạo luật chắc chắn sẽ được nâng cao, đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn nghề luật.

- Nhà trường cần tăng cường kết nối và hợp tác chặt chẽ với các cơ quan pháp luật, công ty luật, doanh nghiệp, và các cơ quan Nhà nước khác trong hoạt động đào tạo. Theo đó, thường xuyên mời các chuyên gia pháp lý trong thực tiễn đến giảng dạy và trao đổi chuyên môn với giảng viên và sinh viên. Đây được xem là một giải pháp kết nối và giảm khoảng cách giữa đào tạo lý thuyết và thực tiễn nghề luật, giúp sinh viên tiếp cận được các hoạt động thực tiễn.

- Tiếp tục đầu tư mở rộng, hoàn thiện quy mô hệ thống các phòng, trung tâm chức năng, nâng cao hiệu lực hoạt động; Mở rộng phát triển các câu lạc bộ, hội nhóm tạo sân chơi lành mạnh, hình thành môi trường thuận lợi để sinh viên phát triển kỹ năng các cần thiết.

+ Đối với sinh viên:

- **Đầu tiên và cơ bản nhất, bản thân sinh viên phải xác định được đam mê và sở trường của chính mình để lựa chọn ngành học phù hợp, hướng đi nghề nghiệp đúng đắn.** Hãy tham gia thật nhiều câu lạc bộ, các hoạt động ngoại khóa,... Đây là môi trường thuận lợi để va chạm trực tiếp với những trải nghiệm từ đó mở rộng góc nhìn của bản thân. (Chẳng hạn như: Bạn đang theo học ngành Luật nhưng lại có hứng thú với Báo chí - Truyền thông, bạn cũng có thể tham gia vào các CLB Truyền thông của nhà trường, từ đó rèn luyện và khám phá khả năng của

mình trong lĩnh vực mình quan tâm. Điều này góp phần quan trọng trong quá trình định hướng công việc cho tương lai).

- Khi còn ngồi trên ghế nhà trường, bản thân sinh viên cần nghiêm túc học tập đầy đủ, nhận thức đúng đắn kiến thức khoa học cơ bản như: nguyên tắc, phương pháp luận biện chứng duy vật, tri thức logic học, tâm lý học.... để có cơ sở vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đó vào giải quyết vấn đề hiệu quả trong học tập và trong cuộc sống. Từ đó, không ngừng rèn luyện để phát triển tư duy cá nhân của bản thân;

- Sinh viên cũng hãy lựa chọn cho mình phương pháp tự học đạt hiệu quả; Tham gia đầy đủ các buổi báo cáo thực tế môn học do nhà trường tổ chức, tiếp thu kinh nghiệm thực tế, trao đổi cùng Chuyên gia để có cái nhìn bao quát hơn trong lĩnh vực mình đang theo đuổi; **Tận dụng tối đa thời gian thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp, quan hệ tốt với giáo viên hướng dẫn để tích lũy kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp cho bản thân;**

- Ngoài ra, để trau dồi thêm các kiến thức phục vụ cho nghề nghiệp tương lai, bản thân tôi cũng nhận thấy: sinh viên cũng hãy nên đăng ký khóa học về kỹ năng mềm, ngoại ngữ và một khóa học ngắn hạn khác như: thiết kế hình ảnh; nhiếp ảnh; kỹ năng báo chí; âm nhạc.....để làm giàu tri thức. Việc tham gia tìm kiếm việc làm thêm đúng với ngành học, các tổ chức xã hội khác cũng giúp trau dồi, tích lũy thêm kỹ năng thực tế để phục vụ cho công việc khi ra trường. Nhưng phải sắp xếp thời gian phù hợp, có kế hoạch chi tiết, không gây trùng dẫm thời gian mà ảnh hưởng việc học.

- Cuối cùng, hãy tạo dựng cho mình mối liên kết với những người có cùng trình độ, đam mê và chí hướng. Bạn có thể gặp họ qua các lớp bạn học, qua các câu lạc bộ sinh viên, qua các buổi nói chuyện của người trong ngành; Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với giảng viên, tiền bối, với những người thành công trong lĩnh vực mình quan tâm. Nó sẽ đem đến cho bạn nhiều giá trị, trong đó có thể kể đến nguồn kiến thức quý báu và sự hỗ trợ trong công việc của bạn sau này.

Tóm lại, nền kinh tế Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng đã và đang mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp mới cho người lao động sau đào tạo, nhưng đồng thời

cũng đòi hỏi nhiều kỹ năng khác ngoài năng lực chuyên môn, như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng vận dụng công nghệ thông tin, kỹ năng báo cáo, làm việc nhóm, kỹ năng tìm hiểu và xử lý thông tin. Muốn thành công trong môi trường cạnh tranh, sinh viên phải có ý thức mở rộng kiến thức nghề nghiệp, nâng cao năng lực tư duy, độc lập ngay từ ban đầu. Trên cơ sở đánh giá thực trạng giáo dục và thách thức hiện nay. Cá nhân tôi đã đề xuất những giải pháp trọng tâm để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên. Nhưng điều quan trọng nhất vẫn là nhà trường và sinh viên có nhận thức kịp thời để áp dụng hay không mà thôi !